



VĂN

SOMERSET MAUGHAM, MUỖNG MÁN
PHẠM NGỌC LƯ, HỒ MINH DŨNG,
PHẠM QUANG PHƯỚC

THƠ

THANH TÂM TUYỀN, LƯU VÂN, PHẠM
CAO HOÀNG, THƯỢNG THUẬT, TRẦN
VĂN SƠN





Tạp san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ chín/Số 210 / Ngày 15-9-1972

tuyển tập thơ văn

<i>Nguyễn-Đình Vương</i>	1	Bán nguyệt san Văn trở thành giai phẩm Văn
<i>Thanh Tâm Tuệ</i>	2	Thơ tình
<i>Vũ Hạnh</i>	7	Trong ngõ tối
<i>Phạm Quang Phước</i>	17	Đám cưới
<i>Lưu Văn</i>	30	Quốc lộ
<i>Hồ Minh Dũng</i>	32	Giọt nước sông trôi
<i>Phạm Cao Hoàng</i>	40	Trên sông
<i>Mường Mán</i>	43	Cát bụi ngàn khơi
<i>Trần Văn Sơn</i>	55	Ôm một mặt trời say
<i>W. Somerset Maugham</i>	57	Con diều
<i>Thượng Thuật</i>	84	Khiêng mùa thu xuống núi
<i>Phạm Ngọc Lư</i>	86	Tình hoài
<i>Túy Hồng</i>	100	Thăng ca [kỳ 12]
<i>Jean-René Huguenin</i>	105	Bãi hoang [kỳ 8]
□□□	114	Sinh hoạt văn nghệ

Bìa : tranh của Ngọc Dũng

Chủ nhiệm
NGUYỄN-ĐÌNH VƯƠNG
Thư ký Tòa soạn
NGUYỄN-XUÂN HOÀNG
Giao thiệp trực tiếp
ĐÀM GIA TUẤN

Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Điện-thoại 23595

Bán Nguyệt San Văn Thành Giai Phẩm Văn

Sau một tuần chờ đợi, ngày mùng 8 tháng 9 năm 1972, Văn đã nhận được thư trả lời của Bộ Thông Tin. Trong thư, ông Giám Đốc Báo Chí Trần Văn Lưu cho biết yêu cầu được miễn đóng tiền ký quỹ mười triệu của Văn đã bị bác bỏ, chỉ những tập san nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, tôn giáo, giáo dục, mới được miễn ký quỹ và Văn không được trong trường hợp này.

Để thay thế cho Văn, Tân Văn tạm đình bản, như tôi đã báo tin trong số trước, để duy trì mối liên hệ thường xuyên với thân hữu và bạn đọc toàn quốc, để diễn đàn này vẫn có mặt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật, tòa soạn và bộ biên tập Văn quyết định thực hiện ngay từ tháng này, và sau số Văn này, những Giai Phẩm Văn.

Từ hình thức bán nguyệt san chuyển thành hình thức tuần tập, phải kiểm duyệt như thể lệ đã ấn định cho những ấn loát phẩm không định kỳ, Giai Phẩm Văn sẽ được xuất bản trung bình mỗi nửa tháng một lần và sẽ đến với thân hữu và bạn đọc đều đặn một tháng hai lần, trong suốt thời gian Văn tạm đình bản.

Tôi xin lưu ý thân hữu, bạn đọc và các tác giả đã hợp tác với Văn :

— Mọi liên lạc về thư từ, tiền bạc, bài vở xin vẫn gửi về cho Văn như cũ, tại 38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn.

— Giai Phẩm Văn số đầu sẽ được phát hành vào cuối tháng này.

Nguyễn-Đình Vương

Thơ Tình

Je voudrais que mon amour meure
et qu'il pleuve sur le cimetière
et les ruelles où je vais
pleurant celle qui crut m'aimer
Samuel Beckett

I. gọi em dậy

*Gọi em dậy trời mờ trên đồi
Hốt hải mai xa ngựa nện đuôi
Lông bờm vuốt da căng gõ móng mặt đất nhô
Mai còn trắng, úa lừng thừng tuần trắng
Trở về Trở về trên dấu cỏ sương*

*Gọi em dậy hoang mang mưa nhỏ
Lặng thính mai phố xám đường cõ thành
Hoa rêu bèo cầu đá tường long lở
Mai ngu ngơ trắng soi quanh đầm trời
Trở về trở về theo luống heo may.*

*Gọi em dậy ngày quen lạ sáng
Rả rượi mai hơi hương đêm thu*

*Rừng mắc cỡ mắt nghiêng tóc lả tả
Mai tình mơ chết lửng tay hờn
Trở về Trở về trả lối tịch dương*

*Gọi em dậy gọi em dậy
Nhìn suốt chiêm bao cười cợt gió
Đỉnh núi ngất xanh khắc tình sầu.*

II. chiều lặng thình ngoài

*Chiều lặng thình ngoài, chiều thân thiết
Chiều chưa bao giờ
Như một nụ hôn ủ
Trong thình không điếng vĩa
Khờ khạo cây gió chao.*

*Tình một đóa thắm
Một mùa giông
Bỗng đêm hè khánh kiệt.*

*Náu mình bên ghềnh đá
Nghe thác đổ
Vi vu khúc đông tàn
Khiếp đảm đời kiếp kiếp.*

*Đợi gió thổi tan chiều
Và nổi thờ ơ băng lạnh*

III. thối biệt mù tới

*Thối biệt mù tới
Thối ta đi*

*Chim kêu lù lo
Trong giông bão chan hòa
Chẳng nín.*

*Thối lạng ngắt xứ xôn xao
Thối lùa tan vỡ*

*Hạnh phúc cho những chùm lá reo
Cho đá thiệp
Miếng hôn đau bắn bật.*

*Thối mờ mặt mũi
Thối chia lìa hình dạng.*

*Đôi tỏ mở lênh đênh
Đêm cồn
Lũng dăng tàn lửa*

*Thối vang huyền nào
Thối trống dư thừa*

*Đốm sao nhòa biệt
Cõi trời gó
Trên giải sông trầm
Thối em đến ta
Thối ta mất tích.*

IV.

Chúng ta đứng hong phơi. Mùa dàu dặt. Gió .đầy xô sau lưng, lao đao dưới vực. Đứng mê man như cây ảm, lá sũng trong tối.

Thành phố nào đã xa rồi ? Bật sáng đèn đóm trong khuôn các cửa nhà. Thành phố nào đó ? Chập chùng đáy lũng. Lượn lờ triển đồi. Không dựng lời kẻ lẽ. Có nghe ? Có nghe những nỗi niềm cao thấp, chênh vênh ? Có nghe bien biệt trời gió lộng ? Có nghe ? Có nghe ?

Chúng ta, Nàng vẫn chúng ta, Bao lâu ? Còn chúng ta ư ? Như thể mọi mảnh gió cuốn. Như thể tâm liệm trong băng, trong cổ mộ. Chàng, tượng đá trồng sườn non. Giống như nàng cô phụ. Nàng cười nhộn theo mưa rũ tóc, C'est formidable, c'est ridicule, c'est merveilleux, c'est toi...

Mưa cũ kỹ. Chúng ta cũng cũ kỹ huyền hoặc. Thành phố lập lờ, rền chấn động những luồng sóng truyền nứt rạn ôm kín. Ruột đá nát. Chàng thấy bien nhấp nhô hèn mọn. Một mùa mưa phiêu bạt đêm thu muộn ru chàng. Chốn vườn cũ nàng về đã thành rừng mộng lẫn. Lối nào đâu ? Lối nào đâu ?

Mưa rong tìm lối. Trong giấc ngủ đầy của sự thể, mùa gió nàh đầy động cảnh hoang dã. Mộng đâu ? Mộng đâu ? Mưa thăm gọi bồi hồi. Tiếng hắt hủu nhòa nhạt. Tiếng chìm. Gọi đưa trẻ lưu lạc giữa chiều nắng quái, đưa trẻ ôm gối bên hồ sương đục buổi mai, đưa trẻ lang thang

theo con chó đói ghẻ lở vừa đi vừa liếm vết thương. Trong thành phố xup đồ.

Gọi đứa trẻ hủi hùng tuôn chạy xa tiếng gọi.

Mưa còn đó không ? Mưa dầm dặt. Biển người ngoài ôm thành phố lặn mờ. Chàng đã hư hao và rợn rợn. Còn Nàng ? Nàng cười như trận mưa không chịu ngớt. Nàng vui vầy như mưa và cỏ rồi và đêm và trống trải. Phải chăng ? Phải chăng ?

Nàng bật khóc như mưa.

Thanh Tâm Tuyền

Hãy tìm đọc :

Ý NGHĨ TRÊN CỎ

tùy bút của **NGUYỄN XUÂN HOÀNG**

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

VŨ HẠNH

Trong Ngổ Tối

Chỉ có những bậc thánh thiện và bọn đại nghịch mới có thể quay nhìn lại dĩ vãng bằng một cặp mắt hài lòng. Phần tôi, chắc chắn là không thể nào được xếp vào hai hạng đó. Vì nhìn lại những ngày qua, tôi chỉ thấy toàn thiếu sót và những sai lầm.

Nhưng cái giai đoạn lỗi lầm hơn hết được kể từ khi mới lớn. Trước đó, hồi còn bé thơ, chắc có lắm điều bậy bạ, chẳng hạn những khi cao hứng tiểu tiện ngay trên giường chiếu hay khi giận dữ nghiêng những chiếc răng măng sữa cắn vào vú mẹ khiến cho mẹ mình la làng... Nhưng các tội ác loại đó chỉ gây thiệt hại loanh quanh trong vòng gia đình. Phải đợi lớn hơn ít nhiều, lúc đã bay nhảy ra ngoài xã hội thì sự làm hại đến những người khác mới thật đáng kể. Suốt cái thời khoảng lìa xa sách vở để theo nghề võ, tôi đã đánh đập không biết bao người, nghe theo cái thứ máu nóng rồ dại ở trong thân thể mà bọn văn sĩ cà mềng quen gọi là « bầu nhiệt huyết », để làm què liệt một số đồng bào và làm hộc cả máu mồm, sặc cả máu mũi một số đồng loại.

Tình cảm không được hướng dẫn thường có những sự lệch lạc thật là quái đản. Và không hiểu sao, thời còn đi học ở Huế, chúng tôi coi việc dùng đũa đánh những lính da đen trong hàng ngũ viễn chinh Pháp như là việc làm kỳ thú lạ lùng. Phải nhận họ có sức mạnh và một số biết quyền Anh rất thạo. Nhưng chính vì thế mà việc đánh họ thành hấp dẫn hơn.

Một thời chúng tôi là mối khùng khiếp của những người lính da đen ở đây. Nhất Tuệ, bạn tôi, có một cú đánh thật là

sắc bén và trong các cuộc đụng độ với lớp lính này anh rút được nhiều kinh nghiệm, quen sự dạn dày nên trở thành vị hung thần đối với bọn họ. Bất cứ trong quán nước nào, bất kể trong đường phố nào, hễ anh xuất hiện thì bọn họ lảng tránh ngay. Họ đã nhìn quen hình dáng của anh và thấy được anh từ xa, dù trong bóng tối.

Nhưng cái uy thế của Tuệ trở nên mạnh mẽ như vậy phần lớn là nhờ ở sự hợp tác của tôi.

Vào một mùa đông năm ấy, sau một tuần lễ trời mưa tầm tã phải bị giam hãm trong nhà, chúng tôi cảm thấy tay chân ngứa ngáy vô cùng. Ai đã từng sống ở Huế tất đã biết rõ những cơn mưa dài dài dằng, khó chịu chừng nào. Hết ngày rồi lại sang đêm, tuần này kéo sang tuần khác, cơn mưa lâm li tuôn xuống bất tận từ một vòm trời thấp nặng thối hơi lạnh lẽo khắp nơi làm cho cảnh vật trở nên tiêu tụy, con người như co rúm lại và các nỗi niềm tâm sự hóa ra bi thảm lạ lùng.

Một tối, Tuệ đến tìm tôi ở gác trọ ông Cửu Hiệp, mặc dầu trời vẫn chưa ngớt cơn mưa. Lạnh lẽo khiến cho người ta nghĩ tới người yêu và tôi lấy giấy viết thư gửi cho Diễm Tuyết. Từ hồi học võ đến nay tôi đã hạ biết bao nhiêu địch thủ bản lĩnh, thế mà chương ngại cuối cùng ngăn tôi với Tuyết vẫn không thể nào vượt qua. Ông Phan, thân sinh của nàng, vẫn giữ truyền thống lễ giáo hết sức nghiêm cần và việc chọn chồng cho cô gái út được ông phê chuẩn rất là thận trọng. Ở thành phố nhỏ, tiếp xúc thân mật với người mình yêu thật là khó khăn. Có nhiều câu chuyện không sao nói được ngoài đường, có nhiều cử chỉ không thể bày tỏ một cách vội vã. Mỗi một ngôn từ, cử điệu của cuộc sống này đều đòi hỏi cái môi trường thích hợp, và những ngôn từ, cử điệu yêu thương lại kén môi trường không biết bao nhiêu. Lại nữa, ngày xưa, cách thức tỏ tình cũng không giống với ngày nay, và sự diễn tiến tình yêu vốn rất chậm chạp như cái nhịp điệu sinh hoạt hằng ngày.

Tuệ gọi tôi xuống cầu thang rồi bảo :

— Đi mày.

— Đi đâu ?

— Thì cứ theo tao rồi biết.

— Nhưng trời mưa gió thế này...

— Ồ ! Mưa gió càng hay. Gấp lên !

Tôi lấy áo mưa, theo Tuệ, và trời mưa lạnh khiến cho cả hai cảm lạnh suốt một đoạn đường. Ra khỏi thành nội, chúng tôi qua cầu Trường Tiền, đi xuống Chợ Cống. Gió hắt từng luồng nước rơi vào mặt và tôi phải nắm chặt mấy ngón tay tê cứng.

Quanh một đường hẻm, đến một ngôi nhà tranh nhỏ lụp xụp có hàng râm bụt lồi còi vây bọc, Tuệ bảo :

— Nhà của mẹ Lưu.

Tôi cố nghe Tuệ nói về mẹ điểm đã về già này. Điểm già là phần dành riêng cho lính da đen. Mẹ là nhân tình — hay có thể gọi là vợ — của gã Peter, một lính da đen lực lưỡng và là một tay quyền Anh có hạng trong bọn ở đây. Tuệ và Peter đã từng choảng nhau nhiều lần, cả hai đã gây cho nhau một số thương tích. Lần đầu anh gặp Peter trong một quán rượu. Peter đang ngồi uống rượu với người đàn bà thì một tên lính da trắng bước vào sừng sộ với y và toan bắt tai người đàn bà đó. Peter điểm nhiên không trả lời lại, chỉ đưa cánh tay ra cản cái tát người kia, khiến gã gần té sắp xuống mặt bàn. Tên lính da trắng gương dậy với một chai rượu cạnh đấy toan choảng vào đầu Peter, nhưng y đã kịp chụp lấy tay nó, bẻ ngoặt trở lại như bẻ một cái giò gà, đoạn giựt chai rượu, đẩy mạnh tên kia ra cửa, và nói :

— Đi đi ! Đẻ cho tao yên !

Rồi y ngồi xuống với người đàn bà, vẻ mặt không chút thay đổi. Peter có một cung cách khác với đa số lính da đen khác. Có lẽ sẵn cái tinh thần độc lập và ỷ vào tài nghệ mình nên y không hề nhượng bộ bọn lính da trắng. Người đàn bà kia trước là nhân tình của tên lính nọ, nhưng chị đã sớm bỏ gã khi gặp Peter.

Lát sau, tên da trắng kia trở lại với hai đồng bọn, mặt mũi đỏ như vì rượu. Chúng xông vào đánh Peter. Tất nhiên Peter đánh lại. Đánh nhau vì rượu, vì gái, đó là tất cả lẽ sống của bọn lính viễn chinh này. Nếu ta thêm vào hai tiếng « vì tiền », có thể gói hết lý tưởng ở đời của chúng.

Ba người lính kia không đánh lại nổi Peter. Gã da đen này có đủ bình tĩnh ban phát cú đấm một cách đều đặn, kịp thời, đủ cho ba tên da trắng chơi với.

Nhưng giữa lúc ấy thì Tuệ kéo tôi đứng dậy. Cái máu anh hùng can thiệp vào chuyện bất bằng ở nơi chúng tôi đã nổi lên

rồi. Tuy nhiên, cái máu ấy vốn mù quáng. Và đã mù quáng thì phải thiên lệch. Thay vì tìm hiệu sự thực rồi sẽ ra tay, thay vì bênh vực người da đen họ đã bị số đông uy hiếp vì những duyên cớ có thể là không chính đáng, chúng tôi lại tấn công gã. Chỉ vì bấy giờ chúng tôi thấy gã đang có ưu thế, gã giành được người đàn bà, và gã lại có sức mạnh.

Peter không thể nào đánh lại bọn chúng tôi, nhưng gã đã cầm cự rất oanh liệt. Trong lúc đuối sức, gã bảo người đàn bà chạy trốn đi.

Nhưng người đàn bà đã bị tên lính da trắng tóm lấy. Bây giờ là lúc trả thù. Liếc thấy cô gái bị tát túi bụi tôi cũng bắt nhand trong lòng, nhưng tôi đang phải trả lại những đòn ác liệt của gã Peter. Càng lâm vào cảnh tuyệt vọng, cú đánh của gã lại càng chính xác. Nhưng các cú đâm sắc nhọn của Tuệ khiến gã loạng choạng nhiều lần. Hơi thở của gã mệt nhọc, mắt gã mờ đục, mặt sưng bầm lên. Bây giờ gã là một kẻ yếu thế, cô độc, nhưng không ai bênh vực gã. Cái bọn ỷ vào sức mạnh như là chúng tôi lại đang nỗ lực bênh vực cho một lớp người ưu thế, ưu thế ở trên đất nước chúng tôi thời ấy, và ưu thế cả trong những quán rượu tồi tàn.

Cuối cùng, Peter chạy trốn. Điều đó làm y tủi nhục, và sự tủi nhục đưa đến hận thù. Y cùng với một số bạn tìm đánh chúng tôi. Hai phe đánh nhau bất kể đêm ngày, bất kể địa điểm. Một đêm, ở bên kia cầu Gia Hội, y bị đánh gục. Và kể từ đó y vắng biệt luôn.

Tuy vậy con người thật sự chiến thắng là Tuệ đã phải dưỡng bệnh gần một tháng trời. Khi ngồi dậy được, Tuệ bèn hăm hợ lòng kiếm kẻ thù. Và gã Peter nhất định không ra khỏi trại.

Nhưng một tên lính viễn chinh không thể ở hoài trong trại mà không nghĩ tới đàn bà. Cuối cùng Tuệ biết từ lâu Peter vẫn năng đi lại với mụ điếm già, tên Lựu. Anh đã dò được địa điểm, biết được giờ giấc tới lui của gã.

Những đêm mưa gió lạnh lẽo thế này là cái thời khoảng thuận tiện cho sự sum họp. Hơn nữa, mụ Lựu lại vừa sinh đẻ. Một mụ điếm già đẻ con, đó là câu chuyện hết sức quái gở, quái gở hơn chuyện con gà có sừng.

Như thế, Peter tất phải tìm đến thăm mộ. Tuệ đã nằm vững điềm đó và đêm nay anh muốn rủ tôi đến làm thịt kẻ thù. Ôi ! Sức khỏe tốt tươi của bọn chúng tôi tháng ngày hao phí đuổi bắt kẻ thù tưởng tượng !

Lách khỏi ngõ hẹp, qua một chiếc sân rộng bằng phân nửa cái khăn mùi xoa, chúng tôi cúi xuống mái tranh già nua nhỏ nước lòng dòng, áp mặt vào một tấm vách hờ hang, nhìn xem bên trong...

Peter đã ngồi trong nhà. Y có vẻ vừa mới đến vì đang cầm khăn lau những giọt mưa trên mặt. Gần nơi cửa sau có một người lính đen khác đang ngồi yên lặng hút thuốc, đầu hơi cúi xuống. Người này cũng thuộc vào hạng lực lưỡng không kém gì gã.

Ngọn đèn dầu hơi soi sáng không đủ gian phòng, và trong khoảng lơ mơ tối chúng tôi nhìn lâu mới thấy mộ Lựu đang nằm trên giường với một đứa bé.

Tiếng mộ Lựu nói :

— Lâu lắm mới thấy mi ra thăm tau. Cố tổ cha mi !

Giọng Huế vốn rất dịu ngọt, nhất là giọng của đàn bà, và nhiều người dân của xứ Quảng Nam chúng tôi vẫn thường bảo nghe đàn bà Huế chửi còn thích hơn nghe đàn bà xứ khác nói chuyện ân tình. Nhưng giọng mộ Lựu chưa lẽ, lộn cợn, chừng như mộ là binh dấm lâu ngày không được pha đường.

Peter đang xát hai tay vào nhau cho nóng, vội nói :

— Tao nhớ mày lắm, tao muốn ra thăm, nhưng không đi được. Có mấy thằng chó đẻ cứ đón đường để đánh với tao.

Mộ Lựu gay gắt :

— Mẹ nội mi. Tau để cả tuần mà không chộ cái mặt mi. Tau tưởng mi chết ở chỗ mô rồi.

— Thôi đừng có giận. Có thằng René ra thăm mày rồi.

Vừa nói gã hất hàm về phía người da đen ngồi ở cửa sau. Người này hơi ngẩng đầu lên, liếc mắt chăm chăm nhìn gã, không nói năng gì. Mộ Lựu bèn nói :

— Cố tổ cha mi ! Mi ghen với nó đó hả ? Đồ ngu !

Peter trả lời :

— Không, tao không hơi đâu mà ghen. Nhưng nếu là con của nó thì để nó nuôi.

Rồi y quay lại phía sau :

— René ! Mày có nghe tao nói không ?

René đứng lên, đầu gã ra khỏi tầm sáng của ngọn đèn dầu chỉ còn là vết lờ mờ long lanh đôi mắt và mấy hàm răng trắng nhợt. Gã nói :

— Peter ! Thằng bé ấy không phải con của tao. Tao không dính gì đến vụ này cả.

— Thế mày ra đây để ngồi hút thuốc đó à ?

— Đúng vậy. Và để nói chuyện. Tao thương mẹ ấy nhưng biết nó là vợ mày nên tao không bao giờ nằm với mẹ ấy cả. Chỉ bọn da trắng mới ngủ với vợ của bạn. Còn bọn da đen thì không.

Gã lại ngồi xuống, quay lưng lại phía bạn gã, đầu hơi ngược vào tấm vách sau nhà. Gã phả khói thuốc vào kẽ ván cho bay ra ngoài. Đoạn gã nói tiếp :

— Tao nghe vợ mày sinh con, tao đem tiền ra cho mẹ ấy đó.

— Sao mày không cho tao biết ?

— Cho biết làm gì ? Mày sẽ hiểu lắm, mày ghen, rồi mày đánh nó. Nếu mày không đánh thì mày sẽ buồn, mày giận cả nó, cả tao.

Gã tiếp, giọng mệt mỏi hơn :

— Mày còn kẻ thù của mày. Nếu mày biết tao ra đây, mày sẽ tìm ra. Chúng sẽ lại ăn thịt mày.

Peter bèn nói :

— Tao cảm ơn mày, René. Tao tin lòng tốt của mày. Cảm ơn mày lắm, cảm ơn nhiều lắm.

Gã tiến tới, bắt tay người bạn. Rồi nói :

— Vậy đứa bé ấy là con của tao. Bây giờ tao mới có dịp làm cha của một đứa bé.Ồ ! Làm một người cha không phải là không thú vị.

Gã đến bên giường mẹ Lựu, cúi xuống hôn mẹ. Mẹ đẩy gã ra :

— Tổ sư cha mi ! Con của mi đó mà mi lại không chịu nhận. Đồ đều !

— Tao xin lỗi mày. Tao không phải là đồ đều. Nào, cho tao bông con tao chứ !

Gã cúi xuống, chia tay ôm lấy đứa bé quẩn tròn trong mấy tấm tã trắng phau. Đứa bé oe oe vài tiếng, gã ôm vào ngực nựng nịu, cúi xuống hôn nó nhẹ nhàng. Đoạn gã đem nó lại gần ánh đèn ngắm nghía. Một lát, gã cất tiếng nói rầu rĩ :

— Nó không giống tao một chút nào cả.

Mẹ Lựu gằn giọng :

— Hả ? Mi nói cái chi lạ rứa ?

— Nó không giống tao, mày à. Da nó không đen.

Mụ Lựu hừ một tiếng lớn :

— Đồ ngu như heo ! Con gái nó phải giống mẹ chớ bộ.

Giọng Peter vẫn rầu rĩ :

— Nó cũng không giống mày đâu. Da nó không vàng.

Và gã kêu lên :

— Nó trắng !

Mụ Lựu lại hừ lớn hơn, rồi bảo :

— Ngu ơi là ngu ! Hồi nhỏ đứa nào cũng trắng, lớn lên nó mới vàng chớ.

Peter vẫn ngắm đứa bé, lắc đầu, giọng càng rầu rĩ hơn nữa :

— Nhưng tóc nó quăn và mắt nó xanh. Hồi nhỏ mày có vậy không ?

Mụ Lựu nói giọng chắc như nêm cối :

— Hồi nhỏ ai cũng như rứa, lớn lên nó mới đổi màu. Thiệt mi không biết cái đánh chi hết.

— Không, tao không thể tin như vậy. Rõ ràng nó chẳng giống tao, cũng không giống mày. Nó giống thằng Jean, thằng Paul, giống bọn lê dương da trắng.

— Thôi đi ! Đừng nói bá xàm ! Tao biết mày đều, mày không muốn nuôi đứa bé.

Peter lắc đầu :

— Tao sẽ nuôi nó. Dù sao, mày đã đẻ ra, nó đã là con của mày thì cũng là con của tao.

Gã thở dài :

— Con của tao ! Con của tao !

Rồi quay về phía René, gã hỏi :

— Thế nào ? Mày có ý kiến gì không ?

René ôn tồn :

— Tao nghĩ nó còn bé bỏng, nó thật đáng thương. Tại sao không coi nó là con của mình được ?

Peter chép miệng :

— Chỉ sợ lớn lên nó lại khinh tao da đen.

René nhún vai :

— Ồ ! đâu phải tại nó, nếu nó trở nên khốn nạn như thế.

Đứa nhỏ cựa quậy, kêu khóc oe oe vài tiếng, Peter bỗng nó đứng lên, đi quanh giữa nhà, vừa vỗ nhẹ vào người nó hát

điệu dân ca của xứ sở gã. Gọng gã ò ề cố làm điệu lại, cũng như con người lực lưỡng của gã muốn thành điệu dàng trông có vẻ gì trái nghịch với nhau một cách thâm hại.

Mụ Lựu lên tiếng :

— Dỗ nó làm chi cho mệt, lại tập cho nó hư đi.

Giọng mụ điệu xuống :

— Lũ con nít này biết thân nó lắm, nó đâu có khóc được nhiều. Để yên rồi nó cũng nín đó nọ.

Nhưng Peter vẫn cứ hát, cứ dỗ, mỗi lúc gã lại ẵm cao đứa bé, nâng nó lên gần mặt mình.

Và giữa lúc ấy thì Tuệ gõ cửa.

Mụ Lựu liền hỏi :

— Ai đó ?

Tuệ đáp :

— Người quen.

Mụ Lựu căn nhắc :

— Mưa gió thế ni mà cũng mò tới. Ai mà nghe giọng lạ hoắc rứa tề.

Nhưng mụ vẫn bước xuống giường, quờ chân tìm dép lệt bệt kéo ra phía cửa. Mụ mở chốt, kéo hé cửa ra, đón ngọn gió lạnh tạt vào, kêu lên :

— Ối dà ! Chao ôi là lạnh !

Không đợi mụ mở rộng cửa, Tuệ đã lách vào. Tôi bước theo sau. Mụ Lựu đóng ập cửa lại, gài chốt, rồi nói :

— Nhà có khách mà.

Tuệ đáp :

— Chính vì có khách nên mới tìm đến.

Nói xong, anh lột áo mưa rất vội, ném lên chiếc ghế gần đấy. Nhưng ngay lúc ấy Peter đã nhận ra được chúng tôi. Gã lùi lại, có vẻ hoảng hốt, vì tay đang ẵm đứa bé. Gã kêu lên :

— Chúng nó đây rồi !

René cũng đứng phắt dậy, vội vàng tiến tới, che trước Peter. Gã bảo :

— Bỏ đứa bé lên giường đi.

Peter đặt đứa nhỏ vào trong giường, rồi xoay người lại rất nhanh. Gã cùng René đứng sát cạnh nhau thủ thế. Mụ Lựu cuống quýt :

— Các người mần cái chi rứa ?

Peter bảo mẹ :

— Chúng muốn đánh tao. Mày nên cọi chừng đứa bé kéo nó lại khóc.

Mẹ Lưu cố chen vào giữa chúng tôi :

— Đi ra ngoài sân mà đánh đá nhau. Bộ hết chỗ rằng mà vô trong nhà người ta thui nhau cho bề đồ đạc.

Tuệ bày mẹ ra một bên, mẹ lại nhào vô đứng giữa :

— Coi tề, việc chi mà đây mà xô tui rứa ?

Mẹ lại gào lên :

— Không được đánh lộn trong nhà của tui !

Tiếng mẹ khá lớn, nhưng tiếng gió mưa bên ngoài lớn hơn. Tuệ bảo mẹ Lưu :

— Liệu mà xê ra. Bọn tao đánh lũ mọi này chớ không thêm đánh mẹ đâu. Lặng quạng đứng giữa thì ẶN ĐÒN ĐÓ.

Ý chừng sợ mẹ rước lấy nguy hiểm, Peter kéo mẹ xê ra một bên, gã bảo :

— Đây không phải việc của mày.

Rồi gã quay lại nói với chúng tôi :

— Chúng bay không muốn cho tao được yên, vậy tao mong rằng đây là lần cuối chúng ta gặp nhau. Tao đang chờ đây. Đánh đi !

Peter không cần mời mọc, Tuệ đã xông đến, còn tôi thì giao đấu với René. Gã này cũng khá về môn quyền Anh, người lại vạm vỡ, nhưng xem gã không cảm thấy hào hứng trong cuộc đấu này. Dù tôi đã cố tấn công tới tấp gã chỉ né tránh, đón đỡ, chứ không muốn phản công lại. Tuệ và gã Peter thì đánh đấm nhau chí tình, vì giữa họ có khá nhiều món nợ dĩ vãng cần được thanh toán.

Căn phòng quá chật, chúng tôi phải xáp vào nhau, quần chật lấy nhau, đánh đấm bất kể. Mọi người đều giữ im lặng, chỉ có hơi thở phát ra mạnh mẽ kêu nghe phì phò và thỉnh thoảng các cú đấm đập vào thịt da chành chạch. Trong bóng mờ của ngọn đèn đều bốn cái thân xác vờn nhau, rọi những hình ảnh chập chờn quái gở trên vách.

Mẹ Lưu đã leo lên giường, ẵm đứa bé nhỏ vào lòng, ngồi thụt sâu vào một góc. Chỉ có mỗi một khán giả bất ngờ và hốt hoảng đó bị bắt buộc phải theo dõi trận đấu và chẳng bao giờ có thể hiểu được vì sao chúng tôi thù nhau, đánh nhau chí tình như vậy.

Bên ngoài mưa vẫn nặng hạt. Các cú đấm đầy hơi lạnh ra khỏi cơ thể rất chóng và kéo mồ hôi ra theo, khiến cho da thịt

trở thành trơn trượt, chúng tôi loạng choạng. Trong một bước lùi, René xô ngã cây đèn. Một tiếng vỡ choang, ánh sáng vụt biến. Mụ Lựu kêu lên, đứa bé quấy khóc. Tiếng thở hồng hộc nghe rõ nhiều hơn và có tiếng ngã nặng nề của một xác người, tiếng đồ gãy của bàn ghế.

Tôi nghe Tuệ hào hèn nói :

— Đi thôi.

Tiếng mụ Lựu khóc rống lên, và mụ bắt đầu kêu la làng xóm cứu cấp. Làng xóm lạnh lẽo thích ngủ hơn là xông pha mưa gió nên chung quanh vẫn im lặng. Hơn nữa, những lời kêu cứu phát ra từ nhà của mụ điểm già đã mất hẳn cái chính nghĩa để sự hốt hoảng có thể triệu tập quần chúng kịp thời.

Chúng tôi lui về phía cửa, sờ soạng tìm kiếm áo mưa, nhưng trong bóng tối, chỉ sờ gặp nhau. Mụ Lựu vẫn kêu :

— Bớ làng xóm ! Có ăn cướp, bớ làng xóm !

Tiếng René nói nhẹ nhàng :

— Im đi nào ! Để tao tìm cái đèn bấm.

Chúng tôi đành bỏ áo mưa, quờ quạng được chốt, mở cửa chạy ra bên ngoài. Ngọn đèn trắng bệch rọi vòng quanh nhà và phóng về hướng chúng tôi. Nhưng Tuệ và tôi đã ra khỏi ngõ. Bây giờ chúng tôi mới nhận thấy con đường hẻm vừa trơn lại vừa lầy lội khó đi. Tuệ bám chặt vào vai tôi, hơi thở mệt nhọc, gấp rút. Qua một dãy phố có ánh đèn lọt ra đường tôi thấy mặt Tuệ bê bết những máu. Tôi kêu :

— Chết chưa ! Mặt của mày...

Tuệ đáp, phều phào :

— Không có hề gì... Nhưng thằng chó đẻ ấy có sống đặng cũng đến tàn phế... Tao đã đánh tận lực mà... Tao đã ..

Tuệ nói hựt hơi, chỉ thở hào hèn. Tôi thấy anh ta bấu vào vai tôi nặng hơn và tôi nghe cay, nghe rát nơi miệng. Tôi nuốt nước bọt và cái vị mặn của máu xuống đầy trong cổ họng tôi.

Chúng tôi không còn biết đến Peter ra sao, René thế nào. Cũng không bao giờ đến nhà mụ Lựu một lần thứ hai. Có những dĩ vãng người ta không muốn nhắc tới, có những kỷ niệm người ta chỉ mong quên đi. Lính da đen và điểm già không phải là những món đồ trang sức cho cuộc sống này thêm phần hấp dẫn.

Vũ Hạnh

PHẠM QUANG PHƯỚC

Đám Cưới

Ông Hai Chò đứng dậy, đưa tay phải dít quần, nhìn vào phía cửa hội đồng xã rồi lấy bộ cương quyết, ông bước. Tới trước cánh cổng bằng kẽm gai đáng lý đôi chân phải rẽ vào lần cổng ấy nó lại vô hồn bước thẳng. Chẳng biết lần thứ bao nhiêu, ông Hai lập lại những cử chỉ thật ngớ ngẩn : ngồi một lát định thần, đứng dậy đưa tay phải bụi ở dít quần, nhìn thẳng vào dãy nhà ngói nơi làm văn phòng xã tự nhủ nơi đó không có gì đáng sợ cả, rồi bước. Những bước chân nặng nề cố làm ra vẻ quen thuộc và bạo dạn. Nhưng lần nào cũng vậy, cứ tới trước cổng nhìn cái bộ dáng và tạo thành nghiêm trọng, bắt gặp đôi mắt soi mói của người dân vệ ôm súng đứng gác, bao nhiêu công lao chuẩn bị của người đàn ông già lại tiêu tan.

Mở mắt, khóc đời giữa đồng ruộng và lớn lên với chuỗi ngày nhọc nhằn trải dài theo từng ô ruộng, vui buồn cùng những mùa gặt lúa, rất ít khi ông Hai chạm mặt với những công việc phiền toái, những quy củ của đời sống bởi giấy tờ rắc rối... Buổi sáng, khi những con trâu cần mẫn bắt đầu qua lại trên ruộng đồng thân yêu của nó, ông Hai lợi bộ quãng đường dài mấy cây số ra tới xã này với việc xin phép làm đám cưới cho thằng con trai độc nhất, ông Hai mang trên người đầy đặc mặc cảm. Ông sợ tất cả những gì mà ông đã gặp từ lúc đặt chân lên con đường tráng nhựa lở lói có xe qua lại. Ông sợ những chiếc xe mười bánh chở lính Mỹ nói cười ồ ề. Ông sợ dãy nhà được bao bọc bởi nhiều hàng kẽm gai, hào nước, ở trong đó mọi người đi lại một cách bận rộn. Ông Hai sợ nhất là gương mặt lầm

lý của người lính ôm súng đứng gác ngay cổng ra vào. Nếu không sợ nhiều như thế, chắc hẳn ông đã mạnh dạn bước vào từ lâu. Cứ nghĩ tới đôi mắt găm găm của người lính gác, ông Hai lại muốn bỏ về ngay lập tức, sau đó muốn ra sao thì ra. Ông Hai, trong một lúc chán nản chỉ nghĩ buông xuôi vậy thôi chứ thực ra ông không dám bỏ về. Sẽ có bao nhiêu rắc rối đổ xuống đầu ông nếu làm đám cưới mà không có phép của xã. Sẽ ăn nói làm sao nếu lính đi ruộng bắt gặp một đám đông người tụ tập tại nhà mình? Những người lính sốt sắng và đầy nghi ngờ có chịu nghĩ rằng mọi người đang ăn nhậu trong nhà đều không có một chút dính líu tới Bên Kia? Chưa hết, còn những chiếc trực thăng ngày đêm đảo lộn trên trời, bình thản nhưng những người lính trên đó có nghe thấy giọng cười vui vẻ, có ngửi được hơi thở nồng nặc hơi men của những người dưới này để tin rằng đó chỉ là một đám cưới? Ông Hai nghĩ thật nhiều và thấy không thể nào không vào xã, phải trình cho họ biết.

Sẽ vào nhưng... lát nữa. Nhìn lên đỉnh trời, nắng tươi, nhưng không gặt ông Hai biết còn sớm nên « gia hạn » cho mình rồi bước lần về phía chợ. Ở đây ông Hai bỗng nhớ ra rằng ngoài việc đi trình báo với xã, ông còn phải mua nhiều thứ cần dùng trong đám cưới của thằng Tôn con trai ông.

Thằng Tôn bây giờ không phải là hình ảnh của ông Hai mấy chục năm về trước. Ngày ấy, ông Hai là một người con trai bồng bồng nhựa sống.

Từng bắp thịt cuộn lên ở tay, ở chân, từng tràng cười sang sảng đêm trăng và những câu hò tình tứ ngày làm ruộng đã cho cậu Hai chiếm một chỗ đứng khá cao trong địa hạt tình cảm của mọi người lối xóm và điều đáng nói hơn cả là bất cứ một cô gái nào cũng thích « hò đối » với cậu mặc dù không thiếu gì những chàng vừa đôn, vừa ca sáu câu mùi rệu. Cậu Hai là mẫu người cần cù siêng năng. Từ một người làm mướn, cậu nhin từng miếng cơm, manh áo tậu được mấy ô ruộng cần khô. Những ô ruộng cần khô tưởng đã bỏ đi, nhưng khi về tay cậu Hai, từng nhát cuốc tung đất, từng dòng mồ hôi theo nhau nhỏ xuống, biến mảnh đất thành thảm lúa xanh tươi, và

những cây lúa nặng hạt thơm mùi thân yêu. Ruộng của cậu Hai dần dần không thua gì ruộng nhất, nhì trong làng. Trúng mùa liên tiếp giúp cậu dư tiền tậu được đôi bò, cỗ xe. Từ đó, ruộng cho thuê, cậu Hai với cỗ xe nhân hạ chỗ lúa thuê không bao giờ hết mỗi. Nhất là sau những vụ gặt. Cậu Hai Chò bắt đầu khơi mở một cuộc đời sung sướng. Người độc nhất trong làng lúc nào cũng mặc quần áo bằng hàng lụa : cậu Hai Chò. Chiếc xe đạp đầu tiên lăn bánh trên những con đường chông chênh trong xóm : của cậu Hai Chò. Bằng ấy thứ đủ để con gái chú ý đến cậu Hai thật nhiều. Lắm mỗi tối nằm không, cậu Hai chưa thấy ung da cô nào cả, mặc dù nhiều cô cũng khá sắc xảo, mặn mòi. Cho đến một ngày cậu Hai gặp cô Tư Muông. Cô Tư là con gái cưng của ông cai tổng làng bên. Một hôm, có việc cô phải qua gặp cậu Hai để nhờ cậu chở giúp mấy đạ lúa ra nhà máy xay. Ngay từ lúc mới gặp, hai người coi bộ mê nhau dữ. Nhất là sau khi, trên một khúc đường vắng hai người hò với nhau nhiều câu tình tứ.

Cái tin đám cưới của cậu Hai Chò với cô Tư Muông — hai người khá giả của hai làng — lan đi thật nhanh. Người già thì gật gù hài lòng và tiên đoán rằng hai đứa chúng nó sẽ có hạnh phúc. Nhưng bọn trẻ thì có vẻ ghen tức với đám cưới rầm rộ của cậu Hai. Mà quả thật đó là một đám cưới rầm rộ hiếm thấy. Ngoài số bà con của hai đảng trai gái, cậu Hai còn mời nhiều người chức việc trong làng. Ông cai tổng, ba cô Tư còn đi mượn một đoàn hát bộ về diễn liền ba đêm tại sân khấu ngoài trời trước sân đình. Ý của ông là mỗi lần mọi người kể lại cho nhau nghe về vở tuồng « Tiết Đình San cầu Phán Lê Huệ » sẽ không quên nhắc lại đám cưới của con gái ông. Mồ côi cha mẹ nên cậu Hai vui vẻ đi ở rề khi ông cai tổng viện lễ nhà ông neo người.

Những năm ở rề của cậu Hai thật trái ngược với câu nói của người xưa « đi ở rề như chó nằm gằm chạn ». Cậu được cả gia đình nhà vợ thương mến. Tất cả những công việc quan trọng đều do một tay cậu Hai lo liệu. Ông cai tổng nhân nhã hưởng sung sướng để bù đắp quãng ngày bán hàn ấu thơ. Trong những lúc nằm chập chờn bên khay đèn dầu lạc, ông cai tổng đã nghĩ đến việc mua cho thằng lễ một chức hương quản. Nhưng ít tháng sau ông khuất núi theo bà cai. Ông mang theo ý định mua danh lợi không bao giờ nói và để lại cho vợ chồng Hai Chò một sản nghiệp to lớn. Tuy giàu nứt đổ đổ vách, cậu Hai vẫn không

bao giờ chịu ngừng nghỉ. Tiền cứ để ra tiền, bởi vậy khi thằng cu Ton ra đời, nó sống trong sự giàu sang của ba má. Vợ Hai Chò hiềm muộn được có mỗi thằng cu Ton rồi thôi, mặc dù lúc đó chị Hai còn trẻ. Anh Hai tuy không nói nhưng buồn vì nỗi ít đẻ của vợ. Theo anh, thì ít nhất phải một trai, một gái. Anh Hai vẫn ôm ấp hy vọng vợ mình sẽ cho thêm một cái nữa. Nhưng chờ tới khi thằng Ton được tám tuổi, nghĩa là sau gần bảy năm chờ đợi, anh Hai mới hết hy vọng. Cả hai vợ chồng đều dồn tất cả thương yêu vào đứa con độc nhất. Sống trong sự nuông chiều hết mực của gia đình thằng Ton khi hơi lớn khôn đã coi đó như một cực hình. Cả ngày Ton bị giữ riết trong nhà không hề biết nắng gió. Tới khi thêm thả rông ngoài đồng Ton mới thấy tất cả những bực bội nó phải chịu bởi con một nhà giàu. Nó thêm được góp mặt với những trò chơi của lũ trẻ cùng xóm. Nó thêm được đắm mình trong nước ngoài ruộng như những đứa trẻ con mấy người tá điền thường kể cho nó nghe. Nói tóm lại, thằng Ton thêm đủ những trò chơi cần thiết cho thời tuổi nhỏ. Khổ cho nó, những điều nó thêm lại bị ông Hai coi đó như điều cấm kỵ có thể làm mất đi cái mã của cậu công tử con điền chủ. Ông Hai muốn con mình có chút ít chữ nghĩa để đọc sách thánh hiền và tiện bề thay thế ông trong mọi công việc lúc ông tuổi già sức yếu nên không ngại tốn kém ông mượn một thầy giáo về dạy Ton tại nhà. Nhưng ông thất vọng hết sức về thằng con trai yêu : tuy nó khá thông minh nhưng lười. Ton lười không tưởng được. Nó chỉ học khi nào nó cảm thấy... vui trong bụng vì chữ « ông thầy » được ít câu hay « ông thầy » cãi nhau tay đôi với nó mà không lại. Mới vài tháng, Ton đã thuộc hết chữ cái và biết đánh vần. Ông Hai đã có ý mừng vì trí thông minh của con mình. Nhưng càng học Ton càng tỏ ra chán ghét chữ nghĩa và lười, nó lười đến nỗi ông Hai nghĩ khó tìm được ai có thể lười hơn thế. Có một phép tính cộng mà cả tháng trời hai với hai thằng Ton vẫn viết số sáu như thường. Đã lười Ton lại thêm được cái tính hỗn láo. Từ ông thầy học đến những người làm trong nhà Ton chữ tuốt hết, không kiêng nể một ai dù người đó có được ba má gọi bằng bác một cách kính trọng. Nhiều ông thầy yêu nghề đã phải lắc đầu chán nản trước đứa học trò khoái đá dế, nghe chuyện ma hơn là học. Ông Hai Chò nghĩ rằng có tật thì có tài nên vẫn cố công cho Ton theo đòi bút nghiên. Ông thầy cuối cùng cho kiếp học nhà

bao giờ chịu ngưng nghỉ. Tiền cứ đẻ ra tiền, bởi vậy khi thằng
 cu Tôn ra đời, nó sống trong sự giàu sang của ba má. Vợ Ha
 Chò hiếm muộn được có mỗi thằng cu Tôn rồi thôi, mặc dù lúc
 đó chị Hai còn trẻ. Anh Hai tuy không nói nhưng buồn vì nỗi ỉ
 dề của vợ. Theo anh, thì ít nhất phải một trai, một gái. Anh Hai
 vẫn ôm ấp hy vọng vợ mình sẽ cho thêm một cái nữa. Nhưng chờ
 tới khi thằng Tôn được tám tuổi, nghĩa là sau gần bảy năm chờ
 đợi, anh Hai mới hết hy vọng. Cả hai vợ chồng đều dồn tất cả
 thương yêu vào đứa con độc nhất. Sống trong sự nuông chiều
 hết mực của gia đình thằng Tôn khi hơi lớn khôn đã coi đó như
 một cực hình. Cả ngày Tôn bị giữ riết trong nhà không hề biết
 nắng gió. Tới khi thêm thả rông ngoài đồng Tôn mới thấy tất cả
 những bực bội nó phải chịu bởi con một nhà giàu. Nó thêm
 được góp mặt với những trò chơi của lũ trẻ cùng xóm. Nó thêm
 được đắm mình trong nước ngoài ruộng như những đứa trẻ con
 mấy người tá điền thường kể cho nó nghe. Nói tóm lại, thằng Tôn
 thêm đủ những trò chơi cần thiết cho thời tuổi nhỏ. Khổ cho nó,
 những điều nó thêm lại bị ông Hai coi đó như điều cấm kỵ, có thể
 làm mất đi cái mã của cậu công tử con điền chủ. Ông Hai muốn
 con mình có chút ít chữ nghĩa để đọc sách thánh hiền và tiện bề
 thay thế ông trong mọi công việc lúc ông tuổi già sức yếu nên
 không ngại tốn kém ông mượn một thầy giáo về dạy Tôn tại nhà.
 Nhưng ông thất vọng hết sức về thằng con trai yêu : tuy nó khá
 thông minh nhưng lười. Tôn lười không tưởng được. Nó chỉ học
 khi nào nó cảm thấy... vui trong bụng vì chữ « ông thầy » được ít
 câu hay « ông thầy » cãi nhau tay đôi với nó mà không lại. Mới vài
 tháng, Tôn đã thuộc hết chữ cái và biết đánh vần. Ông Hai đã
 có ý mừng vì trí thông minh của con mình. Nhưng càng học Tôn
 càng tỏ ra chán ghét chữ nghĩa và lười, nó lười đến nỗi ông Hai
 nghĩ khó tìm được ai có thể lười hơn thế. Có một phép tính
 cộng mà cả tháng trời hai với hai thằng Tôn vẫn viết số sáu như
 thường. Đã lười Tôn lại thêm được cái tính hỗn láo. Từ ông thầy
 học đến những người làm trong nhà Tôn chữ tuốt hết, không
 kiêng nể một ai dù người đó có được ba má gọi bằng bác một
 cách kính trọng. Nhiều ông thầy yêu nghề đã phải lắc đầu chán
 nản trước đứa học trò khoái đá đố, nghe chuyện ma hơn là học.
 Ông Hai Chò nghĩ rằng có tật thì có tài nên vẫn cố công cho
 Tôn theo đòi bút nghiên. Ông thầy cuối cùng cho kiếp học nhà

của Tôn là một anh hơn nó hai tuổi. Anh này là người ở với Tôn lâu nhất nhờ những cuộc chọi đố và những câu chuyện ma rừng rợn trước mỗi buổi học.

Tới năm mười bốn tuổi, Tôn đã có thể đọc sách hay cộng giúp ba nó những món tiền mọi người còn thiếu. Nó kiếm có rồi gia đình bằng cách xin ra tỉnh học. Thoạt đầu, ông Hai quyết liệt từ chối, nhưng dần dần ông thấy không nên cản bước tiến của con ông trên đường chữ nghĩa. Tôn khôn khéo vẽ lên cho ba nó thấy dự định của mình : học kiếm mảnh bằng rồi ra làm quan. Ông Hai đã từng chứng kiến cảnh sống « ăn trên ngồi trước » của một ông cai tổng nên khi thằng Tôn nhất định học làm quan ông bằng lòng vì thằng con chí lớn. Và mặc vợ khóc lóc can ngăn, ông nhất định cho thằng Tôn ra tỉnh học. Đi theo nó là ông thầy đồng trang lứa (anh này trước kia có một thời gian sống trên tỉnh bằng nghề làm mướn, đã tuyên bố hết sức chắc chắn là sẽ chỉ bảo Tôn hết lòng). Một ngày trước Tôn lên đường, ông Hai mở tiệc mời mọi người tới để hãnh diện nói về lần ra tỉnh học của con trai mình. Đến khi Tôn đứng ở mũi ghe cười ngu ngơ, mấy người đi tiễn chân thấy cái tướng phi nộn của nó trong bộ khăn đóng áo dài chữ thọ, ai cũng khen thầm ông Hai là người tốt phước thể nào rồi cậu Hai Tôn cũng đem vinh dự về cho ông Hai và làng nước cũng được nhờ mỗi khi có việc phải lên tới cửa quan.

Trong lúc theo học trên tỉnh, Tôn được gia đình tiếp tế cho đủ thứ. Hết một tháng kể từ ngày đi, Tôn về làng chơi tròn ba tháng, mà theo lời nó thì hết ba tháng « va-căng » nó lại phải trở ra tỉnh học. Ngày đi và ngày về không cách nhau bao xa mà có hai hình ảnh ở thằng Tôn. Ngày đi nó ngu ngơ khăn đóng áo dài, ngày về nó nhanh nhẹn diện áo sơ-mi, quần tây, chân dận giấy mồm ếch, đầu thêm chiếc nón cối rộng vành. Ông Hai thấy con mình nói tiếng tây như gió. Bất cứ ở đâu Tôn cũng xỏ ra từng tràng nghe lạ tai và không ai hiểu cậu Tôn nói những gì, nên người nghe chỉ biết dạ. Hết ba tháng nghỉ « va-căng » Tôn lại khăn gói trở ra tỉnh sau khi đã cố gắng chỉ cho ông Hai học thuộc mấy tiếng tây nó đem ngày về. Ông Hai áp dụng ngay sợ đề lâu quên mất. Nhiều người tới hỏi vay tiền, ông Hai từ chối, bảo :

Cuối cùng, ông Hai tưởng trời đất bỗng đảo lộn khi nghe ông thầy cho biết « cậu Ton con » đã thề thốt với cô nếu ưng cậu làm chồng cậu sẽ về bán hết sự nghiệp tại quê nhà để có tiền cho hai người chung sống. Không cần suy nghĩ thêm, ông Hai tức tốc thảo một bức thư sai ông thầy và hai người tá điền lên tỉnh để « nắm cổ cậu mày về đây cho tao ».

Người làm đi rồi, ông bà Hai bắt đầu đổ lỗi cho nhau. Bà vừa khóc vừa cho rằng tại ông bày đặt ra cái vụ lên tỉnh học mới ra nông nổi. Cứ để nó ở nhà học ngày này qua tháng nọ xem thử nó có đủ chữ nghĩa để thi thố với đời hay không. Ông Hai cũng dẫu chịu kém. Ông vội đem lời xưa ra để cho vợ mình thấy là cái sự đồ đốn của thằng Ton hoàn toàn tại bà. Con hư tại mẹ cháu hư tại bà. Tại mình nuông chiều nó quá nên hư thân. Cứ như tôi thì nó dẫu có vì ham mê một bóng sắc mà bỏ bê việc học. Đổ lỗi cho nhau không xong, ông bà đồng ý nên thù oán « con đĩ » nào đó đã rủ rê con trai mình vào đường tử sắc. Ông Hai vội vẽ lên một chương trình mới dành cho thằng Ton. Không sĩ thi nông. Số cậu quý tử không duyên nợ với sách đèn thì cho nó quay về con trâu, luống cày thay thế ông lúc ông già yếu. Nhưng, những người từ tỉnh về không có mặt thằng Ton, ông thầy bảo cậu Ton đã dọn đi chỗ khác từ khi nào rồi. Ông Hai chỉ còn có nước than trời vì ông chắc chắn một điều dù có đi tìm một khi thằng Ton muốn trốn thì khó lòng bắt được. Cứ để nó muốn đi tới bao giờ cũng mặc. Khi nào nó muốn trở về, nó sẽ về.

Thằng Ton về thật sau mấy tháng bất tin. Cái ngày Ton về thật là đáng nhớ. Ton mang về cho cái xóm Cống quê mùa này tất cả những văn minh, những hơi hướm thành phố mà nó có trên người; đầu phết bi-ăng-tin láng mượt, mắt đeo kiếng mát, chiếc áo chim cò xanh đỏ và cái la-dô chạy pin Ton cầm trên tay. Nó bước nghênh ngang trên con đường về nhà. Chiếc la-dô nó cầm trên tay được mở hết cỡ lớn hát nhạc xập xình vang vang trong xóm khiến nhiều người chỉ trỏ, trầm trồ. Ton vénh mặt ngó quanh một vòng trước khi hướng mũi giày mồm ếch vào hai cánh cổng gỗ sơn mờ ngổ.

Ton về buổi sáng, tới chiều từ mạn sông Nghé ra tới xóm Cống đều hay tin. Những câu chuyện tát đìa, lính bố không còn

hấp dẫn bằng câu chuyện quanh thằng Tôn. Bọn trẻ lừa với Tôn nói tới nó nhiều nhất. Ngay sáng hôm sau — buổi sáng đầu tiên trong đời làm quen với con trâu, luống cày—Tôn ra đồng xách một giỏ đồ ăn nặng trĩu, lại có thêm cả một lít đế. Dọn đồ ăn trên một manh chiếu, Tôn đi kêu tất cả lũ trai gái có mặt tới dự bữa ăn do nó mời gọi là chút quà làm quen. Bọn trẻ không khách sáo vừa ngồi xuống vừa reo hò tỏ mở. Tôn liếc mắt sang đám mấy đứa con gái rồi rút đế ra chén, nín thở nốc một hơi gần cạn. Nó đưa chén rượu cho thằng ngồi cạnh rồi bắt đầu ba hoa về chuỗi ngày nó sống trên tỉnh. Nó bảo trên tỉnh nó làm « xếp sòng » tụi cao bồi. Khỏi cần làm gì cũng sống để vương.

— Còn những thằng làng chàng tụi bay biết tao làm sao không ?

Thằng Tôn hỏi nhưng cả bọn không đứa nào biết trả lời sao. Tôn có vẻ tiu nghỉu về sự im lặng của lũ trẻ. Nó vụt đứng dậy, rút phắt lưỡi dao con chó sáng giới giắt ở lưng quần, Tôn đâm một thẳng cao bồi tưởng tượng:

— Đ.M. Chỉ một cái khua tay là rồi. Gọn băng.

Cả bọn phục thằng Tôn quá. Không đứa nào biết thằng Tôn chỉ nói dóc cho sượng miệng vậy thôi. Trên tỉnh nó chẳng làm cái vương tướng gì như nó nói. Sau khi bị mất tiếp tế, Tôn sống chật vật qua ngày bằng nghề rửa xe đồ. Nó cũng hết phương tiện để đến với người đẹp. Tuy Tôn nói dóc nhưng bọn trẻ vẫn tin như thường vì thấy ngày về nó có la-dô, có kiếng mát và một lưỡi dao con chó mà có lẽ lúc nào cũng sẵn sàng đâm chém. Rượu đế, thức ăn cứ với dần theo những lời khoác lác của Tôn. Mỗi đứa tặng bốc nó một câu khiến nó khoái quá. Tôn đứng dậy nói liti cả lưỡi:

— Đứa nào biết nhảy « tit » (twist) không ? Đứng dậy làm với tao cho vui.

Cả bọn nhà quê chẳng hiểu « tit » là cái gì ? Thấy cả bọn ngờ ngẩn, Tôn mắng luôn:

— Tụi bây cù lần quá cỡ, vậy mà lên tỉnh sao được. Coi tao đây nè.

Nói rồi Tôn cởi áo để lộ bộ ngực lép kẹp mà mỗi bên có xăm một hàng chữ « hận kẻ bạc tình » và bên kia « Rô-be Tôn. Kẻ giang hồ ». Tôn liệng áo xuống đất, hơi rượu ủa lên làm mặt nó đỏ kè như gà chọi. Nó trở bộ cung tay co chân và nhảy cẫng lên

miệng la liên hồi thay cho một ban nhạc kích động tưởng tượng. Tôn ham nhảy và cũng có lẽ vì say, nó trượt chân ngã nhào xuống ruộng ngập nước. Lũ trẻ vẫn thản nhiên cười khăng khắc ngồi nhìn Tôn lóp ngóp leo lên bờ.

Sau bữa đó Tôn bỗng nhiên nổi tiếng. Nó hả hê lắm nhưng phần ông Hai thì thật là khổ sở. Nó mang khá nhiều tai tiếng đến cho gia đình, ông Hai biết tuy mọi người vì nề không nói cho ông nghe.

Có người lính quen biết từ xã về chơi nói với ông Hai nên cho thằng Tôn đăng lính trên quận, lớn tuổi rồi ở nơi này không tiện. Ông Hai nghĩ phải nên bàn tính với vợ lo liệu cho Tôn có vợ để giúp đỡ ông bà lúc Tôn vắng nhà.

Bởi vậy, hôm nay ông Hai mới phải mò ra đây để trình báo với xã — việc này ông không muốn làm chút nào cả. Nghĩ tới con trai rồi nghĩ tới quá khứ huy hoàng của đời mình ông Hai nghe buồn trong lòng đi quanh quần hoài trong chợ mà vẫn không biết phải mua thứ gì trước trong nhiều thứ cần phải mua. Ông Hai lại tự... gia hạn « sẽ mua, nhưng lát nữa, để vào xã xong xuôi đã ».

Trở về phía xã, lần này ông Hai cương quyết lắm nên bước đi có vẻ chững chạc, đường hoàng. Tới trước cổng thấy người lính gác đang nói cười với một cô gái, ông Hai chân nắn định lui bước nhưng người lính bỗng gọi ông lại :

— Ê ông già ! làm gì mà xớ rớ tới lui hoài vậy ?

Giật thót người lên ông Hai nửa mừng nửa sợ, ông ấp úng :

— Dạ, thưa thầy tui muốn vô xã.

Người lính cười lớn vẻ giễu cợt :

— Bộ ông tưởng chỗ chơi sao mà muốn vô hồi nào cũng được. Mà tui hỏi ông vô trống làm chi ?

Hỏi vậy rồi người lính lẫn cô gái nhìn chăm chăm vào ông Hai khiến người đàn ông quê mùa muốn thu mình cho thật nhỏ lại. Ông nói lí nhí không thành tiếng :

— Dạ tui muốn xin phép làm đám.

— Đám gì ?

— Dạ đám cưới cho thằng Tôn nhà tui.

Người lính lại cười ra vẻ hiểu biết :

— Trời đất ! Xin phép làm đám cưới mà ông tưởng chơi sao ? Ông phải làm đơn ghi ngày làm đám ở chỗ nào, có bao nhiêu người. Mà ông có mang đơn theo đó không ?

Còn phải đơn nữa sao ? Ông Hai than thầm luôn trong miệng vì những phiền toái mà không khi nào ông ngờ trước. Ông nói với người lính mà như muốn khóc :

— Dạ tui tưởng đâu phải làm đơn, thầy ?

— Tưởng sao được, ông già ! Về làm đơn rồi mang lên đây.

Ông Hai không biết làm sao hơn là dạ nhỏ một tiếng nhẩn nhục, ông quay lưng nặng nề bước về phía chợ trong khi miệng lầm bầm hoài mấy điều người lính dặn phải ghi rõ trong lá đơn.

Ton đưa tay vuốt những sợi tóc bóm chơm cho nằm bẹp xuống, nó nghiêng qua nghiêng lại ngấm bóng mình trong gương. Khi đã tạm hài lòng, Ton ngó dáo dác lên nhà trên thấy không có ai nó lẹ làng đi về phía nhà sau theo những bờ ruộng để qua nhà Trà, vợ sắp cưới của Ton. Cứ nghĩ tới dáng người của Trà và chắc chắn Trà sẽ thuộc về mình, mỗi lần như thế Ton đều nghe nôn nao trong lòng. Ở miệt xóm Cống này tuy không có ai sắp hạng nhưng mọi người đều nghĩ không ai có thể đẹp hơn Trà. Chẳng thế mà cứ mỗi lần có đám cưới hay hội hè đình đám đều có mặt Trà. Hình như ai cũng nghĩ rằng một cuộc vui nào đó nếu không có Trà tham dự, không có tiếng nói, giọng cười lạnh lót của Trà chắc cuộc vui đó sẽ không vui được trọn vẹn. Mấy anh con trai thì khỏi phải nói, mê Trà như điên đảo. Anh này học được mấy ngón đờn chỉ mong có dịp hội hè để được đờn cho Trà ca. Anh kia tom góp tiền bạc mua được chiếc xe đạp thì dù có bận rộn cách nào cũng mỗi ngày lựa những lúc Trà làm việc trước sân, anh ta chạy qua chạy lại nhiều lần như ngầm bảo rằng chiếc xe này anh đang muốn chở em. Trà cũng thừa biết chung quanh mình đang có rất nhiều con trai theo đuổi, nhưng Trà chưa để ý đến một anh nào cả. Trong số những người theo đuổi Trà có Ton. Tin vào cái giàu có của gia đình mình Ton khinh mấy gã tình địch ra mặt. Nó thấy những gã cùng theo đuổi Trà không có gì đáng để mình phải bận tâm lo nghĩ. Có điều làm Ton vui nhất là những hàng chữ nó xăm trên ngực, bởi vậy mỗi lần gặp Trà, Ton không ngần ngại cởi phăng ngực áo cố ý cho nàng nhìn thấy. Ton quên một điều là bộ ngực của mình lép kẹp, bệnh hoạn. Tuy khó chịu vì những việc làm nhố nhăng của Ton nhưng Trà không bao giờ nói ra. Không riêng gì Trà mà hầu hết con gái ở đây đều

không ưa Tôn. Gã con trai tối ngày lêu lổng đầu trên xóm dưới cộng thêm tai tiếng bởi mấy tháng đi hoang trên tỉnh đã, là một hình ảnh không đẹp đối với mọi người. Những lần có việc phải nhờ đến Tôn, Trà ban phát cho gã nụ cười ánh mắt và sau đó thế nào Trà cũng hối hận về sự dễ dãi của mình. Trà có ngờ đâu chính vì những nụ cười ánh mắt miễn cưỡng đó đã khiến nàng trở thành vợ của một người mà nàng không hề yêu thương. Được Trà cười với mình, Tôn nghĩ có lẽ Trà cũng để ý đến mình. Bởi vậy mỗi lần nghe nói có một anh nào đó theo chọc ghẹo Trà, Tôn lại nghiêng răng rút dao con chó cằm ở tay « bộ thẳng đó muốn ăn dao chắc ». Lưỡi dao được Tôn mài đi mài lại nhiều lần một ngày tuy chưa thấy gã đâm một ai như lời vẫn hăm he. Bất cứ ở chỗ nào Tôn cũng nói cho tụi bạn biết về những việc sẽ làm sau khi cưới Trà. Đối với Tôn việc lấy Trà như là một việc đã rồi. Quả thực việc đã rồi từ khi nào mà Tôn không hay. Một hôm ăn cơm, ông Hai nói với nó :

— Tao thấy mày lớn rồi ở vậy hoài coi không được. Tao đã hỏi vợ cho mày rồi, con Trà đó.

Mình chiến thắng thật dễ dàng. Tôn tự nhủ và bỗng bật cười lên hê hê trên khoảng đường dẫn vào nhà Trà. Ngày trước, không có việc Tôn không bao giờ dám đặt chân lên khoảng đường này. Nhưng bây giờ bất cứ lúc nào thích mình cũng có thể vào đây cũng như có thể ôm Trà trong tay. Tôn lại cười khoái trá rồi bước vào. Trà đang cúi húi tưới nước mấy luống cải bên hông nhà. Tôn nhìn dáng người của Trà, nó nuốt nước bọt hỏi giọng thân mật :

— Má đâu em ?

Biết Tôn tới từ ngoài ngõ nhưng Trà vẫn thản nhiên. Nghe Tôn hỏi Trà đâm bực bội. Phải nói Trà bực bội từ lúc biết ý định của má nàng đã gả nàng cho Tôn. Tuy không bằng lòng nhưng con người hiếu thảo ở Trà đã khiến nàng không đủ can đảm cất tiếng phản đối. Trà trả lời hơi sảng :

— Bả đi rồi.

— Chắc má đi lo ba cái đồ mai đám cưới tụi mình đó. Em không nhớ sao ?

Trà nhớ chứ. Ngày mai thì dù muốn dù không nàng cũng phải chung đụng, gần gũi với Tôn. Nghĩ như vậy Trà nghe buồn

ngang. Nàng rửa tay rồi đưa Tôn vào nhà. Nàng sợ đứng ngoài bọn con trai vẫn thường theo đuổi mình tui nó thấy được tui nó chê cười. Trà tính đi rót nước cho Tôn nhưng gã đã cầm lấy tay nàng. Trà nghe hơi thở hỗn hển ở phía sau :

— Trà à, anh thương em.

Trà rút vội tay về :

— Anh đừng làm vậy. Ai ngờ thấy thì sao ?

— Có ai vào đây mà em sợ. Trà...

— Nhưng tui...

Hơi thở Tôn gấp hơn :

— Đàng nào ngày mai bọn mình cũng đã là vợ chồng. Ngày nay với ngày mai còn cách bao xa.

Nghe Tôn nhắc tới ngày mai, Trà bỗng tức uất người. Bao chồng đối ở nàng cũng tiêu tan. Trà quên rằng Tôn đã dìu nàng ngã xuống bộ ván ngựa kê trong một góc khuất. Qua kẽ mắt Trà thoáng thấy bóng Tôn. Và nàng bật khóc.

(Tòa soạn tự bỏ 52 dòng)

Đoàn người rước dâu dời nhà Trà đi trên con đường nhỏ dẫn về nhà ông Hai Chò, dẫn đầu đoàn người là một đứa trẻ cầm lá cờ màu vàng ba sọc đỏ bay phất phơ. Đi được một quãng ngắn, những người vô công rồi nghề kéo đi xem đã khá đông. Những người ít nhiều chịu ơn ông Hai thì tấm tắc khen vợ chồng Tôn đẹp đôi. Riêng mấy anh con trai trước đây theo đuổi Trà bây giờ bực dọc ra mặt. Họ bảo nhau trông Tôn mặc khăn đóng áo dài không khác gì một thằng hề. Cỡ thằng Tôn thì làm được gì để nuôi vợ... Chỉ có mấy đứa trẻ là không khen chê gì. Chúng chỉ biết reo hò chọc ghẹo. Những lời chọc ghẹo khiến Trà đỏ mặt, tủi thân muốn bật khóc. Còn Tôn càng nghe càng thích thú cứ nhìn Trà cười lượn. Ông Hai đi lẫn vào đoàn người nhìn lên trời và khẩn thầm đừng có máy bay.

Tới trước một cây cầu nhỏ làm bằng hai thân dừa dẫn vào nhà Tôn, đứa bé cầm cờ dừng lại và tránh qua một bên cho Tôn qua trước. Bước chân lên cầu Tôn quay lại nhìn Trà :

— Đưa tay anh dắt qua.

— Cầu nhỏ, qua trước đi.

ngang. Nàng rửa tay rồi đưa Tôn vào nhà. Nàng sợ đứng ngoài bọn con trai vẫn thường theo đuổi mình tui nó thấy được tui nó chê cười. Trà tính đi rót nước cho Tôn nhưng gã đã cầm lấy tay nàng. Trà nghe hơi thở hỗn hển ở phía sau :

— Trà à, anh thương em.

Trà rút vội tay về :

— Anh đừng làm vậy. Ai ngờ thấy thì sao ?

— Có ai vào đây mà em sợ. Trà...

— Nhưng tui...

Hơi thở Tôn gấp hơn :

— Đàng nào ngày mai bọn mình cũng đã là vợ chồng. Ngày nay với ngày mai còn cách bao xa.

Nghe Tôn nhắc tới ngày mai, Trà bỗng tức uất người. Bao chồng đối ở nàng cũng tiêu tan. Trà quên rằng Tôn đã dìu nàng ngã xuống bộ ván ngựa kê trong một góc khuất. Qua kẽ mắt Trà thoáng thấy bóng Tôn. Và nàng bật khóc.

(Tòa soạn tự bỏ 52 dòng)

Đoàn người rước dâu dời nhà Trà đi trên con đường nhỏ dẫn về nhà ông Hai Chò, dẫn đầu đoàn người là một đứa trẻ cầm lá cờ màu vàng ba sọc đỏ bay phất phơ. Đi được một quãng ngắn, những người vô công rồi nghề kéo đi xem đã khá đông. Những người ít nhiều chịu ơn ông Hai thì tấm tắc khen vợ chồng Tôn đẹp đôi. Riêng mấy anh con trai trước đây theo đuổi Trà bây giờ bực dọc ra mặt. Họ bảo nhau trông Tôn mặc khăn đóng áo dài không khác gì một thằng hề. Cỡ thằng Tôn thì làm được gì để nuôi vợ... Chỉ có mấy đứa trẻ là không khen chê gì. Chúng chỉ biết reo hò chọc ghẹo. Những lời chọc ghẹo khiến Trà đỏ mặt, tủi thân muốn bật khóc. Còn Tôn càng nghe càng thích thú cứ nhìn Trà cười lượn. Ông Hai đi lẫn vào đoàn người nhìn lên trời và khẩn thẳm đừng có máy bay.

Tới trước một cây cầu nhỏ làm bằng hai thân dừa dẫn vào nhà Tôn, đứa bé cầm cờ dừng lại và tránh qua một bên cho Tôn qua trước. Bước chân lên cầu Tôn quay lại nhìn Trà :

— Đưa tay anh dắt qua.

— Cầu nhỏ, qua trước đi.

LƯU VÂN

Quốc Lộ

ta đi từ đồng bằng, sông nước đục phù sa
trôi chảy bên những khu vườn hoa trái
lúa chín ruộng mùa đông
chờ một sớm bình yên người nông dân trở về gặt hái
ta như con ngựa hoang vó câu chùn những tháng năm
mòn mỏi
ngủ vùi trên đám rạ thơm tho
trong bóng mát vườn tre một cuối mùa hè
lúc quanh ta gió thu vừa chớm thổi
nghe thềm ăn những bát cơm gạo mới
và, nhớ em, nỗi nhớ cuộc tình si.

ta tìm em qua rừng núi khô cằn
quốc lộ trưa nắng trên đầu đốt lửa
điệu dân ca người sơn nữ radhé
lan xa từ rẫy bắp
ta muốn quên ta trong hạnh phúc yên lành
thứ hạnh phúc của đôi mắt nai đập lá vàng thu những
đêm trăng bên bờ suối đá

như đuôi mắt em thuở xa xăm nào đó
ngó theo ta qua suốt chặng đường xa

ta biết được gì hơn những gì không nói
là hoài mong ngày ngựa hoang trở lại
vỏ câu xưa ghê sợ những đường dài.

ta gởi cuộc đời ta nơi đây — một miền duyên hải
bãi cát ngày xưa có một dấu giày
ghềnh đá ngày xưa có những chữ tên
nét viết đơn sơ, đậm đà, quăn quít
ngày ta là gã Quasimodo tìm tới giáo đường
ngắm một lầu chuông và làm dấu thánh
ôi dấu thánh muộn màng là thánh tích vàng son
là một vết thương buồn
là trái tim ta cả đời tiết kiệm
dành dụm để yêu em.

là ngựa hoang ta trở lại tìm
đuôi mắt liếc trông xưa có ân cần chào đón
ghềnh đá ngày xưa sao nét chữ mờ phai
bãi cát ngày xưa dấu giày mất dấu
ta còn là gã Quasimodo đứng nhìn gác chuông
như một con chim lẻ loi mang vết thương buồn
từ một miền xa bay qua thành phố
thị trấn này có một kẻ cô đơn
trong công viên có những hàng dương liễu
và một chỗ ngồi trên ghế đá bỏ không.

trong cuộc đời của gã Quasimodo cô đơn
có một mối tình si rất lớn.

Lưu Vân

HỒ MINH DŨNG

Giọt Nước Sông Trời

Phải nuôi hy vọng để sống. Đã bao lần Lâm nghĩ như vậy, nhưng cái thứ hy vọng của anh phải như thế nào, hay đó chỉ là ý nghĩ bọt bèo luôn luôn ám ảnh trong anh, nhất là sau cơn mưa. Luận không có ý kiến, chàng duỗi thẳng hai tay thở khí trời. Trước mặt họ, chỉ mấy ngọn đồi trọc nhỏ cũng đủ chắn một phần lớn chân trời phía trước. Họ ở dưới lưng thấp, lúc nhìn lên phải bắt gặp bầu trời đầy hơi nước. Có một dòng sông lớn dường như ở gần đâu đây, mỗi đêm đều nghe tiếng sóng thì thào. Họ thường đem nhau lên đồi để được nhìn thấy một ít dãy nhà của khu định cư, quận lỵ, xa hơn nữa khu rừng già trăm mặ, xanh thẫm và tròn vẹn cả chân trời bốn phía. Nhưng tuyệt nhiên không ai muốn nhìn lại con đường đất đỏ ngoằn ngoèo đưa ra tỉnh lộ, con đường mà họ đã đến đây và chờ đợi như có một ngày phải ra đi. Cả những thửa ruộng trồng chè bên kia nữa, nơi đáng lẽ Lâm phải nhớ đến. Ở đó, những kỷ niệm vừa mới rời khỏi. Thảo thường nói với Lâm như vậy nhưng chẳng ích gì và dường như chỉ có một mình Thảo là đốt ngọn lửa ấy lên trong lòng Lâm, nay Thảo đi, ngọn lửa ấy coi như đã tàn, đã tắt. Đối với Lâm, anh buồn bã nhớ lại một vài điều mà anh cho là quá đường đột và vô ích. Một mối tình đã xa. Chỉ như một áng mây đã tan. Ấy là những lúc màn đêm chôn mặt trời sau rặng núi thấp, tím mù. Một ngày đã chết. Khu rừng già không còn ảnh hưởng gì đến đời sống của một sinh tầng cỏ, mốc. Chỉ còn một

minh Thảo nhớ nàng thôi chẳng ? Chỉ có Thảo là hiểu được nàng, ít ra cũng phải có bốn phần bao bọc tình yêu của người khác. Điều đó Thảo đã nói với Lâm trước khi từ giã, nếu anh muốn quên nàng một cách vô cớ, anh sẽ bị nhiều hình phạt liên tiếp. Lâm cười hỏi bạn gái, chẳng hạn như hình phạt nào ? Thảo nói, có thể làm cho anh luôn luôn bị thất tình hay điên đảo vì nó. Câu chuyện đó coi như nói đùa đề nhắc đến Thục lần cuối cùng. Sau này lúc Thảo đi, còn lại Lâm với khối óc trống rỗng, thỉnh thoảng ngồi lại với Luận bàn cãi vài ba câu chuyện chính trị không đi tới đâu. Có lúc yếu lý, Luận bỏ lên đồi hát nhạc tiền chiến, uống rượu và về ngủ. Lúc hai người mới gặp nhau họ đã thề đừng bao giờ đem chuyện chính trị ra bàn cãi, họ không muốn cái không khí ấy tràn vào căn nhà trọ khô khan này. Về sau, chiến tranh càng ngày càng bùng nổ dữ dội, tự nhiên những câu chuyện gây cản lại đến.

Cách đây một năm, Thục đến cao nguyên này. Thục đến có báo trước cho Lâm biết bằng nhiều bức thư và chắc chắn hơn, một bức điện tín. Nàng là một sinh viên theo đà sống mới mẻ của thời đại, ít thích học, mong muốn được du ngoạn để hấp thụ sự học thực tiễn ngoài đời sống. Nàng có một sắc đẹp khá đặc biệt và nổi bật trong đám thiếu nữ mà Lâm quen biết. Thục đã chính thức từ chối cảnh tù túng gia đình và cực lực lên án nghề nghiệp của cha nàng. Đã có lần, Thục nói, chính cha đã nhấn tâm giết chết bọn con. Tương lai bọn con ba đã lấy hồ như bói lên rồi. Cha nàng không hiểu gì cả, mở to đôi mắt đỏ quạch nhìn khu chợ ồn ào, trong lúc đó, đàn ruồi cặm cũi gặm nhấm mọt đồng danh đang làm độc bên cổ ông. Sau phiên chợ tan, mẹ nàng mới nói với chồng, chúng nó muốn nói cái nghề của ông mê tín và không tiến bộ. Ông cố tiếp tục công việc nhưng không giấu nổi sự thất vọng và ân hận. Ông nói, nhưng biết làm sao bây giờ, nghề của ông cha tôi để lại, nếu bỏ, tôi sẽ chết đói. Người mẹ nước mắt chảy quanh. Chung quanh họ những hình nhân ngũ sắc, áo mũ phất phới đang khua tay múa vũ trong gió.

Thục không muốn cho Lâm biết nghề nghiệp của cha nàng, nhưng Lâm đã biết. Hơn thế nữa, chàng coi đó là một mối hiểm họa cho xã hội vốn đã bị phong kiến làm tiêu hao. Nhưng đây không phải là nguyên cớ cho hai người xa nhau. Khi Thục đến lần thứ hai, dù anh có tiếp đãi nồng hậu và ân cần như một

người tình giữa lúc còn nồng nàn, Thục cũng đã tỉnh vì nhận thấy có một vết rạn sắp sửa vỡ rồi. Thục biết rõ như vậy và cố nhẫn nại, nàng muốn trải nghiệm một cuộc tình đang ở trên bờ vực hút sâu. Thờ mộng hơ, nàng muốn làm một con chim khi đôi cánh đã mang vết thương mà vẫn còn bay trong trời cao. Nàng quan niệm tình yêu nào rồi cũng có giai đoạn. Như một định luật sẵn. Thục nói với chàng khi ngồi dưới hàng chè xanh mượt :

— Đời con gái là một áng mây người họa sĩ phết trên tranh vẽ, sau khi đã vẽ xong bầu trời.

Nàng nói thêm :

— Em đã thấy mình đơn giản thêm khi ngồi với anh giữa chốn núi rừng vắng lặng. Chung quanh chúng ta chỉ có rừng núi cỏ cây và thiên nhiên. Tình yêu quả thật là vô giá.

Rồi nàng thiếp vùi đi trong hơi thở.

Khi Lâm đưa nàng về. Nàng bước từng bước lảo đảo như say. Đêm ấy Thục đã ở với Lâm như vợ chồng để sáng mai ra quốc lộ về. Sau đó, nàng còn viết cho Lâm lá thư dài để trấn an chàng và mong chàng coi chuyện đã qua như một kỷ niệm mờ nhạt thôi. Đối với Thục, chuyến lên cao nguyên như một màn kịch ngắn diễn bỏ dở không có đoạn kết, chưa kéo màn nhưng đã tan cuộc. Sau này có lần gặp Thảo hỏi Thục về cảm tưởng lúc chia lìa đời con gái một cách vội vã ấy. Thục cười nói, có gì lạ đâu, có gì đáng quan tâm đâu. Nếu nói thì em chỉ nói rằng nó như một ngọn nến bị cơn gió thổi phụt tắt đi, giữa biên giới của hai trạng thái tắt, đồ dĩ nhiên phải có một ngọn khói âm ỉ, vật vờ, khó tan biến nổi. Thảo không hỏi thêm. Đã lâu rồi, Thảo một đôi lần nhắc lại hình ảnh Thục với Lâm. Nhưng chàng dừng dừng như nghe qua một câu chuyện giáo khoa. Thời gian đổ xuống đời sống quá nhiều bóng âm u, tàn tạ. Nay Thảo đã chuyển chuyển đi một nơi khác. Đời nàng vẫn như hồi còn thơ ấu, không một áng mây vẩn đục bay qua. Thảo không muốn ở lại để nhìn thấy cái lúc một thân cây cổ thụ phải khô héo, ngã gục giữa một nơi chốn không phải giữa rừng già. Như thế, Thảo đã mãn nguyện.

Bên kia là ngôi trường học của một trại định cư. Ngôi trường này mới tái thiết và có thầy ở ty về dạy sau gần hai năm bỏ trống. Bọn học trò, áo quần lấm dầy mực, mỗi chiều sau giờ bài học không chịu về nhà, tập trung lên mấy ngọn đồi, chia nhau giàn trận đánh giặc giả, chúng nó lấy bóng heo bị vào lon sứa bột cứu trợ làm trống đánh vang rền trong giờ xuất trận. Có bọn tách rời cuộc chơi đi lên đỉnh đồi thả diều, những lá diều đủ màu sắc bay đầy đặc trên bầu trời cao. Bên kia, phía mặt trời lặn, những đồi thông non hoang vu chìm ẩn trong lớp sương mỏng, trông như một bức tranh thủy mặc. Phía đông là khu đất đồ rác và dùng làm nơi phóng uế của nhà trường và cả khu định cư nữa, buổi sáng sớm nào cũng nghe cuộc cãi vã nhau ở đó, có lẽ của những người bị bệnh bón kinh niên. Một vài con chim từ dưới lũng thấp vụt bay bỗng lên, kêu chiêm chiếp. Xa tấp, nơi chân trời phía nam, mấy rặng rừng già trăm mặc, nằm bất động như đang chờ một biến động, xảy đến, một trận cuồng phong xô ngã cổ cây hay là một cơn địa chấn ngấn làm sập đổ đá sỏi ngàn năm chẳng hạn. Bọn trẻ miệt mài với cuộc chơi cho đến lúc chạng vạng mới bỏ về, có đưa phần người dính đầy chân, có đưa bụi đất bôi lên mặt mũi và nhuộm vàng áo quần. Cả tập đưa nhau xuống hồ nước của mụ tám Liệt để rửa, bọn chúng biết rõ mụ ta đã đi lấy củi khác dưới quận ly, bầy gà vịt, ngỗng to tướng của mụ đã bị dịch chết hết. Có đứa tinh nghịch, chạy thẳng vào nhà mụ, nhìn con Nguồn mỉm cười rồi bỏ đi. Nguồn mới có thai hơn hai tháng nay mà cả làng đều biết. Dù nhận được nhiều sự an ủi vỗ về nhưng Nguồn vẫn cho mình là người bất hạnh nhất trên đời. Nàng nhất định sau khi sinh con xong sẽ cho các bà xơ không một chút thương tiếc. Chóp ngôi trường ló lên sau tấm phông xanh của đồi. Ngày lại ngày tiếng trống đều đều vang vọng. Ở đó, ngoài bọn học trò ra, còn có một ông lão mất trí đến cư ngụ. Ông hiệu trưởng bằng lòng cho che mấy tấm tranh ở phía sau trường và lợi dụng những lúc lão không lên cơn, nhờ quét dọn rác rưởi trong trường thay cho người cai, mới xin thôi việc vì trả thù lao quá ít không đủ nuôi con. Lão có một người con gái mười tám tuổi đi đốt than trên rừng rồi đi bắt không về. Có người nói nó đã bị cộp ăn sống, lão không tin vì thời này làm gì có cộp ở một rừng thưa gần khu vực quân sự Hoa Kỳ. Có người nói cũng có thể nó bỏ

đi bên kia, lão lại càng không tin, con gái của lão bị câm và điếc từ lúc mới sinh ra, ngay cái nghề làm than mà lão cũng phải dạy cho nó bằng những động tác bằng chân tay. Lão Thạc vẫn tin có ngày con mình sẽ trở về, mặc dù lão đã tìm thấy gánh than chất đầy, cái nón, đôi dép con lão bỏ lại ngay gần trên một tảng đá gần dòng suối đang chảy thì thào. Hôm đó lão cất tiếng gọi con suốt cả buổi sáng, nhưng chỉ nghe tiếng mình dội lại sau những vách đá buồn bã. Cho đến khi trở về, mắt lão chênh choáng những chiếc bóng đủ màu sắc, tai lão xôn xao tiếng người nói cười. Vào những ngày học trò nghỉ học, lão Thạc một mình đội chiếc nón của con đi vào rừng đến chiều tối mới trở về mặt mày, nhuộm đen như một tên hề trên sân khấu. Trong giờ đức dục, ông hiệu trưởng đem trường hợp của lão Thạc ra để làm một ví dụ cụ thể lòng thương vô bờ của cha mẹ đối với con cái. Cao như núi Thái sơn, nhiều như nước trong nguồn cũng không vì nổi. Từ đó, có đứa trong bọn học trò đem gạo, cơm, cá, bánh kẹo đến cho lão Thạc. Thắng Vui, thắng Tuất còn cho lão cả những đồ cứng đất, thuốc lá. Con Ái, con Cát, con Kim Dung còn cho lão tiền bỏ ống và khăn lau mặt nữa. Cả bọn học trò trong trường không đứa nào là không thương mến lão, mong mỗi cho con gái lão được trở về đoàn tụ.

Một buổi trưa, trời nắng, cây cối đứng im phăng phắc, có bọn người làm than trong núi ra đi qua trường. Họ nói chuyện ngoài đường cái. Lão Thạc lắng tai nghe, bọn người đó bàn tán mấy cái xương sườn của ai nằm dưới suối. Lão mơ màng nghe qua rồi bị đứt quãng khi cơn ngủ kéo đến đè hai mí mắt xuống. Mấy ngày sau, lão mới nhớ lại và đi lên núi, xuôi theo dòng suối, cố tìm kiếm những cái xương mà lão có linh tính là của con gái mình. Công việc làm của lão không ai biết tới, kể cả bọn học trò luôn luôn có mặt trong chòi lão ở. Một đêm, lão đốt đuốc nhìn lại mấy cái xương sườn trắng phao, sạch sẽ rồi mang lên đồi. Tuần sau, trong buổi họp mặt cuối cùng để nghỉ hè, bọn học trò đã khám phá ra, chúng rủ nhau lên đồi vây quanh ngôi mộ mới, lúc đó lão Thạc đã ngủ say, đến chiều lên thăm mộ con mới biết bọn học trò đã lên đốt nhang, hàng trăm bàn chân đã giẫm héo cỏ non chung quanh.

Ngày Lâm dời về làm hiệu trưởng, công việc đầu tiên của anh là đuổi lão Thạc ra khỏi trường học. Dù nhân tâm đối với

một kẻ nghèo khổ, bệnh tật nhưng anh đã nghĩ làm một việc mà lương tâm nghề giáo cho phép. Phải nghĩ đến tương lai bọn trẻ. Tâm hồn chúng nó. Trí óc chúng nó. Phải cắt ra khỏi nơi đó những điều mà anh cho là thâm kịch của thời đại. Những đám mây của hoàng hôn đến quá sớm với những tâm hồn bình minh rực rỡ. Bọn trẻ được lệnh cấm hẳn không được nhắc đến tên lão Thạc, lên đồi nhìn mộ con gái lão và kể cả việc vẽ lại hình ảnh râu ria của lão lên sách vở, vách, bàn. Từ đó không ai biết lão Thạc đi đâu. Trên đồi nắm mộ mỗi ngày cỏ một nhiều. Ánh nắng cũng như vàng héo và không đủ tưới lên khoảng rừng thưa trước mặt.

Có một điều mà giới phụ huynh học sinh ai cũng biết đến, sau ngày lão Thạc bị đuổi đi, nhà trường sinh ra nhiều tai tiếng. Trước hết là chuyện « bên kia » ... Sau đến là chuyện học trò tự nhiên bỏ học ngày mỗi đông. Cuối cùng là việc học trò yêu thầy giáo.

Luận lượm lặt những mẩu chuyện đầy tình tiết như thế để ghi vào tác phẩm của mình, chàng thường đem ra để gọi lại câu văn và đọc lên một mình trong đêm thanh vắng. Chàng sống đơn độc như một thi sĩ bị đời bạc đãi. Ngoài những giờ dạy học, nếu không đi thăm một vài đứa học trò bị cấm cấm, chàng chỉ ngồi hút thuốc suy nghiệm hay nong rượu lên ngồi nhìn rừng núi bao phủ. Ánh nắng một buổi chiều le lói trên những ngọn đồi trọc. Thịnh thoảng Lâm cũng nhận được thư Thục, trong thư toàn là những lời lẽ khôi hài, lạc quan. Nàng còn kể cho Lâm nghe cái cảm giác mỗi lúc nhớ về vườn chè, nhớ về những chóp núi, những triền đồi nhưng không bao giờ nàng trực tiếp gọi lại mối tình đã xa. Có thư Thục khuyên anh nên xin chuyển đi một nơi khác, như vậy có thể tránh được khỏi nghe tiếng tù và của một dĩ vãng réo gọi, dễ sống, dễ phấn đấu. Nói như vậy Thục ngầm ý cho chàng biết, nàng luôn luôn là một đồ đệ trung thành của những đám mây phiêu du. Nàng không muốn mây phải ngừng lại ở một góc trời nào trong lúc gió vẫn thường xuyên di chuyển. Nhưng Lâm thì tin Thục sẽ lên đây một ngày rất gần đây, có thể trong vài tuần tới, chuyển này chắc nàng còn ở lại lâu hơn nữa. Và rồi cuối cùng Lâm cũng đem tâm sự nói Luận, tôi phải đi, phải bỏ cuộc, phải dời xa miền đất kỷ sinh âm ưt, nơi mà trước đây tôi tưởng như không bao giờ dám xa, bởi vì có nhiều

liên hệ mật thiết êm ái về ngôi trường, nhất là đám học trò thơ ấu của tôi. Quyết định của Lâm đến chậm nhưng lạnh lùng như một hiệu lệnh ngoài pháp trường, một sự xua đuổi có tiền định. Chàng tiếp :

— Thục có lên đây nhờ anh nói, cho tôi gửi lời thăm. Tôi cảm tạ ơn nàng và đừng tìm tôi nữa. Coi như đã chấm dứt rồi. Sớm muộn rồi nàng cũng lên đây. Đàn bà họ sống với tình yêu chẳng khác nào cây dây leo bền bỉ, dai dẳng.

Luận nhìn ra ngoài trời, lòng rối bời, mai một sẽ còn lại một mình anh trong căn trọ này. Nàng đã tắt những ngọn đời sáng loáng.

Một buổi trưa, Luận có mặt trong đám người đưa xác lão Thạc ra nghĩa địa. Không biết từ đâu tới, lão nằm chết ngay dưới hành lang trường, trong mình lão không có một vết thương tích nào. Khi trở về nghe có khách đợi. Chàng đoán là khách dưới thị trấn đạp xe lên chơi. Nhưng không, Thục. Nàng đến với một vẻ tươi vui như không xảy ra chuyện gì. Luận hỏi :

— Chị có biết anh Lâm đã đi không ?

— Biết.

— Sao chị vẫn còn đến đây ?

Thục cười tươi :

— Đó là chuyện dĩ nhiên. Vùng đất linh thiêng này dân đã thành hoang địa.

— Anh lâm gửi lời thăm và cảm ơn chị.

— Tôi cũng đoán biết như vậy.

Lâu sau Lâm hỏi :

— Anh ấy đã làm chị buồn ?

— Không. Chính anh ấy đã giúp đỡ tôi, giúp thêm chất liệu quý báu cho tôi. Tôi có thể đặt giả thuyết, nếu thiếu anh ấy trong chặng đời tôi, chắc gì bản thân tôi còn được như thế này. Anh ấy đã đem đến cho lòng tôi biết bao nhiêu điều mà học đường không hề dạy tôi. Nếu hôm nay có một sự thăm thía của kẻ đứng trước lần biên giới hoang vu, đó cũng là một chất liệu khác.

— Chị từ Huế lên ?

— Không, tôi đi lang bạt từ nhiều tháng nay. Thành phố nào cũng coi như nơi tôi khởi đầu. Tôi chẳng khác nào một giọt nước nằm trên sông vô định. Giọt tế bào căn cỗi của rong rêu tan biến.

— Thế thì chị trở về đây như tiếng gọi thầm của kỷ niệm. Thực buông thả ;

— Ở đâu tôi cũng có trồng trọt một mớ kỷ niệm, có bồn phân phải trở về vui với nó. Nếu không nó sẽ khô héo và làm mồi cho đất. Có gì phải nói thêm không anh ?

Luận buồn :

— Bao giờ chị về ?

— Chiều nay.

— Về đâu ?

— Chẳng biết về đâu. Còn tùy thuộc vào quyết định lúc lên xe.

— Có bao giờ chị trở về đây nữa không ?

— Cái đó cũng còn tùy thuộc khi tôi đã xa nơi đây rồi.

Thực đứng dậy thở khí trời. Những ngọn đồi trên kia đã đổi màu khi mặt trời khuất trong mây. Vườn chè như có nở nhiều nụ bông trắng.

Hồ Minh Dũng

Tìm đọc tác phẩm mới nhất của

HUỲNH PHAN ANH

ĐI TÌM TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

Tiểu luận / Phê bình

ĐỒNG THÁP xuất bản

PHẠM CAO HOÀNG

Trên Sông

bến xưa vắng ngắt
còn ai qua sông
ta nghe nước cuốn
dước trời mênh mông
em qua sông rồi
ta nhìn lên trời
mây ơi mây trắng
soi đáy sông buồn
ta nhìn phương bắc
nhạn vẫn mù tăm
cuối bãi đầu ghềnh
buồn tênh buồn tênh

ta nhìn sông rộng
thấy nước trùng trùng
buồn ta điệp điệp
lãng cùng hư không
mù mù sông nước
chợt nhớ vô cùng
nhớ đôi mắt ướt
nhớ má em hồng
nhớ bóng huệ trắng

nở buổi tàn đông
nhớ con đường cũ
vanh tiếng kinh cầu
giờ đây, còn đâu
xa rồi, em hỡi

giờ đây còn chẳng
mưa trên sông lạnh
một con thuyền trôi
trên dòng sông vắng
sầu ta với vợi
đạt về bến xưa
ngõ em còn đợi
bên dòng sông mưa.

lầu cao

ơi trăng lầu cao
có hay ta khóc
giữa đời bề dâu
có hay ta chết
giữa lòng chiêm bao

ơi trăng thiên thu
em ngồi gầy khúc
tương tư tương tư
ta ngồi vuốt mặt
ngõ đã ngàn năm
dưới trăng em hát
lòng ta tình không

mai sau trở lại
 còn đâu nguyệt cầm
 cũng đành một thuở
 vui đời lang thang
 tình xưa đã hết
 còn gì mà mong
 người xưa xa lắc
 mà trăng còn đây
 lâu xưa im tiếng
 không còn một ai

năm năm mười năm
 đời ta mấy chốc
 đập đàn mà hát
 mơ tiếng người xưa
 ta ôm đàn võ
 khóc vui như mưa.

Phạm Cao Hoàng

1968, người đã đọc MƯA MẮT TÌNH
 1970, người đã đọc TÂM THU KINH
 1972, kính mời đọc

TUYỆT HUYẾT CA

THƠ

ĐẶNG TẤN TỚI

VẬN ĐỘNG xuất bản

MUỜNG MẢN

Cát Bụi Ngàn Khơi

Quế khác xa Dung một trời một vực. Quế khác xa Dung như hai quả bong bóng cái đỏ cái xanh. Bộ đi điếu đứng Quế có phần mạnh dạn hơn. Lối cười nói Quế buông thả hồn nhiên nặng phần ngỗ ngáo nhẹ phần ý tứ giữ gìn. Quế nồng nhiệt hơn Dung và, Quế liều lĩnh gấp mười Dung. Dung đã ghé lại, đã bỏ đi, đã khuất xa ngàn dặm ngoài núi cao vực lõm đời ta rồi. Bây giờ ta có Quế. Quế tới ngồi vào chỗ trước kia Dung ngồi, đứng chỗ trước kia Dung đứng, nằm chỗ trước kia Dung nằm — bên cạnh ta, trong vòng tay ta, trong nỗi buồn ta, trong hạnh phúc ta. Không thể nhầm lẫn Quế với Dung được; không thể nào nhầm được. Quế khác xa Dung như trái vú sữa khác trái măng cầu tụy cả hai đều no căng nhựa ngọt... Dác trở mình dụi mắt tàn thuốc xuống cát. Ngậm khói cuối thở vội ra tản mạn lên trời, những sợi khói mỏng manh uốn lượn tựa mơ ý nghĩ trong đầu không thể vượt thẳng.

Dác ngồi dậy rút chân ra khỏi ụ cát Quế đã đắp trước đó mấy phút. Ụ cát Quế âu yếm gọi là nắm-mở-chôn-chân-anh-không-cho-anh-lên-lồng-nữa. Thốt nhiên chàng bật cười, đưa mắt qua mặt biển rộng nhấp nhô đầu người tìm kiếm, không thấy Quế đâu cả.

Mặt biển rung theo từng lượng sóng to nhỏ đuổi nhau tấp vào bờ. Sóng sinh ra từ lòng biển, lớn lên để đuổi nhau hoài hoài như thế. Gió sinh ra từ lòng trời, lớn lên thành đông bão và, con người sinh ra lớn lên...

Quế mặc áo lấm hai mảnh đi tới chỗ Dác ngồi, miệng cười hai tay túm lấy chùm tóc trước ngực rũ rũ. Dác buột miệng :

— Quế ơi, em sinh ra lớn lên để làm gì ?

Quế ngửa mặt cười lớn.

— Em hả ? Em sinh ra lớn lên để đi tắm biển. Còn anh ?

— Anh sinh ra lớn lên để ngồi đây nhìn em từ dưới biển chui lên ướt loi ngoi như chuột lột.

Quế ngã nhoài về phía Dác, hai tay vỗ lấy bắp chân chàng kéo về phía mình, cười rộ :

— Xạo !

Cả hai cùng đứng lên. Quế quàng chiếc khăn tắm sọc xanh. Dác mình trần, quần cộc đỏ. Buổi chiều đậm bóng hoàng hôn, những dải mây hình cánh cung trên trời giãn mãi ra nhuộm rắng hồng trông ngon như những miếng dưa hấu mới cắt. Đám người tắm muợn lục tục kéo lên bãi, chỉ còn đôi ba cặp ham vui nán lại đùa giỡn sóng.

Một bình đàn bà lỏa thể trong thế nằm phơi tênh hênh bọn trẻ đắp nổi trên cát từ hồi trưa, giờ bị nhiều bàn chân giẫm lên trở thành tàn tật, lúc ngang qua Dác tò mò ngừng lại ngắm nghía, Quế bứt một sợi tóc chàng :

— Bộ ham lắm hả ?

Dác quay đi, nói nhỏ vào tai Quế, kèm tiếng cười nhẹ :

— Tội nghiệp bà E-Và !

Không dung, chiếc cổ Dác như không có xương, đầu chàng đồ gục xuống, chúi tới đằng trước. Con đau bất thần ủa tới làm chàng choáng váng xuyết té. Quế tái mặt thất kinh hỏi gấp :

— Anh làm sao vậy ?

Con đau dịu xuống, mây mù vừa kéo qua, Dác chớp mắt cười khẩy :

— Không sao cả, anh hơi bị nhức đầu.

Chàng cầm tay Quế chạy nhanh về phía rừng dương.

Dác dùng tay đào cái hố nhỏ trong lúc Quế đi nhặt mấy cành củi khô. Quế vừa nhặt củi vừa hát khể bài chi đó dường như chẳng hay ho gì, nhưng giữa khung cảnh này giọng hát lơ mơ của Quế cũng làm Dác cảm động hết sức. Nhìn màu áo Quế ẩn hiện sau những gốc dương liễu không dung chàng nghĩ tới một loài bướm lạ ; không dung chàng muốn Quế cứ đi tha thẩn như thế hoài hoài, đi đến lúc đêm xuống xóa nhòa tất cả, Quế sẽ

tan đi, tan cùng lá mục rừng dương, tan theo ngọn gió thổi liên tu bất tận qua cồn bãi khô khốc này.

Quế trở lại với bó củi nhỏ trên tay. Nàng qui gối loay hoay sắp những cành khô xuống chiếc hố đào giữa khoảng cách hai người. Dác khum tay bật que diêm, lửa bùng lên bén ngọt, ngọn không vươn quá mặt cát bởi hố khá sâu và không chịu ảnh hưởng sức gió. Dác cầm con mực khô mỏng như tờ giấy hơ lên ngọn lửa, Quế nhẹ nhàng nằm xuống gối đầu lên đùi chàng. Ngoài khơi xa, đường chân trời nóng rộng tiếp thu đêm. Mặt trời không còn nữa. Quế và Dác, mỗi người ngậm một nụ cười im lặng.

Tôi là loài chim không tên. Ừ mà cần gì phải cần có tên mới là chim nhỉ ? Tôi là chim không tới từ núi nào cả. Tôi sinh ra lớn lên trong vùng khí hậu thần diệu này, trong cánh rừng dương xiêu lạc này. Thuở mới ra khỏi tháp ngà (tháp ngà : chiếc vỏ trứng dầy, gọi vậy cho có vẻ thơ mộng một tí) vừa mở mắt tôi đã thấy rừng dương, cát và biển. Tôi mọc lông dưới sức nóng ma quỷ của mặt trời. Tôi tập bay dưới sức đẩy của dòng mưa và gió. Tôi tập hót dưới sự hướng dẫn của mặt trăng. Tôi lớn lên bay nháy trưỡng thành theo từng chiều sáng tối thủy triều lên xuống. Mỗi thắc mắc mỗi canh cánh bên lòng là : không biết ai đã sinh tôi ra, cát ? thủy triều ? mặt trăng ? mặt trời ? hay rừng dương ? Tôi chẳng biết gọi ai là cha và ai là mẹ. Tôi cô độc, nhiều năm rồi chẳng ai nói cho tôi biết rõ ràng về gốc gác mình cả. Có thể tôi sinh ra bởi cát ; cũng có thể tôi từ một trái dương khô nổ nứt ra ; có thể tôi ngoi từ biển lên trời dạt vào ; có thể mặt trời thả tôi xuống ; có thể mặt trăng quặn mình rặn tôi ra. Ồ sao cũng được, tôi cứ tưởng tượng bằng thích.

Đứng trước chiều tà những hôm như hôm nay, tôi muốn run lên vì những hình tượng đẹp vẽ trong chiếc đầu bé của tôi. Những hình tượng thuộc về thế giới khác bên kia đường chân trời, bên kia tròng dương. Bên kia hẳn là thiên đường rực rỡ ánh sáng và ơn phước ! Ồi bên kia ! Bao năm rồi thêm chuyển viễn du bằng qua đại dương để coi thử bên kia có gì. Thiên đường mơ ước xa quá, liệu đôi cánh nhỏ tôi vượt được bao nhiêu dặm trước khi rũ mỏi rơi tòm xuống khối nước mặn ngày đêm không ngừng sôi sục nọ ? Ồi buồn biết mấy nếu tôi chết giữa tuổi thanh xuân thế này,

nhưng nếu vượt qua e rằng tôi sẽ chết. Biển rộng quá và cánh tôi hẹp quá, sức vỗ phát sinh từ xương da làm sao độ nổi bề dài mệnh mỏng của vũ trụ? Sao không sinh tôi ra làm kiếp chim Đại bàng? Sao không sinh tôi ra làm tảng mây trắng: sáng ở đôi Đông, chiều ở đôi Tây, khuya buồn tình có thể bay về cánh rừng nào đó ở phương Nam ngủ đậu. Mỗi ngày tôi ra đứng ở cửa rừng này mơ tưởng tới một đường bay dài xa vạn dặm. Tôi đắm mình trong mơ tưởng. Tôi chui rúc chiếc đầu nhỏ bé dưới đôi cánh mỏng manh nghe từng hồi tim đập rộn nao thúc giục. Hãy lên đường, hãy lên đường, bao nhiêu lần tôi nhủ thầm mình như thế. Biển không khuyển khích, biển căm. Mặt trời thờ ơ, mặt trời lạnh nhạt. Chẳng ai giúp tôi chút sức nào trong lúc cánh tôi đòi tung, chân tôi đòi nhảy, tim tôi đòi hỏi hương vị phương xa. Tôi khốn khổ, tôi buồn bã tới ngã bệnh, bỏ ăn bỏ ngủ. Đường bay vượt trùng dương mở rộng trước mắt nhìn, có ai chờ đón vẫy gọi tôi bờ bên kia không nhỉ? Tôi im nghe nhịp luân hoàn luân chuyển của vũ trụ, từng đêm sao tổ trắng mờ, từng ngày lạnh tan nắng tới. Tôi ủ hương nồng mùa hè trong từng ngăn trí nhớ; tôi cất mưa trong buồng gan; tôi chứa đêm trong túi mật; tôi ăn cỏ hoa chay tịnh suốt mấy mùa rập rần rèn luyện phép tiên. Tôi quất quay lẫn lộn, tôi muốn biến thành Phù thủy, tôi muốn biến thành ma trời hay bất cứ thứ ma gì miễn sao vượt qua được bề mặt rộng lớn biển này. Ai cho tôi đôi hài vạn dặm, tôi bằng lòng đổi ngay đôi cánh gang tấc này. Ai cho tôi ra khỏi vùng căn cỗi này. Tôi với đất cát ở đây như có duyên có nợ. Tôi với gió với cây ở đất này như không thể tách làm đôi. Ý chí tôi muốn vượt nhưng lòng tôi níu lại. Sức hút yêu tình nào giữ không cho tôi đi? Tình tự quyến rũ nào chặn đường tôi tới? Tôi quần quanh trong cánh rừng xiêu này — lá rụng xanh, dường như đã qua rồi trăm nghìn mùa lá. Chiếc lưới vô tình nào bủa giăng tôi, úp chụp lên tôi trắng trắng sợi buộc ràng êm ái?

Đêm nay như ngàn đêm khác, tôi lại ra đứng đây hướng vọng về chân trời mịt mùng sương khói bên kia, mơ ngày viễn du tung cánh thênh thang trên đường bay mơ ước.

Biển ấy hôm nay nao động tiếng cười đùa trũng giỡn của đám người kéo về nghỉ mát. Họ trốn chạy mặt trời thiêu đốt từ những phố thị hóc hẻm tới tắm tới đây chung lẫn với mệnh mỏng. Hơi h' m họ toát ra từ những mảng da trần nuột nà thành chất nồng

loãng tan trong gió bỗng làm không khí nhuốm bệnh. Cát ngất ngư dưới chân họ. Biển dầm ô dăng sóng mơn trớn họ. Họ vọc nước đùa nhau, những nàng cái và những chàng đực lờm nhàu bằng những khỏe nhìn mở phôi vuốt ve thật lực. Trước sự khoe chường của đám đông, tôi vừa ghen vừa thích thú mừng thầm mình không bị sinh ra làm giống người. Tôi nhìn suốt qua tâm não họ. Tôi biết từng toan tính dục vọng ham muốn ước mơ chôn giấu trong mỗi nắm-mồ-thịt-xương-đang-di-động kia. Tôi nhìn thấu suốt họ như nhìn qua lớp kính trong không bọc màu.

Chiều nay tôi đã có dịp quan sát một đôi vợ chồng trẻ. Họ quần quít bên nhau, họ cười đùa như hai đứa bé, họ yêu đời quá, họ hạnh phúc dưới ánh mặt trời và, -tuổi trẻ no căng hai buồng phổi ham vui ham sống. Người con gái có nét đẹp khá hiền dịu, mái tóc dài xõ tung dạt bay trong gió, thân mình thuần đuột rắn chắc như thề nặn bằng thứ chất dẻo nào đó trơn tru mịn màng hơn cả da thịt. Gã con trai màu da sạm, chiếc cằm bạnh lún phún râu xanh cao nhẵn tạo khuôn mặt gã vẻ khiếm cung từ tốn, nhưng đôi mắt gã tỏ cáo cái tâm hồn bệnh hoạn của gã qua những tia nhìn lặng lẽ, xa thăm thẳm. Lại một điều là, tôi thấy gã quen quen, dường như tôi đã gặp gã lần nào đó không nhớ rõ nơi chốn. Dẫu sao, đây là đôi cặp tương đối đẹp nhất trong số vài chục cặp đang lui tới nhàn nhá trên bãi cát mỏng quanh này.

Tôi chú ý quan sát họ từ lúc gã con trai ngồi một mình, quay lưng ngược mặt ra biển, dáng điệu gã nom lẻ loi đến tội nghiệp — rồi người con gái chui từ dưới nước lên, cho đến lúc họ đùa nhau tới đây, trong cánh rừng dương này. Trên đoạn đường từ biển vào đây, có lần gã con trai choáng váng xuýt té. Cái vẻ xuýt té của gã nom chẳng bình thường chút nào. Lúc này nhìn kỹ tôi mới chợt khám phá ra gã đang cố tình giấu đứa con gái không để lộ cho nàng biết con đàn đang mai phục trong cái đầu khốn khổ của gã, -con đàn có thể chồm dậy bất cứ lúc nào. Bây giờ họ đang ở dưới chân tôi. Họ đang đốt lửa, đang nướng khô mực và cả hai cùng im lặng. Hai người đang nghĩ gì?

Thoạt nhìn vào khung cảnh này, ai cũng thấy thêm sự êm đềm đang vây bọc bọn họ. Gã con trai dăm dăm nhìn ngọn lửa; con khô mực chừng như bắt đầu chín vì tôi ngửi thấy mùi thơm. Hai chiếc đầu gần chạm vào nhau. Người con gái khẽ nghiêng một chút tựa đầu vào trũng vai gã con trai, nửa khuôn mặt hồng

sáng ánh lửa bật nổi lên trên gò xương quai xanh gã con trai râm nắng. Gã con trai đang nghĩ gì? Hắn đang tận hưởng cảm giác mượt mềm và hương thơm tình ái phả từ mớ tóc xõ tung của đứa con gái ngợp vây người hắn? Không, rõ ràng hắn đang nghĩ đến kẻ khác. Hắn trầm ngâm nhưng thật ra đang hoang mang khốn khổ với ý tưởng nào trong đầu: « Quế khác xa Dung một trời một vực. Quế khác xa Dung như hai quả bong bóng cái đỏ cái xanh. Bộ đi điện đùng Quế có phần mạnh dạn hơn. Lối cười nói của Quế buông thả hồn nhiên nặng phần ngổ ngáo nhẹ phần ý tứ giữ gìn. Quế cuồng nhiệt hơn Dung và, Quế liều lĩnh gấp mười Dung. Dung đã ghé lại, đã bỏ đi, đã khuất xa ngàn dặm ngoài núi cao vực lõm đời ta rồi. Bây giờ ta có Quế. Quế tới ngồi vào chỗ trước kia Dung ngồi, đứng chỗ trước kia Dung đứng, nằm chỗ trước kia Dung nằm, bên cạnh ta, trong vòng tay ta, trong nỗi buồn ta, trong hạnh phúc ta. Không thể nhầm lẫn Quế với Dung được. Không thể nào nhầm được. Quế khác xa Dung như trái vú sữa khác trái măng cầu tụy cả hai đều no căng nhựa ngọt... » Rõ ràng hắn đang loay hoay chống đỡ với ý tưởng ấy trong đầu nhưng hắn khéo che đậy quá, không hề lộ vẻ băn khoăn ra mặt; đứa con gái không hề biết, nàng mãi ngược nhìn bầu trời đêm chẳng chệch ánh sao, nàng đang mơ tưởng tới một chiều dài hạnh phúc bất tận, một chiều rộng luyện mển vô biên. Gã con trai, hắn đang nghĩ tưởng tới hình ảnh kẻ khác, ngoài nàng, chẳng phải nàng, chẳng phải đứa con gái tên Quế dựa kề bên cạnh.

Quế nhóm dậy la nhỏ như reo :

— Mực cháy hết rồi anh !

Dác rút con mực mỏng dính ra khỏi ngọn lửa với chút hốt hoảng của người vừa bừng tỉnh sau cơn mê ngán.

— Ừ nhỉ ! Nó bốc mùi khét lẹt.

Quế cười nhẹ :

— Đãng trí là nghề của anh mà.

Dác nằm úp bụng xuống cát kéo Quế xuống bên cạnh. Chẳng xé con mực ra làm đôi, đưa cho Quế một nửa :

— Em ăn phần này, chưa cháy.

— Em đã nói, mực phải nướng với lửa than, lửa này đâu có ngon.

Dắc véo nhẹ vành tai Quế :

— Đâu cần ngon, anh thích ngọn lửa hơn con mực, con mực chỉ là cái có để mình đốt lửa chơi.

— Té ra anh nghĩ vậy à? Lãng mạn rôm.

— Đâu có rôm, cũng chẳng phải lãng mạn.

— Thế là gì?

— Không là gì hết.

Quế nói, giọng trêu tức :

— Em dập tắt lửa nhé?

Dắc tỉnh bơ :

— Ừ.

— Anh không thích thấy lửa nữa à?

— Ừ.

Quế âu yếm quàng tay qua người Dắc lừa cát lấp chiếc hố. Bóng tối khép kín đều trên mặt cát. Lát sau, có tiếng cười rúc rích của Quế :

— Miệng anh tanh cả mùi mực khét không à.

Gió dường như thổi mạnh hơn, từng đám lá dương bay lơ lửng, tưởng chừng trong phút chốc lá sẽ ngợp hết cả, xóa hết tất cả. Biển không ngủ, biển vỗ ào sóng lên bờ, âm thanh nổi khít nhau trải thành từng chuỗi dài. Tiếng sóng chọt gần chọt xa. Tiếng sóng làm Dắc thấy khó chịu, chàng duỗi thẳng tay chân trên chiếc thành giả tưởng tượng, Quế trải dài bên chàng, tươi trẻ và nóng ấm.

Ngọn lửa không còn nữa, họ đang nằm bên nhau. Hai thân thể mờ hồ như hai vết khoi đọng, không bay. Gã con trai tiếp tục đóng ý tưởng của hắn, nghĩ là vừa chối bỏ Quế không phải Dung nhưng vẫn ngỡ Dung là Quế. Trí nhớ hắn đang hăm lại những kỷ niệm nguội. Kỷ ức hắn đang dựng dậy những ảnh hình cũ. Tâm hồn hắn đang trên đường trở lại lối mòn xưa, lối mòn bấy lâu khuất lấp dưới bề bề cỏ rậm. Lối mòn bấy lâu khuất nẻo lạc phương. Trên lối mòn ấy hắn cảm tay đưa dìu một người tình hiền, người tình ngoan, người tình đắp chung áo hai mùa lạnh, quạt nồng chung ba mùa hạ nóng ran. Người tình tên Dung, người tình năm xưa năm cũ, năm gầy ròi ngày, năm đoan thảng mong.

Năm xưa, trên biển này, Dung chạy nhảy bằng những bước của Quế bảy giờ. Năm xưa Dung đã biết tích, đã mất dấu, đã ra khơi, Dung là con thuyền chìm, Dung là lượng sóng nhỏ hòa tan dập vùi trong ngàn lượng sóng lớn. Dung không còn. Dung mất tên mất tuổi. Cái xóa tên Dung, nâng mang tên của ngàn khơi, nâng biến thành đứa con của biển cả, từ đó. Từ đó hẳn bỏ đi xa, qua năm bảy thị trấn, phố xá làng mạc eo óc xa vời. Hẳn chạy trốn. Quá khứ người mà không người, tan mà không tan. Quên quên nhớ nhớ. Giờ trở lại nơi chốn này, những hạt cát nhắc nhở những dấu chân nắng; ngọn lửa trong rừng dương nhắc nhở hơi ấm nắng; gió mặn nhắc nhở làn da thân thiết nắng... Đại khái mỗi ăn tình của gã con trai là thế.

Đứa con gái tên Quế không hề biết gã đang nghĩ gì. Đứa con gái ngày thơ ỏi nghiệp không hề biết rằng dưới mắt gã, nàng đang dần lột xác lột hồn để biến thành kẻ khác; Dung. Hai cái tên, hai đời sống nhòa nhạt vào nhau hiện là nỗi băn khoăn xoắn chặt lấy tâm trí bệnh hoạn hẳn.

A ha! Hẳn là tên giả dạng giả hình, hẳn là con ma khoác áo cà sa, hẳn là con quỷ đội lốt người. Hẳn sẽ hiện nguyên hình khi cơn điên ủa tới. Con điên, con cuồng, con dại giấu kín trong hẳn như một thứ vũ khí nguy hiểm nhất.

Tôi muốn cười to lên tố cáo sự giả dối của gã con trai, sự giả ngụy của cái gọi là tình yêu hạnh phúc. Đối trá, tất cả đều là đối trá hết. Là trò mua rồi, là hài kịch, là trò xiếc, là chuyện đùa đùa chơi. Tôi muốn đưa đứa con gái ra khỏi mê lầm ám muội. Gã con trai đang nhả nọc độc và đưa con gái nuốt lấy. Quế sắp biến thành Dung rồi. Tôi muốn cười to, cười thật to. Nhưng này, ô hay! Rõ ràng mắt tôi đang cay, tôi muốn khóc.

Thôi mặc kệ các người. Tôi không cần biết đến chuyện của các người nữa. Tôi phải nghĩ tới chuyện viễn du và đường bay vạn dặm vượt trùng dương của tôi chứ.

Cuối xa, chân trời này lên một vầng sáng: dấu hiệu của mặt trăng đang ngoi lên, mặt trăng sắp trở lại. Tôi lặng thinh hướng về chân mây ngóng vọng. Trăng sẽ tới và, biết đâu tôi sẽ bắt đầu chuyện viễn du trong đêm nay?

— Em nghĩ gì vậy ?

— Em lắng nghe tiếng sóng.

— Tiếng sóng có chi đáng để nghe ?

— Nhiều lắm chứ. Nghe tiếng sóng mình có thể mượn tượng được hòa âm của một dàn nhạc lớn hoặc...

Quế bỏ lửng câu nói nửa chừng, cười nhỏ rồi tiếp :

— Hoặc tiếng sóng đôi khi nghe như tiếng một đoàn quân hò reo.

Lúc này, tiếng sóng đôi nghe xa hút tận chiều sâu tối tăm nào không chỉ đưa từ bãi lên mà như từ bốn phương tám hướng dồn lại. Tiếng sóng bập bềnh vào trí Dắc như móng nhọn, như vuốt sắc, như kim châm. Tiếng sóng của thời nào. Tiếng sóng bấy lâu ẩn kín trong chàng tựa nguồn nước ẩn bỗng trào vọt lên, bỗng sôi, bỗng réo. Tiếng sóng tưởng đã lãng quên mất tâm bỗng trở về khuya vang từng hồi ồn ã động. Tiếng sóng thu hồn Dắc. Tiếng sóng dựng dậy những hình ma bóng quỷ quần thảo với chàng trên một mặt trận buồn.

Thảm kịch xảy ra ở đêm cuối một tuần trăng. 5 năm, Dung đã trắng với cát bụi trắng dương. 5 năm, chàng sống như người đã chết. 5 năm, chàng cấm dục để chữa bệnh, chàng cô độc hóa cuộc đời, chàng chạy tịnh để tang cuộc đời. Bấy giờ tiếng sóng quần rứt chàng, bắt chàng nhìn lui, kéo lết chàng qua bãi gai chông của kỷ niệm. Kỷ niệm mang vẻ xấu xa của tội ác, vẻ chết của thứ hình phạt lạnh tanh. Kỷ niệm đang vực dậy từ tiếng sóng van la.

Cùng với tiếng sóng, cơn đau bắt thần ủa tới. Dắc trườn mình trên cát, mấy mù kéo sụp đè trĩu hai mí mắt. Cơn đau làm Dắc có cảm tưởng đông lạnh hết nửa cái đầu. Cơn đau, tưởng chừng có cái đinh sét nào xoáy sâu vào gáy bắt đầu chàng cúi mãi xuống. Dắc úp mặt lên ngực Quế tựa hồ con còng còng đương rúc đầu xuống cát chạy trốn. Dắc không nghe hòa âm ca khúc nào trong tiếng sóng hết; Dắc chẳng nghe tiếng quân hò reo trong trùng trùng tiếng vọng kia. Dắc nghe tiếng Dung lập lờ gọi kêu trong chuỗi âm vang buồn rầu bắt tận ấy. Dắc tựa quây run rẩy qua những chấn động mềm. Dắc quần lấy Quế cố giãy thoát khỏi tiếng sóng bằng động tác vừa cuồng nhiệt vừa tuyệt vọng. Quế không hiểu gì hết. Tay chân Quế nhịp nhàng đáp ứng lại, âu yếm, tự nhiên. Rừng dương lênh đênh đại trôi trên mặt năng,

tiếng sóng mơ hồ không rõ nữa. Đêm đông kín hết mọi nẻo, không cho ai thoát.

Vòng sáng tỏa rộng cuối chân trời. Mặt trăng vừa ngoi lên. Ổ trắng kiêu diễm biết bao. Trăng đuổi đòi tay nồn nà vầy gọi. Trăng đang vầy tôi, trăng ngoắc tôi, trăng kêu réo tôi : hãy lên đường, hãy lên đường. Triệu triệu tỉ tỉ ngôi sao cũng đang kêu đòi tôi nữa. Tôi phải đi, đường bay vạn dặm mở rồi. Tim trong ngực tôi đang nện mạnh. Trăng là cái đích dẫn đường tôi tới, phải đi, phải đi. Chỉ cần vỗ cánh một cái, tôi sẽ vút thẳng như mũi tên, như hạt bụi, như chiếc lá. Trăng là nam châm, tôi là miếng sắt vụn. Trăng đang thu lượm tâm thần thề phách tôi...

Tôi bỗng ra khỏi dòng ý tưởng mệnh mang về chuyển viên du. Tôi chợt bị đánh thức bởi tiếng thét nhỏ, một tiếng gào to hụt hơi nghẹn giọng. Tiếng thét tiếng gào phát ra dưới tôi, trên mặt cát cùng tiếng giã giũa mạnh. Tôi cúi xuống, tôi thẳng thốt kêu không ra tiếng, tôi kinh hoàng vì hãi sợ, tôi muốn dừng tim, tôi lạnh cóng, tôi lao đao xuyt té. Dưới mắt tôi, rõ ràng đứa con gái đã ngấm hết nọc độc do gã con trai nhả ra. Quế đã biến thành Dung. Con đau, con cuồng đã đến với gã con trai. Mười ngón tay hằn đang như mười gọng kìm siết lấy chiếc cổ nồn nà nàng. Tôi muốn hét, không hét nổi. Tôi muốn la, la không ra tiếng. Quế đã biến thành Dung và, thậm kịch đang được lặp lại lần nữa trong con mẹ thiếp của gã con trai. Không, Quế không thể là Dung được. Tôi phải đánh thức gã con trai dậy nói cho hắn biết hắn vừa tính làm gì với cái óc não tâm thần bệnh hoạn hắn.

Tôi bỏ nhào xuống hắn như mũi tên lửa.

Hắn chồm dậy sau miếng đòn đau của tôi.

Nhưng kìa, sao hắn lại đuổi theo tôi ? Hắn chạy. Tôi bay. Hắn chạy trên cát. Tôi nhắm mắt trăng lao vút tới. Hắn gọi. Tôi cứ bay. Hắn gào như chó tru trăng : Dung Dung ơi... Tôi vẫn bay. Hắn chạy hắn gào. Tiếng gọi hắn mất hút giữa bốn bề mông quạnh. Tiếng gọi hắn chơi vơi khuất lấp trong tiếng biển cuồng nộ. Trăng sao xanh lạnh và tới, chẳng ai nhìn lui hắn hết. Hắn vẫn chạy, hắn vẫn gào Dung Dung Dung Dung ơi... Rõ ràng hắn vừa đuổi theo vừa gọi tôi. Ó hay Tôi là Dung sao ? Tôi là loài chim không tên mã. Tôi là Dung sao ? Là Dung ? Là Dung ? Không,

tôi không chút mảy may xúc động vì tiếng gào kêu vô vọng của hắn. Tôi, vẫn nhớ tôi là chim và, đêm nay tôi phải tôi chán trời mơ ước. Mặt trăng đang vậy ta, thấy không hở gã điên?

Ngày rạng. Màu trời ửng hồng nhuộm thắm phương Đông, nhiều tầng mây xô lẫn nhau trôi chậm. Mặt biển căng mình mông dưới làn gió nhẹ hiu hiu. Quế thần thờ đi dọc theo mé nước không hề để ý đến cát lún dưới chân nàng, không hề lưu tâm đến mây cuốn trên đầu nàng, không hề biết đến hơi lạnh đang run nhẹ trên da thịt nàng, không hề nghe thấy rừng dương đang hợp xướng ca khúc mừng bình minh sau lưng nàng. Nàng đã đi như thế, dọc theo mé nước suốt đêm qua và, mang trong lòng cảm tưởng mình là kẻ sống sót độc nhất còn lại trên biển này. Mắt mở lớn nhưng không thấy ai, môi hé mở nhưng chẳng biết lời nào để nói. Sương mận kết dính những sợi tóc không buồn bay, tay đông đưa xua hoài không tan tiếng sóng buồn xô tới. Một lúc nào đó Quế mơ hồ dừng lại, đưa mắt nhìn mông ra khơi xa, tự hỏi : câu chuyện đêm qua xảy ra trong mộng hay có thực? Trong đám đông đang lúc nhúc thức dậy trên bãi này liệu có ai tin, nếu lúc này nàng đến bảo họ : « Chính mắt tôi trông thấy Dác, chồng tôi, nổi cơn điên đuổi theo một bóng chim và gọi Dung Dung ơi... Tiếng gọi hốt hoảng chắc đêm qua quý vị đều nghe cả chứ? Hay quý vị ngỡ tiếng kêu trầm thống của anh ấy chỉ là tiếng gọi đùa chơi? Quý vị đâu cần để ý phải không? Chỉ có tôi, vâng, chỉ mình tôi nghe rõ, nhưng lúc ấy tôi còn hơi sức nào chồm dậy đuổi theo nữa. Anh ấy bình thường đâu có vậy. Chúng tôi quen biết nhau khá lâu trước khi cưới. Chính anh ấy đề nghị về đây hưởng tuần trăng mật mà. Chuyện xảy ra đêm qua thật kỳ dị. Có ai tưởng tượng ra không? — Anh ấy tính giết tôi; anh nổi cơn điên chạy ào xuống biển đuổi theo một bóng chim, một bóng chim mà gọi Dung Dung ơi... rồi, anh chìm ngấm trong biển ». Có ai chịu nghe nàng nói không? Không, chắc chẳng ai tin đâu, chẳng ai chịu nghe nàng nói đâu. Quế đưa mắt ngầy dại nhìn mông ra khơi xa. Không một ai có thể chia sẻ bớt, dù chỉ là một phần triệu buồn khổ của nàng.

Quế bước đi hồn vơi mắt dại, Quế bước đi trí ngẩn lòng ngo.

Cuối cùng, nàng nghe cát dưới chân cơ hồ sụp xuống kéo nàng ngã quỵ. Quế gương đầy bằng những động tác rời rạc đau tê của con thú bị thương, của người ngã ngựa. Quế kêu thảm anh ơi anh ơi. Quế quì gối bên cạnh hình người đàn bà khóa thân bọn trẻ đắp nổi hôm qua bị nhiều bàn chân giẫm lên đã trở thành tàn tật. Nàng quì trước hiên. Nàng quì trước rặng đông của ngày mới vừa bắt đầu. Nàng đưa đôi mắt vô vọng qua lớp sóng khô sương ngu ngơ tìm kiếm. Dung là ai ? Nàng tự hỏi, nàng lắc đầu nhiều lần. Nàng đưa hai tay ôm lấy mặt và oà khóc.

Mường Mán

SÁCH MỚI — SÁCH MỚI — SÁCH MỚI

Hãy tìm đọc ngay tuyển tập nhiều nhà văn nổi danh quốc tế viết về truyện tình của hai người yêu nhau
NHỮNG CUỘC TÌNH KHÔNG TRỞ LẠI bản dịch giá trị của PHAN LỆ THANH dịch giả **CHUYỆN TÌNH** và **MỘT NGÀY CHO NGƯỜI YÊU** do SÓNG xuất bản, đã phát hành toàn quốc.

TRẦN VĂN SƠN

Ôm Một Mặt Trời Say

Sống trăm tuổi cũng không ngoài ba chục
Chết ba mươi mà vẫn sống ngàn năm
Tao về đây cuộc sống thật âm thầm
Sống là chết trên lưng đời môn mõi
Khi uống rượu say chưởi thề ôm tôi
Khi nhấp chén trà bàn chuyện nước cũng non
Khi rong chơi vui lá cỏ hoa cỏn
Khi lật sách ngâm vài trang thơ cổ
Bạn dăm đứa tôi lui chung một chỗ
Rượu dăm chung chưa cạn đã đông đầy
Sống ở đời như gió thoảng mây bay
Khi nằm xuống vùi sâu ba tấc đất

Lẽ hơn thiệt còn thua được mất
Cũng không ngoài sinh tử có là bao
Hãy vui đi và nói chuyện tâm phào
Rượu hãy uống ly này mời bạn hữu
Rượu hãy uống ly này mời Tổ Đình Sự
Mày về đây cùng cạn một chung đầy
Có gì đâu ba vạn sáu ngàn ngày
Chuyện nhân thế như trò chơi trẻ nhỏ

Màỵ nằm xuống thanh thoi cùng cây cỏ
 Tao về đây như đã chết lâu rồi
 Sống ở dương gian giọt lệ đầy vơi
 Chết về âm phủ cười vui hề hã
 Bao nhiêu chuyện bao nhiêu người vồn vã
 Bao nhiêu thăng hê bao nhiêu kẻ ngó nghê
 Bao nhiêu người như lá úa mùa thu
 Điện rồi tỉnh tỉnh rồi điện cũng thế
 Đời chán vạn thăng nửa người nửa ngợm
 Bán bạn bè mua chuộc miếng đỉnh chung
 Riêng mình ta mới thật sự anh hùng
 Ai nào biết ta điên hay ta tỉnh
 Dù ta tỉnh cũng giả đồ điên tỉnh
 Dù ta điên cũng bày vẽ tỉnh điên
 Đời mấy ai theo sách vở thánh hiền
 Ngắm cho kỹ sắc không là số một

Kinh Phật dạy loài người mau giác ngộ
 Ta dạy rằng phải lấy rượu làm đầu
 Phải nghĩ rằng trong vạn nước lao đao
 Sống và chết như gươm kề ngang cổ
 Hãy uống rượu đừng bao giờ than thở
 Uống ngàn ly cho quên hết ~~đời~~ sự đời
 Uống ngàn ly nhìn sự thế chơi vơi
 Rồi xuống phố diễn trò cùng thiên hạ
 Hãy khóc thật to hãy cười nghiêng ngả
 Hãy điên cuồng ôm một mặt trời say
 Hãy hoan hô hãy đá đảo vang lừng
 Rồi nằm xuống ngậm cười nơi chín suối.

Trần Văn Sơn

W. SOMERSET MAUGHAM

NGUYỄN MINH HOÀNG dịch

Con Điều

Tôi biết chuyện này có vẻ lạ. Chính tôi cũng không hiểu nó bao nhiêu. Sở dĩ tôi viết nó ra đây, trên giấy trắng mực đen, là vì tôi loáng thoáng hi vọng rằng khi viết xong có lẽ tôi sẽ nắm được nghĩa của nó rõ ràng hơn một tí. Hoặc đúng hơn, sẽ có một độc giả nào đó, thông thạo hơn tôi về những chỗ khúc mắc của tâm lý con người, sẽ mách tôi cái bí quyết giúp tôi hiểu nó. Dĩ nhiên, ban đầu tôi đã nghĩ: chắc hẳn bên trong có một cái gì dính dáng đến tâm phân học. Nhưng tôi, tôi đã đọc phần lớn những tác phẩm của Freud và khá nhiều sách của các môn sinh ông soạn. Lại nữa, khi viết truyện này, tôi lại còn xem lại một quyển sách do nhà Modern Library xuất bản, có chứa đựng tất cả những bài căn bản nhất của ông. Sự xem lại ấy đã đòi hỏi tôi phải kiên nhẫn rất nhiều, vì Freud là một nhà văn lảm lòi, có một lối viết đều đều đến nản, và cái bộ điệu câu kính của ông khi ông bắt buộc mọi người phải nhìn nhận ông là cha đẻ của thuyết này hay thuyết nọ đã cho thấy là đối với những đồng nghiệp theo đuổi sự khảo cứu trong cùng một lãnh vực với ông, ông đã có thái độ khinh thường, ghen ghét không hợp với một nhà khoa học. Tuy nhiên, tôi vẫn tin Freud phải là một ông cụ già dễ yêu, hiền hậu. Vì như mọi người đều biết, thường thường vẫn có một sự khác nhau rất lớn giữa con người và nhà văn. Nhà văn có thể cay độc, khó thương, hung bạo, trong khi con người thì lại hay mềm lòng và tốt đến nỗi không sao đang tay làm hại một con ruồi. Nhưng ở đây, câu chuyện lại không phải thế. Khi đọc lại những tác phẩm của Freud, tôi vẫn không tìm được một tí gì khả dĩ rọi được một tia sáng lên cái vấn đề đang

làm tôi bận trí. Công việc của tôi ở đây, do đó, sẽ chỉ là công việc thuật lại một câu chuyện, không hơn.

Trước hết, tôi cần nói rõ là tôi không dính dáng gì đến chuyện này và cũng không quen biết gì với những nhân vật trong đó cả. Một buổi tối, anh bạn của tôi, anh Ned Preston, đã kể lại cho tôi nghe. Lúc ấy, anh đang gặp một trường hợp khó xử và anh nghĩ là tôi có thể giúp anh một vài ý kiến. Cái nghĩ thật sai lầm. Trong một truyện ngắn viết trước đây, tôi đã trình bày tất cả những gì mà độc giả cần biết về Ned Preston. Vì thế ở đây, tôi chỉ cần nhắc qua là bạn tôi là người có nhiệm vụ đi thăm hỏi và săn sóc các can phạm bị giữ trong khám đường Wormwood Scrubbs. Đối với anh, nhiệm vụ rất quan trọng và anh vẫn xem những việc rắc rối của các can phạm như là những việc rắc rối của chính mình. Chúng tôi đi ăn tối tại hiệu Café Royal ở London, trong một gian phòng dài và thấp, bài trí một cách rất buồn cười và có duyên. Đây là tất cả những gì còn sót lại của hiệu Café Royal cũ, nơi mà có một thời đã được khá nhiều họa sĩ chọn làm đề tài khi sáng tác. Chúng tôi vừa ngồi nhấp nháp cà phê và rượu mạnh, vừa hút loại xi-gà ha-va rất ngon, bất chấp những lời dặn của thầy thuốc về sức khỏe của Ned.

Sau một lúc, Ned bảo tôi :

— Hiện nay, ở Wormwood Scrubbs, tôi đang vớ phải một cái anh chàng rất lạ. Đến nỗi tôi không còn biết phải làm gì cho hắn nữa.

Tôi hỏi :

— Anh chàng của anh, vì có gì anh ta lại phải đi tù ?

— Hắn bỏ vợ hắn và tòa bắt hắn hàng tháng phải chu cấp cho vợ một số tiền. Hắn nhất định không nghe. Tôi đã cãi hết hơi với hắn. Tôi bảo hắn là làm thế chỉ thiệt cho mình. Nhưng theo hắn thì thà là hắn ngồi tù suốt đời còn hơn là đưa cho vợ một đồng xu nhỏ. Tôi bảo là hắn không thể để vợ chết đói như thế được, nhưng hắn chỉ trả lời tôi : « Tại sao không ? » Hắn là con nhà có giáo dục, có nghề nghiệp, có vẻ rất yêu đời, nhưng lại tỏ ra rất khoái trá khi biết là vợ đang lâm vào cảnh quần bách.

— Thế anh ta trách vợ tội gì ?

— Tội làm hỏng một con diều.

Tôi ngạc nhiên, hỏi lại :

— Tội làm hỏng một con gì ?

— Đáng thế : tội làm hỏng một con diều của hân. Và hân còn bảo là cho đến lúc chết hân sẽ không bao giờ tha thứ.

— Có lẽ anh ta điên ?

— Không. Anh ta không điên, mà trái lại có đủ trí khôn, rất thông minh và đứng đắn.

Anh ta tên là Herbert Sunbury và bà mẹ anh ta, vốn người rất mầu mực, không bao giờ chịu để cho mọi người gọi con trai mình bằng cái tên tắt Herb hoặc Bertie. Phải gọi là Herbert, cũng như bà không bao giờ gọi chồng là Sam, mà gọi là Samuel. Tên bà là Béatrice trong thời gian vừa đính hôn nhau, ông chồng đã có lần định gọi bà là Bea, nhưng bà nhất định không nghe.

Bà nói :

— Cha mẹ tôi đã đặt tên tôi là Béatrice. Cái tên ấy, dù sống hay dù chết, tôi nhất định giữ suốt đời. Không ai có quyền thay đổi được, cả ông, cả những người khác trong nhà.

Bà dáng người nhỏ nhắn, nhưng khỏe mạnh, ham hoạt động. Nước da tái, nét mặt gầy, tầm thường, hai mắt nhỏ mà tròn xoe. Tuy đã có tuổi, nhưng mái tóc vẫn đen, lúc nào cũng chải và buộc lại thành búi trông rất gọn. Bà đã búi tóc như thế ngay từ khi bắt đầu để tóc dài và cho đến bây giờ vẫn không thay đổi. Có lẽ bà cũng đã dùng một phương cách gì đó để giữ mãi cho mái tóc một màu sắc trẻ trung, và nếu gọi đó là làm dáng thì bà cũng chỉ làm dáng có thế, vì ngoài ra, suốt đời, bà không hề đụng đến cây son, hộp phấn. Bà chỉ thích màu đen và chỉ mặc áo may bằng loại vải bền do một thiếu phụ ở cạnh nhà cắt và khâu cho theo một kiểu vừa tiện lợi vừa dễ coi. Bà chỉ có mỗi một món nữ trang bằng vàng : một sợi dây chuyền có đính một chiếc thánh giá nhỏ.

Ông chồng cũng nhỏ nhắn. Người cũng gầy và khô đét như vợ, nhưng tóc lại hoe và rất thưa, thành thử ông phải để mọc thật dài ở một bên và cẩn thận chải lật lại để che phía trên đầu hói. Da mặt vàng bệch nhưng hai mắt thì xanh nhạt. Ông làm thư ký tại một văn phòng luật sư. Lúc mới vào nghề thì chỉ giữ một chân chạy giấy, nhưng nhờ cách làm việc siêng năng nên được cất nhắc dần dần. Vì luật sư mà ông giúp việc tỏ ra rất nề ông và thỉnh thoảng vẫn nhờ ông thay mặt để giao tiếp với những thân chủ không quan trọng. Từ hai mươi bốn năm nay, sáng nào ông cũng đáp chuyến tàu điện quen thuộc để vào thành phố, trừ

những ngày chúa nhật và mười lăm ngày nghỉ thường niên mà ông ra dưỡng sức ngoài bãi biển. Rồi cứ chiều đến là ông lại đáp chuyển tàu điện ban sáng về nhà ở tận ngoại ô. Ông ăn vận sạch sẽ, tươm tất, đi làm lúc nào cũng cái quần màu xám giản dị, cái áo vét-tông đen và cái mũ quả dưa. Về đến nhà, ông mang dép và mặc một cái áo vét-tông đen khác, quá cũ và quá bóng nên không đủ g dề đi làm được. Nhưng ngày chúa nhật, lúc đi nhà thờ thì ông mặc lễ phục và đội chiếc mũ quả dưa. Ông bày tỏ lòng kính trọng đối với ngày của Chúa Trời bằng cách ấy và vẫn âm thầm chê trách những người không thật tâm mộ đạo chỉ biết rong xe đạp hoặc la cà ngoại phố cho đến lúc các quán rượu bắt đầu mở cửa. Trên nguyên tắc, cả nhà đều phải giữ phép không được ăn uống rượu rã, nhưng để bù lại những bữa ăn trưa đạm bạc của những ngày khác trong tuần chỉ gồm có một mẩu bánh nướng thoa bơ và một ly sữa, đến ngày chúa nhật, bà dọn cho ông một bữa ăn ngon có thịt bò chiên, bánh pudding và một cốc bia mà bà cho là ông cần uống để cho trong người được khỏe. Biết tính bà không thích chứa rượu trong nhà, nên cứ sau khóa lễ buổi sáng là ông rón rén xách một cái chai, đi ra quán rượu ở góc đường để mua một lít bia. Rồi, cũng vì ông không bao giờ chịu uống một mình, thành thử lúc ăn, bà cũng uống với ông một cốc cho vui.

Ông bà chỉ có Herbert là con trai độc nhất nên rất thương yêu. Lúc nhỏ Herbert là một hài nhi kháu khỉnh, lớn lên một tí anh là một đứa trẻ rất xinh. Bà nuôi con thật kỹ, dạy con lúc ngồi ăn phải có nết na, không được tí hai khuỷu tay lên bàn. Bà dạy Herbert cầm dao và phuốc-sét như một nhà quý phái, bắt anh khi nâng tách trà lên môi phải vênh ngón tay út ra ngoài. Anh hỏi tại sao, bà chỉ đáp: « Con không cần biết tại sao. Cứ làm thế cho mẹ. Như thế chứng tỏ mình là con nhà giáo dục. »

Lúc Herbert đến tuổi cấp sách đi học thì bà đâm ra lo ngại vì từ trước bà chưa hề để Herbert nô đùa với các trẻ con khác ngoài đường.

Bà nói:

— Chơi với những đứa không ra gì làm mình mất cả các tính tốt. Chính vì thế mà tôi không giao du với ai cả.

Từ ngày lấy nhau, hai ông bà vẫn ở ngôi nhà cũ, nhưng lúc nào bà cũng lưu tâm lánh xa những người hàng xóm.

— Ở thành phố thì không thể nào biết được những ai là ai. Một việc này thường đưa ngay đến một việc khác và chẳng mấy lúc, không kịp đề ý, là mình đã bị giây với những thứ vô lại mà mình không làm sao gỡ ra cho được.

Bà không thích trông thấy Herbert lân la với đám trẻ con mất dạy ở trường, nên bà thường dặn :

— Con chỉ việc làm như mẹ đã làm, đừng chơi với ai cả, đối với bạn bè trong lớp thì con chỉ nên nói chuyện với chúng khi nào thật bắt buộc mà thôi.

Nhưng Herbert lại học rất giỏi, tỏ ra chăm và không đần độn. Điểm trong lớp lúc nào cũng cao và Herbert lại rất có khiếu về môn toán.

Ông Samuel bảo vợ :

— Như thế thì rõ lắm rồi, nhất định nó sẽ theo ngành kế toán. Giỏi về kế toán thì bao giờ cũng tìm được chỗ làm tốt.

Bà nhìn nhận là ông có lý : sau này Herbert sẽ học nghề kế toán.

Một hôm, bà nhìn Herbert, tự đắc :

— Ô ! Không bao lâu nữa thì con trai lại cao bằng bố cho mà xem :

Thật thế, lúc Herbert thôi học thì anh đã đứng cao hơn ông Samuel đến những năm phân tây và lúc anh đến tuổi không lớn hơn được nữa thì anh đo được một thước bảy mươi tám.

Bà mẹ gật gù :

— Cao như thế là vừa, không ít quá mà cũng không nhiều quá.

Anh trở thành một thanh niên chững chạc, nét mặt đều đặn và tóc vàng giống hệt bà Samuel, nhưng mắt thì xanh như cha. Nước da tuy tái nhưng mịn màng. Ông Samuel xin cho anh vào học việc tại văn phòng một chuyên viên kế toán. Chính văn phòng này, mỗi năm hai lần, vẫn được ông thuê trông coi các sổ sách chi tiêu của gia đình. Lúc Herbert được hai mươi một tuổi thì anh làm đã có lương và hàng tuần anh mang về đưa cho mẹ một số tiền khá khá. Bà trích ra, đưa lại cho anh ba đồng nửa cu-rôn để anh trả tiền các bữa ăn trưa và mười si-linh để anh làm tiền túi. Phần còn lại bà bỏ vào Quỹ Tiết kiệm để sau này anh có cần đến tiền thì đã có sẵn.

Bữa tối mà Herbert ăn mừng lễ sinh nhật hai mươi một tuổi của anh, lúc hai ông bà Samuel đi ngủ (ở đây cần mở một cái dấu ngoặc để độc giả được biết là bà Samuel không bao giờ « đi ngủ » mà chỉ « lui vào trong », riêng ông thì bình dân hơn, ông vẫn oang oang « Thôi, đi lên cái giường »). Vậy thì, bữa tối ấy, lúc đi ngủ, bà Samuel đã nói với chồng :

— Ở đời có nhiều kẻ không chịu nhìn thấy hạnh phúc của mình. Tôi thì nhờ Chúa, tôi nhìn thấy. Chẳng Herbert nhà ta, thật không ai hơn được nó. Từ bé đến lớn chưa bao giờ đau ốm quá một ngày, cũng không gây chuyện gì phiền nhiễu. Như thế đủ biết là khi ta nuôi con đúng cách thì thế nào cũng có kết quả tốt về sau. Ông có ngờ là nó đã hai mươi một tuổi rồi không ? Chính tôi, tôi không ngờ đấy. Mọi ngày nào... Chồng thật !

— Phải, chồng thật ! Rồi chẳng mấy chốc mà nó lấy vợ, ra riêng.

Đang vui, giọng nói của bà Samuel bỗng gay gắt :

— Tại sao nó lại ra riêng kia chứ ? Ở đây nó có thiếu thốn gì không ? Ông thì chỉ được cái nói vớ nói vẩn. Ông cũng biết là tôi không thích thế. Hừ ! Lấy vợ ! Nó không ngu đâu ! Sống với cha mẹ như thế này, sướng chán.

Ông Samuel nín bặt. Kinh nghiệm của nửa đời, người đã dạy ông là ông không có chút hy vọng nào khi cãi nhau với vợ :

Bà tiếp :

— Tôi không đồng ý về chỗ đàn ông con trai lấy vợ trước khi biết chín chắn là mình thật sự muốn gì. Mà cái tuổi biết chín chắn phải là tuổi ba mươi hoặc ba mươi lăm.

Ông nói, để đưa câu chuyện sang hướng khác :

— Nó có vẻ thích các món quà.

— Điều đó thì đã hẳn.

Vì thật sự, món quà nào cũng đẹp. Ông Samuel biếu con trai một cái đồng hồ đeo tay bằng bạc, hai kim có dạ quang, còn bà thì biếu một con diều. Đây không phải là lần thứ nhất mà bà biếu như thế. Việc chọn con diều làm quà sinh nhật đã có từ năm Herbert lên bảy. Đầu đuôi như sau. Căn nhà ông bà Samuel là một bãi đất hoang thật rộng và mỗi chiều thứ bảy, những lúc trời tạnh ráo, bà Samuel vẫn đưa chồng và con trai ra dạo mát. Theo bà thì sau một tuần lễ giam mình trong phòng làm việc kèm vệ sinh, ông Samuel cần thở một chút khí trời trong sạch. Ngoài

bất bao giờ cũng có rất nhiều người, nhưng bà Samuel không thích đám đông, vẫn cố đứng tách riêng ra.

Một hôm, Herbert kêu to :

— Kia mẹ ! Nhìn xem. Những con diều đẹp quá !

Lúc bây giờ từ hướng tây, một ngọn gió nhẹ đang thổi hãy lại ; những con diều, bé có, to có, đang tung tăng bay lượn trên cao.

Ông Samuel hỏi con trai :

— Con có muốn đi xuống chỗ người ta thả diều để xem không ?

— Ồ ! Con muốn, con muốn lắm.

Ở giữa cánh đồng cỏ là một gò đất cao thoai thoải. Lúc đến gần, ông bà Samuel và Herbert trông thấy một số trẻ con, vừa trai vừa gái, có cả mấy người lớn, đang chạy thật nhanh để cho diều lấy đà cất lên trong gió. Thỉnh thoảng có những con diều bỏ nhào xuống đất, nhưng nếu được lái đúng hướng gió thì diều lại bay lên và càng thả nhiều dây thì diều lại càng bay cao hơn nữa. Herbert ngây người ra nhìn, thích thú.

Anh hỏi :

— Con cũng muốn có một con diều. Được không, hở mẹ ?

Tuy còn bé nhưng anh cũng đã nhận thấy là khi muốn xin một thứ gì thì anh nên hỏi mẹ anh trước đã.

Bà Samuel nhìn con :

— Con muốn có để làm gì ?

— Để cho nó bay.

Nghe câu trả lời hai ông bà Samuel cùng nhìn nhau, mỉm cười. Cái mỉm cười có nghĩa : « Đã thấy chưa ? Cũng biết đòi chơi diều rồi đấy ! »

Bà Samuel nói :

— Nếu con ngoan ngoãn và đánh răng đều đặn mỗi sáng, không đợi mẹ nhắc, thì có lẽ ông già Nô-ên cũng mang đến cho con một con diều thật đấy.

Thấm thoát đến lễ Giáng Sinh và Herbert có một con diều thứ nhất trong đời. Bao đầu anh thả rất vụng, và ông Samuel phải từ trên gò đất chạy xuống, chính tay thả lấy. Con diều chỉ nhỏ thôi, nhưng lúc Herbert nhìn thấy nó bay lên cao và lúc anh cảm thấy sợi dây giật nhẹ trong bàn tay mình thì anh sướng quá. Từ đó trở đi, cứ mỗi chiều thứ bảy, lúc ông Samuel đi làm về, là

anh cứ lần quần bên chân, đòi cha mẹ đưa ra bãi cỏ. Chỉ ít lâu sau anh đã thả giối, và ông bà Samuel đứng trên gò đất, kiêu hãnh nhìn theo. Herbert chạy thật nhanh xuống triển dốc và khi con diều đã bọc gió, anh thả thêm cuộn chỉ trên tay.

Từ đấy, Herbert đắm ra mê thả diều, anh lớn lên thì bà Samuel mua cho anh những con diều to hơn. Càng ngày anh càng thành thạo trong việc tính sức gió và có thể thực hiện những thành tích thả diều mà nhiều người cho là không thực hiện nổi. Trên bãi cũng có những tay chơi diều khác, không những trẻ con mà còn người lớn nữa, và cũng bởi lẽ cùng có một sở thích giống nhau thì người ta dễ quen nhau, thành thử, chỉ ít lâu sau, tuy vẫn còn dè dặt, ông bà Samuel và Herbert đã bắt đầu trao đổi một hai câu chuyện với tất cả mọi người. Rồi nào là mang diều ra so sánh với diều người khác, nào là khoe khoang tài nghệ của chính mình. Năm mười sáu tuổi, Herbert dám thách cả một tay chơi diều khác thả thi. Anh diều khiến cho diều mình vượt lên, kéo cho hai sợi dây xích lại gần nhau, rồi tách một cái, quật ngã con diều địch thủ. Nhưng ông Samuel cũng không kém, từ lâu ông cũng đã bị lây cái bệnh mê diều. Ông cũng thả diều, cũng chạy thật nhanh từ trên đầu dốc xuống chỗ khu đất thấp, mình còn mặc bộ y phục đạo mạo gồm cái quần sọc, cái áo vét-tông đen và cái mũ quả dưa. Bà Samuel cố chạy theo chồng. Lúc con diều đã lên cao, bà giành cầm sợi dây và nhìn con diều bay lượn. Từ đó, đối với ông bà Samuel và Herbert, buổi chiều thứ bảy là buổi chiều rất được mong cho chóng đến. Sáng sớm, lúc ông Samuel và Herbert từ nhà ra đón chuyến tàu điện để đi làm, thì công việc thứ nhất của hai bố con là nhìn lên trời để đoán xem đến chiều thời tiết có thuận lợi không. Cả hai thích nhất những hôm đông bão, hướng gió thay đổi bất thường, vì có như thế mới có dịp thi thố hết tài năng. Trong tuần, không tối nào mà hai bố con không nói với nhau về việc ấy, tỏ ý khinh những con diều bé hơn diều của họ và thêm muốn những con khác to hơn. Họ bàn đến ngón thả diều của những người khác bằng một giọng say sưa hoặc rề rúng, tùy theo trường hợp, giống hệt các võ sĩ hoặc các tay đá bóng khi nói đến lối chơi của đối thủ. Mong ước của họ là có một con diều to hơn, bay cao hơn tất cả các con diều khác. Từ lâu họ đã không dùng chỉ tơ nữa, vì con diều mà bà Samuel đã làm quà cho Herbert năm anh hai mươi một tuổi cao đến hai

thước. Muốn thả, họ phải dùng đến dây kẽm cuộn trên một cái ống tròn. Nhưng Herbert cũng chưa được vừa lòng. Anh đã tình cờ nghe nói đến một loại điều hình dáng như chiếc hộp vừa được phát minh và vừa trông thấy là anh thích ngay lập tức. Anh nghĩ là mình cũng có thể làm một con như thế, và nhớ biết vẽ, anh liền vẽ kiểu rồi thuê làm một con bé hơn. Đến chiều thứ bảy anh mang ra thả thử nhưng không được kết quả gì. Tính anh rất bướng, anh quyết không chịu thua. Theo anh thì nhất định phải có một chỗ sơ hở nào đó mà anh phải tìm ra và chữa lại cho bằng được.

Nhưng cũng chính vào dạo ấy một việc đáng tiếc đã xảy ra. Herbert bắt đầu bỏ nhà đi chơi sau bữa tối. Bà Samuel tỏ ý không bằng lòng, nhưng ông đã vội lấy lý lẽ ra khuyên giải. Nghĩ cho kỹ, Herbert cũng đã hai mươi tuổi đầu, và nếu cứ nằm mãi ở nhà như thế có lẽ anh cũng đâm ra chán. Anh có đi dạo hay đi xem xi-nê thì cũng chẳng hại gì. Nhưng sự thật thì Herbert đang ở cái tuổi yêu đương. Một buổi chiều thứ bảy, sau khi đã thả điều xong và về nhà, đang lúc ăn tối, anh bỗng nói:

— Mẹ, con đã mời một cô bạn ngày mai đến nhà ta uống trà và ăn bánh. Mẹ có thấy phiền gì không?

— Hừ? Cái gì?

Quá sửng sốt, bà Samuel quên cả cách ăn nói giữ gìn.

— Con đã mời một cô bạn đến nhà ta ngày mai.

— Thế ư? Cũng được! Nhưng mẹ muốn biết cái cô bạn ấy là ai và mày làm thế nào mà quen được nó?

— Cô ấy tên Betty, Betty Bevan. Chúng con gặp nhau lần đầu tiên trong rạp xi-nê, một buổi chiều thứ bảy. Hôm ấy trời mưa. Chuyện gặp nhau cũng là chuyện tình cờ. Cô ấy ngồi ở chiếc ghế bên cạnh con và làm rơi cái xắc, con nhặt hộ và cô ấy nói cảm ơn. Và thế rồi hai đứa bắt đầu nói chuyện.

— Cái trò cũ rích ấy mà mày cũng còn mắc nữa ư? Làm rơi cái xắc! Ồ! Thật là...

— Không phải đâu mẹ ạ. Betty rất ngoan ngoãn, rất có học. Rồi mẹ xem.

— Thế câu chuyện xảy ra từ nào?

— Từ gần ba tháng nay.

— Sao? Quen nhau từ ba tháng nay mà đến bây giờ mới mời nhau đến nhà ư?

— Không, sau đó chúng con đã gặp nhau lại nhiều lần. Hồi đầu tiên, lúc xem xong phim con đã mời Betty đến tối thứ ba sau sẽ cùng đi xi-nê lượt nữa. Cô ấy do dự, rồi bảo với con là có thể cô ấy sẽ đến, nhưng cũng có thể là sẽ không đến được. Nhưng cuối cùng thì cô ấy đến.

— Thì đã bảo là nó cũng chỉ đợi có thể thôi.

— Từ đấy, mỗi tuần độ hai lần, Betty và con vẫn hẹn nhau đi xi-nê.

— À, ra chính vì thế mà mày hay đi chơi tối.

— Vâng, đúng như thế. Nhưng con không bắt buộc mẹ phải tiếp Betty đâu, nếu mẹ không thích Betty đến nhà thì con sẽ bảo là mẹ nhức đầu rồi chúng con đưa nhau đi chơi vậy.

Ông Samuel nói :

— Không, mẹ con sẽ tiếp cô ấy ngày mai. Có phải thế không bà nhỉ ? Nhưng con cũng biết là tính mẹ con không thích bị quấy rầy.

— Tôi không thích giao thiệp với ai cả. Thế con bé ấy, nó làm gì ?

— Cô ấy làm thư ký đánh máy cho một sở tư và hiện đang sống với gia đình, nếu có thể gọi đó là gia đình. Vì mẹ cô ấy mất đã lâu, người cha cưới bà vợ khác. Cô ấy có ba đứa em khác mẹ. Trong nhà lúc nào cũng có một không khí bất hòa. Bà mẹ kể vẫn kiếm chuyện với Betty luôn.

Hôm sau bà Samuel chuẩn bị buổi uống trà một cách vô cùng long trọng. Trong phòng khách, bà dọn tất cả những món trang trí vụn vặt vẫn bày trên một chiếc bàn tròn không bao giờ dùng đến và trải tấm nấp lên trên. Bà trịnh trọng mang ra bộ đồ trà bằng bạc mà từ nào bà cũng chưa dùng đến bao giờ, rồi bà làm bánh ngọt và bánh mì nướng thoa bơ.

Bà nói với chồng :

— Phải cho nó thấy là nhà ta không giống như bất cứ nhà tầm thường nào khác.

Chính Herbert đi ra mở cửa lúc Betty đến. Ông Samuel cũng vội chạy ra, để cho Herbert nhớ là đừng đưa Betty vào gian phòng ăn, nơi mà cả nhà vẫn có lệ quây quần, tụ họp. Khi hướng dẫn Betty sang phòng khách, trông thấy bàn tiệc trà, Herbert có vẻ ngạc nhiên.

Anh nói :

— Con xin giới thiệu Betty với mẹ.

Bà Samuel vội chữa :

— Cô Bevan đây phải không ?

— Vâng ạ. Nhưng xin bà cứ gọi con là Betty.

Bà Samuel mỉm cười thật tươi :

— Đây chỉ mới là lần gặp đầu tiên nên chúng tôi không dám gọi đường đột như thế. Mời cô Bevan ngồi chơi.

Có điều hơi lạ, hay đó là một việc rất tự nhiên cũng nên, là dáng dấp Betty lại giống hệt bà Samuel lúc bà vào khoảng tuổi nàng. Cũng nét mặt sắc xảo ấy, cũng đôi mắt tròn xoe ấy nhưng môi thì đỏ hơn, hai má thì phơn phớt phấn hồng và mái tóc ngắn thì quăn lên thật đẹp. Chỉ một cái liếc mắt, bà Samuel đã nhận thấy tất cả ngần ấy thứ và bà có thể ước lượng gần đúng món tiền mà Betty phải tiêu tốn cho chiếc áo tơ sang trọng, đôi giày gót thật cao và cái nón diêm dúa của nàng. Áo nàng may thật ngắn, để hở cả một phần đầu gối. Bà Samuel vốn không thích cách trang điểm và ăn mặc ấy nên đâm ra có ác cảm với Betty ngay. Nhưng bà vẫn giữ vẻ lịch sự, ôn hòa, về điểm này thì không ai có thể trách gì bà được. Do đó, lúc đầu mọi việc diễn ra tốt đẹp. Bà rót trà và bảo Herbert mời Betty một tách. Bà cũng bảo chồng :

— Nhờ ông hỏi xem cô Bevan thích ăn bánh nướng hay bánh tác-tin bơ.

— Thì cô cứ ăn cả hai thứ. Ngon lắm. Ăn đi cô ạ.

Vừa nói ông Samuel vừa cầm hai đĩa bánh đưa về phía Betty.

Nàng ngượng ngịu lấy một chiếc tác-tin và một chiếc bánh nướng để lên đĩa của mình trong khi ấy thì bà Samuel cứ nói liến thoắng về những chuyện thời tiết. Bà hề hề nhận thấy Betty mỗi lúc một lúng túng thêm. Bà cắt ngay cái bánh ngọt và ép nàng lấy một mẫu to. Betty cắn một miếng, nhưng lúc nàng định để chỗ bánh còn lại trên đĩa thì mẫu bánh rơi xuống đất.

Nàng vội cúi nhặt :

— Con xin lỗi ông bà.

Bà Samuel bảo :

— Không hề gì cô ạ. Để tôi cắt cho cô mẫu khác.

— Ồ, bà không phải cắt. Con vẫn ăn được. Sàn nhà sạch kia mà.

— Sàn nhà cũng sạch đấy, nhưng ai lại để cô ăn mẩu bánh đã rơi xuống đất thế kia. Berbert, con để tay vào đây, mẹ lấy cho cô Bevan mẩu khác.

— Thưa bà, thật tình là con không ăn được nữa.

— Cô không thích bánh của tôi ư? Tôi làm đề mời riêng cô đấy nhé.

Bà cầm một mẩu, ăn thử :

— Bánh cũng chẳng đến nỗi nào.

— Thưa bà, không phải thế đâu. Bánh ngon lắm, nhưng quả tình là con no.

Betty cũng từ chối không chịu lấy thêm trà và bà Samuel nhận thấy lúc uống xong Betty có vẻ như trút được gánh nặng.

Bà nghĩ bụng : « Những hạng này, khi ăn uống có lẽ chỉ biết rúc vào nhà bếp thôi. »

Lúc ấy, Herbert đang châm thuốc lá.

Betty nói :

— Herb, cho em xin một điếu. Em cũng đang muốn hút.

Bà Samuel không bao giờ ngờ là phụ nữ cũng hút được thuốc lá, nhưng bà chỉ nhướn đôi lông mày rồi nói :

— Chúng tôi vẫn gọi nó là Herbert, cô Bevan ạ.

Betty không ngu, nàng thừa hiểu là bà Samuel đang tìm đủ mọi cách để làm nàng khó chịu. Nàng nắm ngay lấy cơ hội trả miếng.

— Con cũng hiểu thế. Nhưng lúc anh ấy bảo con tên anh ấy là Herbert thì con xuyết không nín được cười, tên gì mà lại có tên Herbert. Buồn cười thật !

Thấy tình thế đã bắt đầu nguy, Herbert vội xen vào :

— Ở sở mọi người vẫn gọi con là Bertie đấy mẹ ạ.

— Như thế lại càng chứng tỏ là ở đời có rất nhiều người hoàn toàn thiếu tư cách.

Và sau đó bà Samuel nhất quyết không thêm nói thêm một câu nào, để mặc ông Samuel và Herbert muốn tiếp chuyện thế nào thì tiếp. Không khí trong phòng khách hóa ra nặng nề, rời rạc. Bà khoan khoái nhận thấy Betty đã có vẻ bức dọc, đã muốn ra về, nhưng nàng vẫn chưa tìm được cơ gì để cáo từ. Bà thì nhất định là bà sẽ không làm gì để giúp Betty cả. Cuối cùng Herbert đành phải đứng lên, nói :

— Nào, ta đi thôi chứ ! Để tôi đưa Betty về.

Bà Samuel cũng đứng lên, làm ra vẻ ngạc nhiên :

— Cô về sớm thế ? Có cô đến chơi, chúng tôi thích lắm.

Lúc cả hai đưa nhau đi rồi, ông Samuel đánh bạo nói :

— Con bé cũng xinh, bà nhỉ ?

— Xinh ! Hừ ! Chẳng qua là nhờ nó khéo vẽ mây vẽ mặt đấy thôi. Cứ rửa sạch lớp son phấn thử xem. Tôi bảo ông. Nó chỉ là một đứa con gái chẳng ra gì như bao nhiêu đứa khác mà ta vẫn gặp nhan nhân ở các góc đường.

Một giờ sau Herbert về đến nhà, mặt hầm hầm :

— Sao mẹ lại đối xử với Betty như thế chứ ? Con thật xấu hổ vì mẹ.

Bà Samuel cũng nổi giận :

— Mày dám ăn nói với tao như thế hở ? Hạng con gái như nó, lẽ ra mày chẳng nên dặt về nhà. Một đứa con gái tầm thường như bao nhiêu đứa con gái khác.

Lúc giận bà quên cả những câu văn hoa, kiểu cách thường ngày. Nhưng Herbert cũng chẳng để tâm, anh nói :

— Betty bảo là trong đời nó, nó chưa hề bị nhục như thế bao giờ. Phải nói mãi, nó mới chịu nguôi cho.

— Thế ư ? Nhưng mày nên nhớ rõ là từ rày trở đi cái thứ ấy chẳng bao giờ được đặt chân đến nhà tao nữa.

— Được rồi. Nhưng con xin báo để mẹ biết là chúng con đã hứa hôn với nhau rồi. Mẹ cũng nên nhớ thế.

Bà Samuel há hốc mồm :

— Không thể như thế được.

— Sao lại không thể như thế được ? Con đã nghĩ đến việc ấy từ lâu, nhưng mãi đến hôm nay con mới nói ra đấy thôi, và mẹ đừng tưởng là nó bằng lòng một cách dễ dàng đâu nhé !

Bà Samuel hét :

— Thế là mày ngu ! Ngu quá lắm !

Ngay sau đó là một cuộc cãi vã kịch liệt. Bà Samuel và Herbert đều không ai chịu kém ai. Ông Samuel cố can ngăn, nhưng cả hai đã hét, bảo ông im ngay. Cuối cùng Herbert dùng dùng bỏ đi ra khỏi nhà, còn bà Samuel thì khóc nức lên vì giận.

Ngày hôm sau, không ai dám động gì đến câu chuyện đã xảy ra. Đối với con trai, bà Samuel tỏ ra lễ độ một cách lạnh lùng, riêng Herbert thì lúc nào cũng có vẻ lăm lăm, khó chịu. Sau bữa

ăn tối, anh lại mặc áo ra đi. Đến ngày thứ bảy, anh bảo với ông bà Samuel là buổi chiều anh bận, không thể ra bãi được.

Bà Samuel nói :

— Ra hay không ra cũng chẳng sao.

Rồi thắm thoát gần đến dịp nghỉ hàng năm, cả nhà sắp sửa đi dưỡng sức mười lăm hôm ngoài bãi biển. Ông bà Samuel và Herbert vẫn có lệ đi Herne Bay, vì bà Samuel cho rằng ở đấy ta chỉ gặp toàn những người có tư cách. Từ bao nhiêu năm nay bà Samuel vẫn đến trọ ở một nhà trọ quen biết và lần nào bà cũng thuê đúng những gian phòng đã thuê năm trước. Một buổi tối, Herbert nói với mẹ bằng một giọng mà anh cố làm ra cho thật tự nhiên :

— À này, mẹ ạ, mẹ nên viết thư báo cho họ biết là năm nay họ không phải để dành phòng cho con. Betty và con, chúng con sắp làm lễ cưới và sẽ đưa nhau đi Southend.

Trong một lúc lâu, một sự im lặng ngọt ngào đè nặng lên ba người. Mãi sau ông Samuel mới nói được :

— Làm thế xem chừng hấp tấp đấy, Herbert !

— Nhưng biết sao ? Ở sở Betty, người ta giảm bớt các nhân viên, thành ra Betty mất việc. Do đó chúng con nghĩ là tốt hơn nên cưới nhau ngay. Chúng con đã thuê hai gian phòng ở phố Dabney Street, và với số tiền ở Quỹ Tiết Kiệm chúng con sẽ sắm thêm các thứ.

Bà Samuel không nói một lời nào. Mặt bà tái nhợt và hai dòng nước mắt lăn dài trên đôi má hóp.

Herbert nói :

— Kia mẹ, tại sao mẹ lại khóc như thế chứ ? Người ta, không sớm thì muộn, cũng phải có vợ có chồng. Nếu mẹ không gặp cha con thì bây giờ làm gì mà có con đứng ở đây cho được.

Bà Samuel bực tức lau nước mắt :

— Cha mày và tao thì lại khác. Tao biết ông ấy là người đứng đắn, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến vợ, đến con. Cho nên tao không bao giờ phải hối hận. Có phải thế không ông nhỉ ?

Ông nhanh nhẩu đáp :

— Đúng thế.

— Nhưng nếu đã hiểu nhau hơn, thì con chắc chắn là mẹ sẽ mến Betty. Nó ngoan ngoãn và tính nết thì lại có những điểm rất giống mẹ. Xin mẹ cứ thương chúng con là hết.

— Không đời nào cái con bé ấy được đặt chân đến nhà này, trừ phi khi tao chết.

— Tại sao lại có chuyện lạ như thế chứ? Mẹ thử nghĩ lại xem, nếu mẹ cứ bình tĩnh như mọi người thì có gì thay đổi đâu, nghĩa là mỗi chiều thứ bảy ta vẫn ra bãi như thường lệ. Chỉ riêng lần này, con bận việc, thì hơi khác mà thôi. Mẹ nên nghĩ lại. Betty nó chưa hiểu cái thú thả diều, nhưng rồi nó cũng sẽ theo ra. Một khi đã lấy nhau xong, nhất định nó sẽ thay đổi, nghĩa là mỗi tuần con vẫn có thể ra bãi thả diều. Con xin cam đoan với mẹ.

— Mày tưởng thế à? Này, tao bảo cho mà biết. Mày mà lấy cái con bé ấy thì không bao giờ mày còn được mớ đến diều của tao nữa. Con diều ấy, tao sắm bằng tiền tao dành dụm, nên là diều của tao. Mày nghe ra chưa?

— Được rồi. Mẹ muốn thế nào cũng được. Betty nó vẫn bảo trò thả diều chỉ là trò trẻ con và đàn ông con trai vào cái tuổi này mà còn chơi diều thì thật là xấu hổ.

Nói xong Herbert đứng phắt dậy và một lần nữa lại dùng dùng bỏ đi ra khỏi nhà. Mười lăm hôm sau, anh cùng Betty làm lễ cưới. Bà Samuel nhất định không đến dự và cũng không bằng lòng để ông Samuel đến. Đúng ngày đã định, ông bà đưa nhau đi nghỉ mát và lúc về, vẫn tiếp tục nếp sống thường ngày. Những chiều thứ bảy, cả hai lại đi ra bãi cỏ, thả con diều thật lớn của mình. Bà Samuel không bao giờ nhắc đến con trai. Bà nhất định không bao giờ tha thứ. Nhưng mỗi sáng, ông Samuel vẫn gặp Herbert trên chuyến tàu điện, và khi có dịp ngồi cùng toa, hai bố con vẫn chuyện trò thân mật. Một lần, ông Samuel nhìn lên trời và bảo :

— Trời hôm nay mà thả diều thì tuyệt.

— Thế cha và mẹ con vẫn ra bãi đều đặn mỗi tuần?

— Ồ, việc thả diều thì không phải nói; bây giờ thì bà ấy đã thạo lắm rồi. Phải trông thấy bà ấy từ trên gò đất cao chạy xuống, váy thì xắn lên và gài bằng mấy cái đinh ghim. Thú thật là tao không ngờ là bà ấy lại tài đến thế. Chạy còn nhanh hơn cả tao.

— Cha làm con chết mất vì cười thôi!

— Nhưng tao không hiểu tại sao mày lại không mua lấy một con diều nhỉ! Mày vẫn thích diều lắm kia mà.

— Đúng thế. Có một hôm con đã định mua, nhưng cha còn lạ gì tính đàn bà. Betty nó bảo coa là con không còn ở cái tuổi chơi đùa nữa. Loại dành cho trẻ con thì dĩ nhiên là con không thích, còn những con điều to thì lại đắt tiền. Lúc bắt đầu dọn nhà và mua sắm các thứ, thì Betty nó đưa ý kiến là thà mua ngay những món đồ tốt, như thế có lợi hơn, thành thử con đã mua một mớ bàn ghế theo lối trả tiền dài hạn. Rút cục, hàng tháng, số lương của con chỉ vừa đủ để trang trải nào tiền bàn ghế, nào tiền thuê nhà, nào những khoảng chi phí linh tinh. Người ta vẫn bảo sống hai người cũng không tốn kém hơn sống một mình là mấy, nhưng có kinh nghiệm qua, con mới nhận thấy là sai.

— Thế nó không đi làm à ?

— Không. Vợ con nó bảo là nó đã đi làm trong bao nhiêu năm rồi, bây giờ có chồng, cũng phải được nghỉ ngơi chút đỉnh. Nhưng thực ra, thì lúc nào nó cũng bận tíu tít vì còn phải nấu bếp và săn sóc các việc trong nhà.

Sáu tháng trôi qua. Một buổi chiều thứ bảy, trong lúc đang thả điều ngoài cánh đồng cỏ như thường lệ, bà Samuel bỗng gọi chồng :

— Này, ông có trông thấy gì không ?

— Tôi có trông thấy thằng Herbert. Có phải bà định nói thế không ? Từ nãy giờ tôi không nói gì cho bà biết, chỉ sợ bà lại mất vui.

— Ông đừng nói gì với nó cả. Cứ làm như không trông thấy nó.

Herbert đứng lẫn trong đám người đi xem. Anh có ý lảng ra xa, nhưng bà Samuel nhận thấy anh đưa mắt nào nức theo dõi con điều mà trước đây anh vẫn thả. Lúc sương chiều bắt đầu thấm lạnh, ông bà Samuel mới chui quay về. Trên mặt bà Samuel lộ một vẻ hơn hờ đầy tình quái.

— Không biết tuần sau nó có đến không nhỉ ?

— Tôi dám cược với ông là thế nào nó cũng đến. Từ lâu tôi chỉ đợi có thế.

— Thật à ?

— Tôi vẫn tin là nó không sao bỏ được cái thú thả điều.

Bà Samuel nói đúng. Vì từ hôm đó trở đi, chiều thứ bảy nào, nếu trời quang đãng, Herbert cũng đi ra bãi. Cả ba người không ai nói gì với ai, Herbert đứng nhìn một lúc như những

người đi xem khác, rồi lững thững ra về. Nhưng sau mấy tuần liền đi diễn lại cái trò ấy, ông bà Samuel bèn dành cho Herbert một sự ngạc nhiên. Một hôm, cả hai mang ra bãi, không phải con diều to mà Herbert vẫn quen trông thấy, mà một con diều khác, mới tinh, loại diều hộp, hơi bé hơn con diều mà chính Herbert đã vẽ kiểu. Con diều lạ làm mọi người chú ý, họ chạy đến vây quanh và bà Samuel được một dịp nói bi bô, khoe khoang không ngớt. Lúc thả thử, ông Samuel chạy từ trên đầu dốc xuống, nhưng con diều không bay, cứ đâm bổ nhào xuống đất một cách thảm hại. Herbert nghiêng răng, nắm chặt hai tay, tức tối. Ông Samuel lại phải trèo lên gò đất và đến lần này thì con diều mới chịu cất lên. Những người xem đều vỗ tay. Được một lúc, ông Samuel cho diều hạ xuống và quay trở lại. Bà Samuel bước đến gần chỗ con trai :

— Herbert, thả thử nhé !

Anh ngạc nhiên đến xuýt nín thở, nhưng cũng đáp :

— Vâng, để con thả thử.

— Kê ra thì con diều cũng hãy còn bé, vì ban đầu cần phải cho quen tay. Thả nó không như thả những con diều khác. Ông ấy đã hỏi để thuê làm một con to hơn. Nếu quen tay và gặp gió đúng chiều thì có thể thả cao đến ba bốn nghìn thước.

Lúc ấy ông Samuel cũng vừa lên đến nơi.

— Này ông, Herbert nó muốn thả thử đấy.

Ông Samuel đưa ngay diều cho con trai, mỉm cười hề hả. Herbert nhờ mẹ cầm hộ nón cho mình, rồi chạy thật nhanh xuống triền dốc. Con diều bay lên một cách nhẹ nhàng. Anh nhìn theo, nghe lòng phơ phới. Trên cao, con diều chỉ còn là một chấm đen thật nhỏ vùng vẫy trong khoảng trời xanh. Vừa ngược nhìn, Herbert vừa miên man nghĩ đến con diều to hơn mà mẹ anh vừa nói. Ông bà Samuel làm gì mà diều khiến nổi. Những bốn nghìn thước ! Ôi chao là cao.

Bà Samuel bảo con trai :

— Herbert này, sao không đến nhà chơi nhỉ ? Uống trà và nhân tiện xem hình mẫu của con diều mà ông ấy định đặt làm. Biết đâu lại chẳng góp được mấy ý kiến hay.

Herbert do dự. Lúc ở nhà, anh đã bảo với Betty là anh chỉ đi chơi lang thang quanh một lát. Betty không ngờ là tuần nào anh

cũng ra bãi để xem thả diều. Anh không muốn để nàng phải đợi. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, sức cảm dỗ lại quá mạnh. Anh đáp :

— Ô, con cũng muốn đến lắm chứ !

Uống trà xong, ông bà Samuel mang các bình mẫu ra cho Herbert xem. Một con diều thật to với những bộ phận máy móc mà anh chưa hề trông thấy. Chắc cũng phải tốn đến khối tiền.

Anh nói :

— Con diều này thì cha mẹ làm thế nào mà thả một mình cho được chứ !

— Thì cũng cứ thử xem sao.

Herbert ngập ngừng :

— Hay là đến hôm ấy con đến giúp một tay ?

Bà Samuel gật đầu :

— Tính như thế xem ra cũng tiện đấy.

Lúc Herbert về đến nhà thì đã khuya, khuya quá. Betty không bằng lòng. Nàng hỏi :

— Anh đi những đâu mà trễ thế ? Tôi cứ tưởng anh chết ở cái xó nào rồi thôi. Các thức ăn đã sẵn từ lâu.

— Anh gặp mấy người bạn. Họ cứ giữ lại mãi.

Betty nhìn chồng, có vẻ dò xét, nhưng không nói gì thêm. Nàng đổi.

Ăn xong, Herbert rủ Betty đi xi-nê. Betty từ chối :

— Anh có muốn đi thì đi một mình. Tôi, tôi không thích.

Tuần lễ sau, Herbert đi ra bãi và bà Samuel lại giao con diều cho anh. Hai ông bà đã thuê làm con diều mới và người ta hẹn trong ba tuần nữa là xong. Một lúc sau, bỗng bà Samuel bảo anh :

— Vợ mày kia !

— Betty ?

— Ừ. Nó đang rình đấy.

Herbert giật mình, nhưng cứ làm ra vẻ bạo :

— Cứ cho nó rình. Có rình cũng chẳng cần.

Tuy nhiên, anh cũng đâm lo, nên không uống trà với cha mẹ như mọi khi. Anh về thẳng nhà. Betty đang đợi :

— Thì ra đó là những người bạn của anh. Thảo nào ! Ít lâu nay tôi vẫn ngờ, không biết tại sao cứ mỗi chiều thứ bảy là anh lại đi chơi. Nhưng tôi đã hiểu ra. Gần ấy tuổi mà còn chơi diều ! Anh không xấu hổ chắc ?

— Mình muốn nói gì thì cứ nói. Riêng tôi, tôi thích thế. Ai bảo sao, tôi cũng chẳng cần.

— Tôi xin nói thẳng với anh là tôi không chịu được. Tôi không muốn trông thấy anh làm trò trẻ con.

— Từ nhỏ tôi vẫn thả diều. Bây giờ, nếu tôi vẫn thích thì không ai có quyền ngăn tôi cả.

— Mẹ anh cố làm thế để anh bỏ tôi đấy có phải không? Tôi còn gì nữa! Giá anh mà như người ta thì bà ấy đâu đã đối xử với tôi như thế.

— Tôi cấm mình nói giọng ấy. Bà ấy là mẹ tôi, và tôi có quyền đến thăm bao nhiêu lần cũng được.

Thế là cãi nhau hàng giờ liền. Betty hét, Herbert cũng hét. Trước đây, vợ chồng cũng đã có lần hục hặc nhau vì những chuyện không đâu, vì cả hai cùng bướng. Nhưng lần này thì có vẻ gay go hơn. Suốt ngày chưa một ai nói với ai một lời nào, và từ đó cho đến cuối tuần, tuy không hiện rõ hẳn ra, nhưng mỗi bất hòa cứ tăng thêm mãi. Hai ngày thứ bảy kế tiếp, trời đổ cơn mưa. Trông thấy thế Betty mỉm cười, thích chí. Riêng Herbert, thì dù khó chịu hay không, anh cũng không để lộ gì trên nét mặt. Và rồi thì cuộc cãi nhau cũng dần dần dịu xuống. Sống trong hai gian phòng chật hẹp và ngủ chung giường, thành thử họ rất mau quên. Đối với chồng, Betty cố cư xử một cách nhu mì, ngoan ngoãn và nàng hy vọng là bây giờ đã hiểu ý nàng rồi, đã trông thấy tinh quả quyết của nàng rồi, may ra Herbert có tỏ ra biết điều tí nào chẳng. Vì kể ra Herbert cũng là một anh chồng tốt, trung thành với vợ và không bủn xỉn. Chỉ cần kiên nhẫn là nàng sẽ uốn nắn được chồng.

Nhưng mưa như thế độ mười lăm hôm thì trời lại tạnh ráo. Gặp con trai trên sân ga, nơi hai bố con vẫn đứng đợi chuyển tàu điện buổi sáng, ông Samuel nói:

— Ngày mai, chắc có nắng tốt đấy. Họ đã mang con diều lại rồi.

— Thế à?

— Nhưng mẹ mày bảo tao là nếu có mây đến giúp một tay thì cũng hay thật đấy, tuy nhiên, khi nghĩ lại, thì không ai có quyền làm cho vợ chồng mày phải giận nhau cả. Thành thử theo ý tao, ngày mai mày đừng đến là hay hơn cả, kéo rồi Betty nó làm lung tung lên thì lại chẳng ra gì. Ở ngoài bãi, mẹ mày và

tao vừa quen với một anh chàng chỉ ao ước được thả con diều ấy. Anh ta khoe là mình cũng tài giỏi không kém gì ai.

Câu nói làm lòng ghen tị của Herbert nổi lên.

— Không được. Cha không nên giao con diều cho ai khác cả. Cứ để đấy. Con sẽ đến.

— Herbert, nghĩ kỹ lại đi. Mày không đến được, mẹ mày và tao cũng hiểu, không trách đâu mà sợ.

— Không. Nhất định con sẽ đến.

Hôm sau, lúc ở sở về, Herbert cõng ngay bộ quần áo đi làm để mặc một cái quần vải thô và một cái vét-tông cũ. Bước vào phòng, trông thấy, Betty ngạc nhiên.

— Mình làm gì thế?

Herbert vui vẻ đáp:

— Anh thay quần áo.

Lòng anh náo nức đến nỗi anh không che giấu được sự vui mừng.

— Hai ông bà vừa nhận được con diều mới nên đưa cho anh thả thử.

— Lại diều! Không, anh không đi đâu cả. Em không thích thả diều.

— Sao em rắc rối thế? Anh phải đi. Em nên biết là nếu em không thích thì ít ra cũng cần để cho người khác thích.

— Em không cho anh đi. Nhất định.

Nói xong nàng đóng cửa lại và đứng chắn ngay lối ra vào. Hai mắt nàng long lanh, môi thì cau lại. Herbert nắm hai tay vợ, đẩy sang một bên, nhưng Betty không nhịn, đá một cái thật mạnh vào ống chân chồng.

— À... Có muốn một đấm vỡ mặt ra không?

— Anh mà đi thì đừng hòng quay về đây nữa.

Betty vừa giẫy vừa đá vung lên, nhưng Herbert đã bẻ xóc được nàng, ném lên giường rồi đi thẳng.

Ngoài bãi, nếu con diều lần trước đã làm cho mọi người phải xôn xao, thì với con diều lần này tất cả lại được một dịp xôn xao nhiều hơn nữa. Nhưng thả không dễ dàng gì. Có bao nhiêu người xúm lại giúp và chạy đã hết hơi, thế mà Herbert cũng vẫn không khiến cho diều bay lên được.

Anh nói:

—Ồ, không sao, Sớm muộn gì chúng ta cũng thả được. Chỉ tại hôm nay không gặp ngọn gió đẩy thôi.

Sau đó anh đi theo ông bà Samuel về nhà uống trà và bàn về chuyện thả diều như dạo anh chưa lấy vợ. Anh không có vẻ gì là vội vàng, vì anh biết chắc mười mười là thế nào Betty cũng sẽ gây sự khi trông thấy anh về. Mãi đến lúc bà Samuel đi xuống bếp sửa soạn bữa ăn tối, anh mới đứng lên. Betty đang đọc báo. Nàng ngừng nhìn chồng.

— Va-li của anh đã sẵn sàng.

— Cái gì?

— Anh đã nghe rõ rồi đấy thôi. Lúc nãy tôi đã bảo anh là nếu anh đi thì anh đừng nên bao giờ về nữa. Bây giờ anh chỉ cần lấy thêm quần áo là xong. Mọi thứ đã sẵn cả rồi. Anh cứ vào phòng ngủ mà lấy va-li.

Trong một lúc lâu anh nhìn Betty, kinh ngạc. Nàng giả vờ tiếp tục đọc báo. Trông thấy thế, anh những muốn giã cho một trận.

— Được rồi. Nếu muốn thế cũng xong.

Anh đi vào phòng ngủ. Quần áo của chồng, Betty đã chất sẵn trong một chiếc va-li, những đồ đạc linh tinh khác thì được nàng cho vào một tờ giấy màu nâu, gói lại thành một gói. Herbert, một tay xách va-li, một tay ôm cái gói, lẳng lặng bước qua gian phòng, chỗ Betty đang ngồi đọc báo. Anh đi thẳng về nhà mẹ, bấm chuông. Bà Samuel ra mở cửa.

— Kể từ hôm nay con lại về ở với mẹ.

— Thật ư, Herbert? Gian phòng vẫn sẵn đấy. Con để các món ở đây, rồi đi vào. Mẹ cũng vừa dọn các thức ăn xong.

Herbert bước vào phòng ăn.

— Này ông, Herbert nó về đấy. Ông đi mua hộ lít bia.

Trong lúc ăn và suốt buổi tối hôm ấy, anh thuật lại những việc rắc rối đã xảy ra giữa Betty và anh. Nghe xong, bà Samuel nói:

— Thế là thoát đấy, Herbert ạ! Mẹ vẫn bảo là con bé ấy nó không hợp với con đâu. Một đẳng thì đứng đắn, con nhà nề nếp, một đẳng thì mất dạy, tầm thường.

Herbert sung sướng khi được ngủ lại trên chiếc giường mà anh vẫn nằm ngủ khi còn bé. Sáng chúa nhật, anh đi xuống nhà

ăn sáng và đọc tờ News of the World mà không cần phải cạo râu, rửa mặt và cho thể là thú vô cùng.

Bà Samuel nói :

— Hôm nay cả nhà không đi lễ. Đầu óc con chắc còn rối lên vì cái vụ hôm qua. Nhưng bây giờ thì đầu sẽ lại vào đấy, không lo nữa.

Suốt một tuần ông bà Samuel và Herbert nói rất nhiều về chuyện thả diều và về chuyện Betty, bàn nhau để xem Betty sẽ làm gì.

Ông Samuel nói :

— Nó sẽ tìm cách bắt mày phải về với nó thôi.

Herbert cười gằn :

— Đầu dễ thế !

— Và mày còn phải chu cấp cho nó hàng tháng nữa kia.

Bà Samuel sùng sộ :

— Tại sao lại phải chu cấp ? Nó đã lừa để bắt thằng bé phải lấy nó làm vợ và bây giờ nó lại đuổi thằng bé đi. Ông nghĩ xem...

— Con bằng lòng chu cấp, miễn là nó chịu để cho con yên.

Từ đó, càng ngày Herbert càng cho rằng việc anh quay về với cha mẹ là đắc sách. Anh tưởng chừng như mình chưa hề rời khỏi nhà cha mẹ lấy một ngày và cảm thấy ấm áp như con chó đang khoanh mình trong cái ổ rơm. Bà Samuel săn sóc anh từng tí, chải quần áo, khâu các vớ rách cho anh, nấu cho anh những món mà bà biết là anh vẫn thích. Betty thì phải nói là nàng có những cách nấu nướng lạ đời, ban đầu Herbert thấy hay hay, giống những dạo anh đi pic-nic, nhưng rồi thì người đàn ông nào cũng thích ăn ngon, và Herbert thì lúc nào cũng vẫn nhìn nhận là bà Samuel có lý khi bà bảo thức ăn tươi bao giờ cũng tốt hơn thức ăn đóng hộp. Riêng cái việc nhìn thấy một hộp cá đã đủ làm Herbert buồn nôn. Sau rồi, anh thích sống trong một ngôi nhà rộng, thay vì bó mình trong hai gian phòng chật hẹp mà một gian đã bị dùng làm nhà bếp.

Một hôm, anh nói với mẹ :

— Mẹ ạ, nghĩ đến cái lúc con bỏ nhà đi sống nơi khác con mới nhận thấy thật không còn cái đại nào bằng.

— Hửn thế. Nhưng bây giờ thì mày đã về đây, mẹ mong là mày sẽ ở lại đây mãi mãi.

Hàng tuần Herbert vẫn lĩnh lương vào ngày thứ sáu. Buổi tối, lúc vừa ăn xong thì nghe có tiếng chuông reo.

Cả ba cùng buột miệng :

— Betty !

Mặt Herbert tái nhợt. Bà Samuel liếc nhìn con trai rồi nói :

— Cứ ngồi yên. Mẹ ra xem nó muốn gì.

Bà đi ra, trông thấy Betty đứng trên ngưỡng cửa. Nàng định vào nhà, nhưng bà Samuel ngăn lại.

— Con muốn gặp Herbert.

— Không được. Nó đi vắng.

— Anh ấy đang ở trong nhà. Con biết. Con đã trông thấy anh ấy đi vào.

— Phải. Nhưng nó không thích gặp cô. Nếu cô làm ồn thì tôi gọi ngay cảnh sát.

— Con đến để báo anh ấy đưa tiền.

— Cô thì cô chỉ biết có thế thôi.

Bà mở ví.

— Đây, ba mươi lăm si-linh. Cô cầm lấy.

— Có thể thôi ư ? Riêng món tiền nhà cũng đã mất đến mười hai si-linh rồi.

— Chỉ có thế. Ở đây nó còn phải trả tiền ăn cho tôi chứ.

— Thế còn khoản tiền bản ghế ?

— Chuyện ấy ta sẽ tính sau. Bây giờ, số tiền này, cô định nhận hay không thì cứ bảo.

Betty không còn biết phải làm gì nữa. Nàng ngập ngừng, cảm thấy nhục nhã, ê chề. Bà Samuel ấn món tiền vào tay nàng, đóng sập cửa lại rồi đi vào nhà bếp.

— Thế là xong.

Ngoài cửa chuông lại reo, reo mãi, nhưng ông bà Samuel và Herbert nhất định không ra. Sau một lúc im lặng, cả ba biết là Betty đã bỏ ra về.

Ngày hôm sau, trời nắng ráo, gió thổi mạnh. Sau hai ba chuyến thử không kết quả, cuối cùng Herbert đã nghĩ ra được cách để thả con diều mới. Nó bay mỗi lúc một cao, và Herbert cứ phải tháo thêm dây mãi.

Anh nói với bà Samuel, giọng xúc động :

— Để thường nó lên đến hai nghìn thước cũng nên.

Trong đời anh chưa bao giờ anh được sống những phút say sưa như thế.

Mấy tuần lễ trôi qua. Ông bà Samuel và Herbert họp nhau để viết một bức thư trong đó Herbert nói rõ là nếu Betty bằng lòng không gây rắc rối cho anh và cho cha mẹ anh, thì mỗi buổi sáng thứ bảy nàng sẽ nhận được một bưu phiếu ba mươi lăm silling, đồng thời Herbert cũng sẽ trả đúng hạn các món tiền mua bàn ghế còn thiếu lại. Điều khoản sau cùng đã bị bà Samuel phản đối, nhưng ông Samuel, lần đầu tiên đã dám không đồng ý với bà, cho rằng Herbert không thể nào làm khác hơn được. Trong thời gian ấy, Herbert, đã rất thành thạo với con điều mới, cũng đã thực hiện được những thành tích vô địch. Anh không còn thách người khác cùng anh thả điều thì nữa, vì bây giờ anh đã thuộc vào hạng khác biệt, vượt hẳn các hạng thả điều thường. Những buổi chiều thứ bảy đối với anh là những buổi chiều chiến thắng. Anh sung sướng nhận thấy mình được mọi người tán phục. Những tay chơi điều không được may mắn như anh thì lại tỏ ý thêm thường. Một buổi tối, đang cùng ông Samuel đi từ ga tàu điện về nhà, anh bỗng trông thấy Betty bước lại. Nàng đã đợi từ lâu.

— Hê-lô Herb.

— Hê-lô.

— Con xin nói chuyện riêng với chồng con một lát.

Herbert trả lời, cau có :

— Dù là chuyện gì chẳng nữa thì cha tôi cũng có quyền nghe.

Betty do dự. Ông Samuel thì lúng túng, không biết nên đứng lại hay nên đi thẳng.

— Thôi cũng được. Herb, em chỉ muốn anh trở về nhà. Hôm nọ, lúc em bảo anh đi, thật thật trong lòng em không bao giờ muốn thế. Em chỉ định dọa anh thôi. Qua cái lúc ấy, em lại hối tiếc những việc đã làm Giận nhau vì một con điều, nghĩ thật vô lý.

— Tôi không trở về nhà. Cô đã nghe rõ chưa ? Lúc cô đuổi tôi ra khỏi cửa, vô tình cô đã giúp tôi nhiều việc.

Hai má Betty bắt đầu đầm đìa nước mắt.

— Nhưng anh Herb, em yêu anh. Nếu anh thích thả điều, thì từ rày trở đi em sẽ để mặc cho anh thả. Em không cần gì nữa, miễn là anh trở về nhà.

— Cảm ơn cô, nhưng như thế cũng không đủ. Tôi chỉ thích

được sống như thế này và chán cái cảnh vợ con lăm lăm. Cha ạ, ta đi thôi !

Nói xong, Herbert đưa ông Samuel đi thật nhanh. Đến chúa nhật, cả nhà cùng đi lễ ở nhà thờ và lúc ăn sáng xong rồi, Herbert bước ra chỗ gian nhà xép để nhìn qua con điều mới. Một phút sau đã thấy anh quay trở lại, mặt tái mét, trong tay cầm một chiếc rìu con.

— Nó đã chặt nát con điều !

Ông bà Samuel kêu lên một tiếng rụng rời và cùng chạy ra chỗ gian nhà xép. Cảnh tượng quả đúng như lời Herbert vừa nói. Con điều mới, con điều vô địch chỉ còn là một đồng gỗ vụn. Khung điều đã bị chặt đứt tan tành, cái ống quấn dây cũng vỡ.

— Có lẽ nó đã lén vào đây lúc ta còn ở nhà thờ. Nhất định là nó đã rình từ trước.

Ông Samuel hỏi :

— Nhưng nó làm thế nào để lén vào ?

— Con có hai chiếc chìa khóa. Lúc về đây con nhận thấy đã mất một, nhưng con lại không cho việc ấy là quan trọng.

— Có chắc chắn là nó hay không đã ? Vì ở ngoài bãi cũng có khối người đã nhìn ta với cái vẻ không ưa. Chính họ là thủ phạm cũng nên.

Herbert nói :

— Muốn biết cũng chẳng khó khăn gì. Cứ đi tìm Betty để hỏi, nếu chính là nó, con nhất định sẽ giết chết.

Vẻ giận dữ của Herbert làm đến bà Samuel cũng hoảng.

— Giết nó để rồi lại bị treo cổ đấy à ? Không, tao không cho mày đi đâu cả. Để ông ấy đi thay. Đợi lúc ông ấy về đến nơi, ta sẽ liệu.

— Phải đấy, Herbert ạ. Cứ để cha đi.

Herbert khẳng khẳng không nghe, nhưng cuối cùng người được cử đi vẫn là ông Samuel. Độ nửa giờ, ông về đến.

— Đúng nó rồi. Nó đã bảo thẳng với tao như thế. Tao không nhắc lại câu nói của nó làm gì, vì ngay đến tao tao cũng không ngờ, nhưng nói tóm là nó ghen với con điều. Nó bảo là thằng Herbert yêu con điều hơn nó. Nó phá hỏng con điều vì cơ ấy và còn bảo là nếu cần ra tay lần nữa thì nó sẽ ra tay.

— May là nó không nói câu ấy với tôi. Vì nó mà nói thì nhất định là tôi giết chết, dù sau đó có bị treo cổ cũng chẳng cần. Được rồi. Từ rày nó đừng hòng nhận của tôi một xu nào nữa.

— Nếu thế nó lại đi kiện.

— Cứ cho nó kiện.

Bà Samuel nói, giọng thản nhiên như không :

— À, mà Herbert này, tuần sau lại đến hạn phải trả món tiền mua bàn ghế. Giá mẹ là mày thì mẹ không trả.

Ông Samuel nói :

— Không trả thì chúng nó sẽ lấy lại tất, và ta lại thiệt mất số tiền trót đóng từ trước đến giờ.

— Thì đã sao chưa ? Nó thì nó cần gì những cái ấy. Điều cần nhất là nó đã thoát được với con kia và đã trở về nhà như cũ.

Herbert nói :

— Tiền thì dù có thiệt bao nhiêu tôi cũng không cần. Cứ tưởng tượng vẻ mặt của nó lúc bị lấy lại các bàn ghế là đủ thích. Nó hãnh diện lắm kia. Còn cả cây dương cầm nữa !

Đến hôm thứ sáu tuần sau, Herbert không đưa tiền cho vợ. Lúc Betty gửi cho anh bức thư của hiệu bàn ghế báo trước là họ sẽ đến lấy lại các thứ, nếu số tiền còn thiếu không được trả đúng ngày, thì anh trả lời là hiện nay anh không thể tiếp tục trả tiền được nữa và họ cứ đến lấy lại các bàn ghế bất cứ lúc nào. Kể từ đấy Betty có lệ đứng đợi Herbert ở nhà ga, và mỗi khi anh bỏ đi, không thêm nói chuyện với nàng thì nàng chạy theo, chửi bới. Cứ chập tối là nàng đến trước nhà ông bà Samuel, rồi bấm chuông, làm mọi người đến phát điên lên được. Ông bà Samuel phải hết sức khó nhọc mới ngăn được Herbert, vì anh nhất định đi ra để khênh cho Betty một trệu. Một hôm Betty ném đá làm vỡ cửa sổ phòng khách. Nàng gửi đến sở cho Herbert những bưu thiếp biên đầy những câu thóa mạ. Cuối cùng nàng đi kiện và khai là đã bị chồng bỏ rơi, không chịu chu cấp cho nàng. Tòa gọi Herbert. Tại đây cả hai trình bày mọi việc. Quan tòa cho là chuyện buồn cười, nhưng không nói gì, chỉ cố hòa giải. Herbert vẫn khẳng khái, không chịu trở về Tòa bắt anh mỗi tuần phải đưa cho Betty hai mươi lăm si-linh. Anh trả lời là anh nhất định không đưa gì cả.

— Nếu thế anh sẽ bị phạt tù. Xong rồi. Xử qua vụ khác.

Herbert không nói đùa, anh không đưa gì thật. Betty lại kiện và anh lại bị gọi để trả lời tại sao không vâng lệnh quan tòa.

— Tôi đã bảo là tôi không đưa gì cả và tôi nhất định không

đưa vì nó đã làm hỏng con diều của tôi. Nếu tòa bỏ tù thì tôi đi tù, chỉ có thế !

Lần này quan tòa nghiêm sắc mặt. Ông bảo :

— Anh đừng bướng nữa đi. Tôi ra hạn cho anh một tuần. Nếu anh cứ tiếp tục không nghe, tôi sẽ bỏ tù anh, và anh sẽ ngồi tù cho đến lúc nào anh hết bướng.

Nhưng Herbert vẫn bướng. Chính vì thế mà Ned Preston mới có dịp quen anh và kể chuyện lại cho tôi nghe.

Kể xong, anh hỏi tôi :

— Anh thấy câu chuyện thế nào ? Betty, anh đã biết đấy, tính tình cũng tốt. Tôi đã được gặp mấy lần, ngoài cái tật cá ghen với con diều ra, không ai có thể trách gì ở cô ta nữa cả. Riêng anh chàng Herbert thì rất thông minh. Có thể nói là thông minh trên mức trung bình. Tôi không hiểu tại sao anh chàng lại ham mê chơi diều một cách kỳ quái đến như thế được.

Tôi đáp :

— Tôi cũng không hiểu như anh.

Ngừng một lát để nghĩ ngợi, tôi nói tiếp :

— Anh cũng biết đấy. Chính tôi, tôi chưa bao giờ thả diều một lần nào cả, nên về diều, tôi hoàn toàn chẳng biết gì. Nhưng biết đâu Herbert đã chẳng có cảm tưởng mình là một siêu nhân khi anh ta nhìn thấy, ở trên các lớp mây, con diều của anh ta đang vùng vẫy. Có lẽ anh ta đã có ảo giác chế ngự các yếu tố thiên nhiên khi sử dụng được các luồng gió theo ý muốn. Do một sự lạ lùng nào đó của óc tưởng tượng mà ta không biết được, anh ta đã nhập thể vào con diều đang bay lượn trên cao để vượt lên trên những cái phiền loái của cuộc sống hàng ngày. Có lẽ anh ta đã mơ hồ nhìn thấy ở đó lý tưởng của một cuộc đời phiêu lưu, khoáng đạt. Và khi người ta đã bị con vi trùng lý tưởng nó nhiễm sâu vào tim vào óc rồi, thì ngay đến những ông thầy thuốc danh tiếng nhất, tài ba nhất cũng đành phải bó tay. Nhưng tất cả những gì tôi nói với anh đây cũng chỉ là điều phỏng đoán và tôi e là không giá trị. Tốt hơn, anh nên mang câu chuyện đi hỏi một người nào khác, thành thạo hơn tôi về tâm lý của cái con vật lạ lùng mà ta vẫn quen gọi là con người.

W. Somerset Maugham

THƯỢNG THUẬT

Khiêng Mùa Thu Xuống Núi

*ta buồn bã khiêng mùa thu xuống núi
mưa phùn bay nhẹ nhẹ ở ngoài trời
ta cóng lạnh nhìn em cười nụ nhỏ
đẹp vô cùng nhưng gần gũi tan, vơi.*

*mắt mười sáu tuổi em trắng mười sáu
trên lưng còn hồn nặng lá thu xưa
ta bất hạnh như đoàn người tự nạn
một đêm khuya ngồi hốc đá mong chờ...*

*chầm chậm bước hai chân buồn trên đất
như que cây chực gãy dưới kia đời
sỏi đá đỏ như hạt cơm giọt mật
nuốt no đầy nguồn tưởng tượng rong chơi*

*dù buồn bã khiêng mùa thu xuống núi
không mong gì gặp lại em xưa
cũng gương thờ yếu mẽ lời tự thú
kể qua đời, khi chợt thấy già nua*

ta cứ đi khiêng mùa thu xuống núi
 dù mai sau (nhưng biết có bao giờ)
 gặp lại em một-loài-chim-bé-nhỏ
 ôm trong lòng nghe hát khúc thiên thu.

Thượng Thuật

Những ai đã
 SỐNG Ở HÀ NỘI
 BỎ HÀ NỘI
 CHƯA ĐẾN HÀ NỘI
 Đều nên tìm đọc

ÁO MƠ PHAI

tiểu thuyết của
 NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Để đắm mình vào thời tiết bốn mùa
 của Hà Nội



NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

PHẠM NGỌC LƯU

Tình Hoài

Căn phòng mới sơn quét lại hăng nồng mùi vôi chưa ráo nước. Mọi đồ đạc đều được lau chùi sắp xếp bày biện theo những vị trí mới, ngăn nắp gọn gàng trông đẹp mắt hơn. Tất cả biểu lộ sự khéo tay và tinh mắt của Tổ Nương.

Tổ Nương đứng giữa phòng ngắm nghía những đồ vật đã ở yên đâu vào đó ổn thỏa, tự hài lòng cười mỉm, đoạn, chị kêu tôi vào chỉ tay quanh một vòng hất cằm hỏi ý kiến mà thật tình cốt để khoe :

— Được chưa ? Xem mát mẻ chưa ?

Đương nhiên tôi phải xuýt xoa khen chị có khiếu về trang trí thâm mỹ, có hai bàn tay nghệ thuật và đôi mắt hết sức thông minh. Ý tưởng tôi rất chân thật, ngật nổi lời nói diễn tả vụng về lúng túng thành thử Tổ Nương bữu môi chống chế một cách chẳng mấy « mát mẻ ». Vậy nhưng, ánh mắt chị vẫn dịu dàng nhìn tôi như thăm hỏi : « (Ấy không nhạo mình đó chứ ?) »

Không không không, tôi không hề biết thế nào là chua ngoa châm biếm đâu. Để bày tỏ tình thật thà cố hữu, tôi mượn giọng cảm động nói líu riu :

— Chị lo cho đầy quá, khác nào...

Tôi muốn nói : khác nào một người mẹ, nhưng tự dưng lưỡi rút lại, miệng ngậm câm. Vâng, đúng là một người mẹ, tôi vừa sức nhớ tới hình bóng mẹ, vừa nhận ra mỗi cảm xúc lướt ngang và một cái gì có vướng vào mắt mình cay cay. Tôi quay mặt đi, khụt khịt hai lỗ mũi, nói lảng :

— Mùi vôi nồng quá, muốn chảy nước mắt !

Tổ Nương mở miệng cười khi, chẳng lẽ cười cặp mắt tôi đang ủ ù òi khóc đầy ư ? Có điều nụ cười duyên dáng quá không chọc giận ai được. Tôi cảm thấy mình còn trẻ con hết sức nên đành gượng cười mếu máo, nói lấy :

— Chị lo cho *đầy* quá, sợ rồi *đầy* phụ lòng chăm sóc ân cần của chị thôi. *Đầy* có cái tính đang tri đang đánh đòn, bạ đâu vút đó quên tay rồi.

— Xin can ông, từ nay bớt câu thả bữa bãi đi. Gớm, chỗ ở sao mà giấy má rác rến chở cả xe bò không hết. Sách vở đầy xuống đất, giày dép thượng lên bàn, lập dị hết đường chê.

Tổ Nương nhún vai rùn cổ le luỗi lắc đầu. Tôi phì cười :

— Sống ngăn nắp chỉnh đốn quá, *đầy* sợ hóa thành anh cụ non mắt.

— Gớm, bộ tưởng còn trẻ măng đó há ?

— Sao chị ? Chị thấy sao ?

— Tôi soi gương mà xem.

A, thì ra mấy sợi râu non mọc lơ thơ trên mép mà gần nửa tháng nay tôi không hề chú ý... Những sợi râu ngậy thơ ngộ nghĩnh mọc chưa thành hàng lối lộp lang nom chẳng ra ông càng không ra thằng, giống tên hề vụng kẻ mặt. Tôi chống chế :

☞ Sắm sửa chút râu ria ngó cũng bớt tẻ. Nam vô tư như nữ vô... phu.

— Thôi đi, nói chữ thánh hiền nghe như cụ già.

— Chị cứ đem bóng ma tuổi già ra dọa *đầy* hoài, mất vui.

Tổ Nương cười lên khanh khách. Thế đó, chị cười hoài, cười tươi cười tỉnh suốt từ thời bát tiết. Có lần tôi phân vân nghĩ quẩn : hay là chị sinh ra nhằm giờ hỷ thần giáng tọa ? và biết đâu lúc mới lọt lòng mẹ, chị không tỉnh nghịch cất lên tiếng cười khác thường ? Cười lúm má đồng tiền, cười duyên mồm mím, cười chúm chím, thẹn thứa, trăm sắc ngàn vẻ, nhìn Tổ Nương cười, bụng tôi đói cũng no, buồn bực cách gì cũng quên phứt. Đúng như người ta nói, tiếng cười là phương thuốc thần trị bệnh yếm thế. Và Tổ Nương, nhờ tiếng cười « thiên phú bẩm sinh » ấy mà cứ trẻ mãi ra, tươi xinh mơn mớn tựa một cô bé mười sáu mười bảy, ai biết chị năm nay lớn hơn tôi hai tuổi ?

Đang cười giòn như pháo nổ, chị bỗng nghiêm nét mặt nói :

— Ấy hứa với mình từ nay ăn ở sạch sẽ đàng hoàng đi.

Tôi đưa cao một bàn tay, loang trọng :

— Từ nay tôi ăn ở sạch sẽ đàng hoàng, xin thề !

— Trật tự ngăn nắp là châm ngôn duy nhất của đời tôi.

— Xin thề !

— Tôi yêu thương và kính trọng các vật dụng trong phòng như yêu kính đời tôi.

— Xin thề, xin thề !

Chúng tôi cười lên ha hả, cười lớn quá khiến hai giọt nước mắt (bị ngăn cản nãy giờ) trào ra lăn xuống má, ngập ngừng chưa dám rót thẳng vào cái miệng tôi đang mở rộng há hốc, bắn ra những tiếng sặc sặc khả ố.

— Không có giỡn đâu. Ấy liệu hồn, từ nay mình sẽ kiểm soát lời thề của ấy từng ngày.

— Đành rồi, chị là bà giám hộ mà.

Việc kiểm soát của Tổ Nương là sáng sủa (sau khi tôi đã đến trường) mang cái chổi qua phòng tôi quét đi quét lại nhiều lượt không tha thứ một hạt bụi nào bám vào nền xi-măng sạch bóng. Xong, chị xếp ngay ngắn cái tách cây bút lập báo đôi dép... vào chỗ cũ đã ấn định. Không sai một ly, không lệch một phân, đầu vào đấy ổn cố. Áo quần chần màn sách vở giấy mực... bị chấm dứt ngay đời sống tự do hỗn độn và chịu khép mình vào thứ kỷ luật nghiêm minh, rậm rạp tuân theo những câu khẩu hiệu đề cao vệ sinh, chữ nhân tự tay viết và dán trên tường. Chẳng hạn : « sạch sẽ là mẹ sức khỏe » hay ngớ ngẩn như : « nhà sạch thì mát, không được xả rác, kiểm soát từng ngày ». Ở mỗi góc phòng được trang bị thêm một cái giỏ rác để... chung diện thì đúng hơn vì lúc nào cũng sạch bách chẳng dính mảnh giấy vụn. Mỗi lần trở về phòng, tự dưng tôi ngỡ như bước lầm vào phòng người lạ. Lạ thật, tôi vẫn chưa làm quen được với khung cảnh mới, sự ngăn nắp quá mức vô tình đã giết chết đời sống của các vật dụng, rõ ràng chúng đang gắng gượng chịu đựng cảnh gò bó câu thúc dưới bàn tay khéo léo của Tổ Nương. Tôi thì mang cảm giác ớn lạnh đang đứng trước những đồ vật bày ra để thờ phụng cung kính chứ không phải để mình sử dụng tùy thích. Hoặc là cái cảm giác xa lạ cách biệt của kẻ đang xem cuộc triển lãm về cách chung diện trang hoàng phòng ốc với nhãn giới bàng quan : nhìn bằng mắt chứ bắt bằng tay ! Khổ thật, tôi không dám kéo ghế mạnh hay ngồi gác chân lên bàn như trước đây, muốn nằm xuống giường mà ngại voi tấm drap quá trắng, căng thẳng tung ; thay áo quần ra

không biết treo vào chỗ nào cho đúng cách. Bốn phía, hình như đều có cặp mắt Tổ Nương mở trừng trừng theo dõi kèm với nụ cười trên cợt. Ánh mắt khát khe của một ông quan tòa khó tính, trái lại nụ cười cười mở tựa một vị luật sư biện hộ giỏi.

Tôi thương mến chị, không nỡ sống trái ý, nhưng sao tôi khổ tâm như thế đang chịu đựng một hình phạt chua chát (do sự săn sóc quá mức) mà chị vô tình gây ra. Chắc hẳn là cái sạch sẽ của tôi (cho dù ít ỏi) đang bị tổn thương nặng. Tổ Nương đâu có ngờ rằng chính chị gieo cho tôi một ấn tượng « mất vệ sinh » về mình. Chị không hề hờ một tí xíu công việc nào cho tôi có cơ hội chứng tỏ tinh thần phục thiện, tự tay chị êm đềm nhặt từng hạt bụi, lược từng cọng rác mà không hề kêu ca than thở, chao ơi, lòng bao dung chiều chuộng ấy khác nào lòng mẹ thương con, tình chị thương em, vợ yêu chồng !

Hay chỉ là lòng thương hại được nguy trang một cách khéo léo tế nhị ? Nhiều khi, tôi phân vân tự hỏi, một đứa con trai như tôi có cần sự thương hại ? nếu thoát ra khỏi cảnh sống được uốn nắn dịu dặt từng chút này (thật êm ái mà cũng thật tủi hổ), liệu tôi sẽ thế nào ? Có phục hồi được bản ngã mình đang dần dần tê liệt bại hoại ? Có thể trưởng thành vững vàng trong đơn độc ? Giữa nắng gió, khí trời và cát bụi ? Giữa cuộc đời đua chen giành giật đủ trò xảo quyết mưu mô ? Vây cánh dài rộng đủ che bóng đời mình chưa, hay cứ phải nương thân vào bóng lớn của kẻ khác ? Những câu hỏi đặt ra trong đầu tôi, câu trước để tiếp câu sau ngồn ngộn lòng thông ngoài sức tôi giải quyết. Những cái dấu hỏi thật to, thật chắc nịch quấn bện lấy nhau thành một sợi lòi tôi xoắn ngang trí óc rồi rơi đau nhức. Cuộc sống tôi đó, không một chút hồn nhiên thoải mái, chẳng tìm thấy mẫu chốt mở ra cõi an vui thơ thới bên những ruộng chiều mẫu mực của Tổ Nương, bên lòng mẹ bao la của dì Thuận (mà chị) và sự mến mộ của các bé Tổ Nữ, Tổ Nga, Tổ Ngọc ? Vậy sao tôi tự cho mình lạc lõng giữa vòng tay ánh mắt triu mến ấy ? Sao dễ mặc cho cái mầm phân ly như chồi trổ mộng khi vị trí và mối liên hệ giữa mình với mọi người xung quanh mãi mãi thân thiết đắm thắm dường này ? Này bạn, bạn có nhìn thấy chỗ ngồi tôi thấp thỏm, chỗ đứng chông chênh, chỗ nằm tạm bợ ? Liên hệ thương yêu thấy thì y như cắt ruột thân thích nhưng biết đâu chẳng là nghĩa cử bồn phận mà thôi ? Lớn rồi, mang ơn chịu nghĩa chừng đó

đủ rồi, đây là lúc tôi cần phải giương cánh bay ra trời rộng sông dài, từ giã chiếc lồng son êm đềm chứ bạn ? Đi, ra đi, tôi ấp ủ trong đầu bao mơ tưởng, hẹn hò với lòng mình nhiều ham thích, về một ngày đi xa, mặc tình sông biển thả theo bản chất lãng mạn, dòng máu giang hồ ; nhưng không thể giang hồ quá trớn như ba tôi.

Ba tôi : « người trói thân vào lụy nước mây » (?) theo lời ví von của dì Thuận. Ba tôi : kẻ lang bạt kỳ hồ đang săn đuổi cơn mộng đời ông từ khi mẹ tôi qua đời vội vã (?), cũng qua lời dì Thuận. Dì biết rõ từng dấu vết hành tung của ông nhưng ít khi tiết lộ cho tôi hay dù có tra hỏi căn vặn tới mấy. Trước sau, ba vẫn là một hình tượng bí mật trong tâm khảm tôi, hay nói là một kẻ lạ cũng không sai lắm. Tuổi nhỏ tôi chỉ biết có mẹ, bao dung diễm vợi, mẹ hiền hòa ngọt bùi quá đỗi, mẹ nâng niu vỗ về tôi ngày đêm. Trong khi đó ba vẫn dong ruổi đâu đây, năm châu tháng mười bốn hoa hoán ghé về nhà giấy lát rồi quảy quả ra đi, mù tằm biệt dạng Mẹ sống thui thủi cam phận, không hề than thở oán trách. Mẹ thương tôi mà khuấy khuấy nhớ mong. Mẹ dụi mắt vào tóc tôi để cảm dòng lệ nghẹn. Phương chi, mẹ còn sống đến nay, đời tôi hẳn không bị treo lủng lẳng giữa cảnh « hạnh phúc giả tạo » hiện tại.

Đành rồi, cái tai nạn lớn nhất của đời người đó là ngày mất mẹ, đúng như thầy Nhất Hạnh viết đầu tập Bông Hồng Cài Áo. Lần nào đọc tập sách mỏng đó hay bài thơ « Nhớ mẹ » của Lưu Trọng Lư, mắt tôi đều rung rung ngấn lệ dễ dàng. Tôi tưởng đến hình bóng mẹ chìm khuất trong khói sương cát bụi hư vô đời đời không thể nào tìm thấy lại mà oán trách ba tôi đang phiêu linh thỉnh độ đâu đó trên dặm trường xa hút. Có bao giờ ba thương vợ nhớ con ? Giả như ông nghĩ đến bốn phận gia đình mà ném gói hành trang đi, dừng gót giang hồ lại thì chưa chắc mẹ đã chết yểu trong lạnh lẽo cõi cút. Với tôi, có cha cũng chẳng khác nào mồ côi cha, đời này, tình phụ tử vốn đậm bạc, trong cảnh huống tôi, nó càng mơ hồ mong manh gần như không.

Nhớ mẹ, tôi thẩn thờ bước ra vườn đến bên cụm hoa hồng trắng, những nụ hoa buồn tẻ lạc loài giữa các khóm hải đường, thược dược, cúc đại đóa rực rỡ khoe tia phở hồng, trên cột gió đưa bướm lượn. Một lần, Tổ Nương rón rén bước ra đứng sau lưng tôi, định « hù » lên một tiếng thật lớn đủ cho tôi giật mình

và ba hồn bảy vía nổi âu sầu vì giận lây hoảng hốt bay đi (trò chơi nghịch ngợm quen thuộc của chị), nhưng thoát nhìn thấy cánh hoa hồng trắng tôi đang ngậm trên miệng, chị bối rối nói lảng :

— Ấy đi học kéo trễ giờ !

Chết nữa, giọng chị sao nghe hết giọng mẹ ? mẹ đã từng vuốt tóc rẽ, bẻ lại cổ áo, cài quai sáng-đan cho tôi mỗi buổi và âu yếm bảo : *con đi học kéo trễ giờ !* Nhưng năm năm qua, còn đâu bàn tay mềm mại, giọng nói ấm áp của mẹ ? Mái tóc tôi dài ra, chải lệch về một phía khác tội nghiệp ; chiếc áo sơ-mi xa xưa mất nút sút chỉ ; đôi sáng-đan để mòn quai đứt ấy đã vùi theo cái đáy thời gian im lìm chìm khuất mất tăm.

— Tại sao lại chọn hoa hồng trắng làm biểu tượng cho sự bất hạnh đời không còn mẹ hả chị ?

— Không biết nữa. Để rồi biên thư hỏi thầy Nhất Hạnh hoặc ông Võ Hồng.

— Hay là màu trắng tượng trưng cho màu tang chế buồn bã ?

— Ừ, có lẽ vậy.

Từ đó, cụm hoa hồng trắng là người-bạn-mang-tâm-sự-minh mỗi lúc tôi tủi thân. Tôi chăm nom tưới nước tĩa lá bắt sâu cho nó, cứ mừng tượng bóng dáng mẹ phảng phất trên từng bông hoa để mình có cảm tưởng đang gần gũi đền bồi thờ phượng... Cũng từ đó, chị Tổ Nương cấm các bé Tổ Tâm, Tổ Nữ không được cắt cỏ hái hoa hồng trắng bày trò mua bán với nhau. Phút chốc, cụm hoa bỗng trở nên linh thiêng cao quý. Đôi ba hôm, tôi hái một nụ hàm tiếu vào cắm trong chiếc cốc nhỏ để trên bàn và dõi chừng những cánh hoa hé nở e ấp như cười mỉm. Giữa căn phòng mà mọi đồ đạc đều chết ngất trong trật tự thứ lớp, đóa hoa là linh hồn sự sống, là hơi thở tươi mát thơm tho. Vâng, tôi đã khéo tưởng tượng để ru quên nỗi buồn tủi miên man. Tâm hồn tôi quá ủy mị, lẽ ra trời sinh làm con gái mới đúng. Ngược lại, Tổ Nương có nhiều nam tính hơn, như đã nói ở trên, chị vui vẻ hờn nhiên cười đùa suốt ngày... Ví chị với chim sơn ca, họa mi cũng đúng lắm. Di Thuận khuyến khích chị chơi thân với tôi, cốt truyền cho thằng con trai mới lớn mà sớm trầm ngâm nghĩ ngợi này, cái chất tươi xanh yêu đời phơi phơi kia,

nhưng hẳn cứ ương ngạnh ru rú thu thân vào cõi tưởng tiếc hoài vọng riêng tư. Di Thuận, trong bốn phạ được ba tôi giao phó, vẫn hết lòng xem tôi như con ruột, dù tôi không mấy dễ thương, ngoan ngoãn như đàn con di sinh ra.

Có lẽ tôi nên nói rõ với bạn về người chủ gia đình hiện nay vắng mặt : ông Hồng Tổ. Ông ta với ba tôi là đôi bạn nối khố từ thuở hàn vi, từng đi kháng chiến với nhau, giữa hai người, lý tưởng chí hướng như một định mệnh vô tình trói buộc lấy nhau không rời nửa bước, họ khác nào hình với bóng, sóng với biển, núi và rừng. Đến nỗi cả hai cùng yêu chung một thiếu nữ, tình cảm người này chính là tâm sự kẻ kia. Sau rốt, ba tôi, kẻ chưa muốn trói chân vào hệ lụy thế nhi, tự ý rút lui khỏi cuộc chơi tình cảm tay ba, để cho bạn mình tiến tới hôn nhân với người-ấy. Người-ấy chính là di Thuận ngày nay. Hai năm sau, trên đường xuôi ngược Nam Ngãi Bình Phú, ba tôi gặp một cô gái bơ vơ ở Bồng Sơn, cưới làm vợ : mẹ tôi đấy. Dường như ông lấy vợ cốt để cho bạn mình yên tâm và người-ấy khỏi bồn chồn ?

Nay thì ông Hồng Tổ ra đi biệt tích, đem theo đứa con trai đầu. (Hai cha con đi làm ăn tận Mên Lào), di Thuận chỉ cho biết vậy, Tổ Nương và đàn em cũng đành tin như thế, không hề tra hỏi căn vặn mẹ thêm. Nhưng đằng sau các vẻ mặt tảng lờ im lặng ấy, tôi đoán biết có những điều bí mật ghê gớm (đang cần che lấp) về dấu vết cuộc sống thời của ông Hồng Tổ. Và ba tôi nữa. Hẳn hai người đang đi cùng đường với nhau, con đường quá khứ nối dài. Di Thuận vẫn giữ vẻ thản nhiên sống qua ngày, nét mặt bề ngoài tỉnh lặng vậy chứ tâm can di chắc là liệt trăm mối lo âu chờ đợi, dập dềnh như mặt nước nổi sóng. Điều hiển nhiên, di còn giữ vững niềm hy vọng vào một ngày đoàn tụ, còn tin tưởng ông Hồng Tổ dắt con trở về. Không như mẹ tôi ngày trước sống tuyệt vọng cùng cực, chịu đựng cái số kiếp hẩm hiu của người vợ chưa hề biết thế nào là tình phu thê nghĩa trọng. Ba tôi, giữa đường truân chuyên, trong phút chân chồn trí mỏi, tình cảm bỗng cao hứng chấp nhận mẹ dễ dãi ; điều này cắt nghĩa vì sao sau này ông bỏ mẹ con tôi nằm xó ở nhà để ra đi biệt.

Tôi kể đông dài với bạn chỉ để thương xót chính mình sinh

ra đời quá ư bất hạnh, nhất là khi người mẹ khốn khổ bỏ đi vĩnh viễn.

Mười mười bảy tuổi mà tôi hiểu biết quá nhiều phải không bạn ? Bạn tôi, này Sách vở, Áo Quần, Bàn Ghế v.v... Các bạn đang bị cấm chơi đùa vung vãi với tôi từ nay. Khi không, chúng ta bị đeo mặt nạ nghiêm trang trịnh trọng nhìn nhau ngớ ngàng, đau lòng thật.

Lâu nay, tôi viện cớ dọn bài thi, cứ kẹp vài cuốn sách đến nhà mấy người bạn thân thiết ở chơi suốt buổi, đôi khi ngủ lại luôn. Ban đầu, dì Thuận và Tổ Nương tưởng tôi lo nấu sủ sôi kinh thật, đến chừng cái mức độ đi về thất thường và cảnh ăn chực ngủ hoang gia tăng một cách đáng ngại, dì vội vàng can thiệp ngay :

— Có điều gì không bằng lòng con cứ nói, đừng sống lang bang như vậy nữa, khổ lắm, bỏ bẻ việc học hành đèn sách...

Di thuyết lý dài dòng gần cả tiếng đồng hồ, tôi cúi đầu không chịu, làm sao nói cho di hiểu tâm trạng mình lúc này ? Tôi đang thêm đi xa như hồi nhỏ thêm ngọt, đi khỏi ngôi nhà lạnh lẽo và cái thị trấn chật chội này. Đi, đi thôi, không rõ động cơ nào thúc đẩy nữa, chẳng lẽ tôi mang dòng máu giang hồ phiêu bạt di truyền trong huyết quản ? Chẳng lẽ tiếng gọi lên đường mê hoặc nào đó kêu réo tên tôi không dứt ? Đi theo một thức bách, giục già của kiếp lưu vong ? Có gì quyến rũ bên kia rặng đồi ở phía tây, cuối dòng sông chảy xuống hướng nam ? Chân tôi ngứa ngáy, trí óc rạo rục không nguôi. Và một lần, không thể dằn nén được nữa, tôi nói thẳng với dì Thuận lời « bất hiếu » nhất :

— Con muốn ra đi, đi khỏi đây. Cho con về quê ngoại cũng được !

Lần đó, dì Thuận có trở mặt ngạc nhiên giây lát, đoạn, mỉm miệng cười, tĩnh dưng vô sự. Chắc từ lâu, dì thừa biết cái dự định « thoát ly » giấu giếm trong trí tôi ? Chuyện trẻ con hay ham thích bông bột và gàu bương ấy mà, nét mặt bình thản (muôn ngày) của dì như trả lời tôi vậy. Ừ, đi thi đi, ai cấm, cha nào con nấy rành rành. Khi tỏ thật ý mình, tôi tưởng dì ắt phải giận giữ tru tréo lên, chẳng này, thái độ ngược lại của dì làm tôi cực hứơng ngay, vội bào chữa gấp :

— Con chỉ định về thăm quê ngoại trong dịp hè thôi. Con đâu có ý bỏ đi ra đi, con phải ở đây chờ ngày ba con về đấy..

Dì thở ra :

— Phải, rán chờ ba con về.

Tôi ứa nước mắt, vậy là hết, giấc mộng ra đi không hơn một chứng bệnh cảm xoàng !

Nhưng về sau nó cứ âm ỉ dây dưa mãi, thuốc nào chữa cho tuyệt căn ? Làm sao tru di tam tộc những mơ tưởng âm ập trong tâm trí ? Tôi cố miệt mài học, chúi mũi vùi đầu vào sách vở, nhưng chữ nghĩa cứ giống hàng đôi chạy lui về đằng sau, tựa như mình đang ngồi trên xe mà ngó theo hàng cây hai bên đường chạy lui mãi miết !

Một buổi sáng, sớm hơn mọi khi, Tổ Nương mang cây chổi qua phòng tôi làm bồn phận thường lệ. Căn phòng qua một đêm nóng bức, không ngủ được, tôi đã thức thật khuya ngồi viết bầy vẽ bạ gần hết một tập vở, xong xé đốt vung vãi tứ tung lung tàng. Nhìn cảnh tượng mất vệ sinh ấy, đáng lý Tổ Nương phải cau mày bực dọc và hoa lên một nhát chổi giận dữ như gián tiếp đánh vào mặt tôi, nhưng không, chị vẫn nở nụ cười rộng lượng pha lẫn chút chế riếu : gớm, ầy hư quá trời, đáng đánh đòn thật ! Muôn năm chắc chị vẫn coi tôi còn nhỏ nhít như tụi Tổ Nữ Tổ Nga. Nghĩ vậy, « máu người lớn » nổi lên ngạo nghễ, tôi xông tới giật cái chổi trên tay chị và quét lia quét lịa khắp phòng. Tổ Nương kéo dài tiếng cười :

— Ngoan dữ ha !

— Nhất rồi !

— Ầy cướp nghề của mình hả ?

— Từ nay tay chị khỏi lấm bụi. Tôi không dám ở căn phòng này nữa, quá chính đốn ngăn nắp sạch sẽ tui chết ngộp rồi. Xuống nằm dưới nhà bếp còn thoải mái hơn !

Tôi vùng vằng ném mạnh cái chổi xuống chân. Tổ Nương sửng sốt, hai tay đưa ra chơi vơi như thề muốn đỡ lấy nó. Căn phòng hình như vừa rung rinh lão đảo. Tôi tỉnh táo biết mình vừa làm một cử chỉ bất nhã, vô cùng bất nhã. Hậu quả : hai giọt nước mắt ứa ra long lanh trong đôi mắt mở lớn chị đang đăm đăm ngó tôi, lạc thần. Chập lâu, tôi bước đến, khe khẽ cầm cổ tay chị, dường như chị vẫn chưa tỉnh cơn chết giấc. Tôi từ từ nâng bàn tay chị lên và tát mạnh vào má mình. Chị bàng hoàng rút tay lại, chớp mắt, hai giọt nước mắt rơi nhanh xuống nền xi-măng vỡ ra thành hai chấm lớn.

Tôi ngàng đầu lên nhìn sửng chị, áp ứng : — giận tui không ? Tổ Nương mím môi chập lâu. Giận tui không ? Chị khẽ lắc đầu.

Tui đáng ghét lắm phải không ? Lắc đầu. Chị... thương tui không, thương không ? Tổ Nương cúi đầu, tôi cũng cúi đầu theo : hai giọt nước mắt trên nền nhà vẫn chưa khô, chị di ngón chân trần xóa đi.

Suốt tuần lễ sau đó, chúng tôi không gặp nhau dù vẫn loáng thoáng thấy bóng nhau hàng ngày, đứng ra, Tổ Nương lánh mặt tôi và ngược lại. Thời gian này, tâm hồn tôi như quyển sách vừa lật qua trang mới, là lạ hay hay ; một cảm giác mới, ngỡ ngàng thên thện vui vui.

Chị thương tui không ? Im lặng cúi đầu. Nghĩa là gì ?

Ngờ đâu, cái « im lặng cúi đầu » đó (vì không có cách nào biểu lộ khác hơn, ý nghĩa hơn chăng ?) là một liều thuốc hiệu nghiệm trị dứt chứng « bệnh cảm xoang » đeo đẳng trong đầu tôi lâu nay. Tôi quên bằng giấc mộng ra đi. Đi đâu nữa ? Quả thật đi Thuận nghĩ đúng, sự ham thích gần bương ương dở ấy chỉ nhất thời phút chốc. Một cái gì mơ hồ đang trói chân buộc đời tôi ở lại đây ? Riêng Tổ Nương cũng có một thay đổi lớn ai cũng thấy rõ : chị không còn cười đùa luôn miệng tối ngày như trước nữa. Vâng, chị biết khóc rồi mà, lần đầu tiên (?), hai giọt nước mắt thần thánh, vì tôi. Vì tôi hết !

Đang mùa trăng sáng, dường như tâm hồn tôi cũng sáng trăng theo. Biết diễn tả làm sao cho bạn hiền những rung động dịu dàng đang giao thoa với thiên nhiên vạn vật về đêm, những cảm xúc tinh rờng trong vắt màu trăng sương, những nôn nao rạo rực trong lòng tôi. Lòng tôi mặc áo mới. Lòng tôi đang khai hoa !

Đêm trăng dễ gợi dậy nhiều hứng cảm lạ lùng. Tôi đem ống sáo ra ngồi dưới mái hiên thổi bài « Lòng mẹ », bài « Nguyệt mộng »... Cảnh trăng tịch mịch bốn bề nâng tiếng sáo lên cao, du đi mềm mại nghe trau chuốt thanh thoát hơn hẳn mọi lần. Tôi say sưa ngân, lảy, rung, nhịp từng tiếng trầm bổng với làn hơi tràn trề vừa bắt được ; với sáu ngón tay uyển chuyển buông đóng nhặt khoan. Tổ Nương bước ra ngồi bên cạnh hồi nào không hay, mãi khi dứt « khúc sáo xuất thần », tôi mới nghe tiếng thở dài và giọng chị nói :

- Buồn quá !
- Ừ, buồn nhỉ !
- Tiếng sáo kia.
- Sao ?

— Nào nề thống thiết nghe... rụng tim !

— Xao.

Tổ Nương cười lên một tiếng nhỏ. Tôi nhìn sững chị, mắt chạm mắt, như thôi miên hợp hòa, như soi bóng mình trong lòng đồng tử của nhau. Im lặng. Ánh trăng vụt lu mờ rồi tắt cầm. Hồ như đêm ngưng thở, thời gian khế đứng sững lại. Lặng thinh. Bỗng, cái ống sáo rơi xuống nền gạch vang lên một tiếng khô khan, hoảng hốt...

Giữa lúc tôi đang khám phá ra những tình ý mới trong trái tim côi cút thì một biến cố ngoài ý muốn xảy đến bất ngờ. Đó là lá thư của ba tôi ở mù mịt phương xa gửi về. Theo đó, tôi phải cấp tốc khăn gói về quê ngoại nội trong vòng nửa tháng tới, ba sẽ ra đó xây mộ cho mẹ tôi !

Di Thuận tưởng tôi mừng lắm, luôn miệng nói :

— Cha con sắp gặp nhau, thích nhỉ ? Cũng hơn hai năm xa cách chứ ít ỏi chi.

Di làm !

— Kỳ trước con cứ đòi đi miết, bây giờ thỏa mãn ý thích chưa ?

Sao di cứ nói những câu « ngớ ngẩn » như chỉ muốn đuổi tôi đi gấp khỏi đây ? Hay là sẵn cơ hội này, giúp di, có cách tốt nhất gián đoạn ngăn trở cuộc tình (?) vừa nảy nở (quá muộn) giữa tôi và Tổ Nương ? Di mừng thầm là phải ! Biết đâu di chẳng đã nghe lọt tiếng động khô khan của cái ống sáo rơi xuống giữa chân hai đứa tôi đêm trăng nào ?

Tổ Nương lặng thinh không có ý kiến trước cuộc chia ly « thảm khốc ».

— Về trong đó rồi, L. sẽ trở ra chứ ?

— Chưa biết được, tùy ý ba.

— Biết rồi, L. cũng muốn xa mình mà.

Tôi cố gắng lên tìm cách giải oan cho lòng mình mãi mà lú lurre nói không được. Xúc cảm bồi hồi nghẹn ngang ngực :

— Chị ngỗ láo ! Tại ba tôi. Cả di nữa, bây giờ di muốn đẩy tôi đi khỏi nhà, di không nói ra nhưng mình dư biết. Dưới mắt di, tôi đâu có xứng đáng với chị...

— Thôi thôi thôi. Đừng chọc mình khóc, tội nghiệp mình lắm...

Tổ Nương bỏ chạy vào nhà, hắt chệch khóc một mình trong phòng ? Còn đâu nụ cười ngày nào, cười lúm má đồng tiền, cười duyên mồm mím, cười chúm chím thẹn thứa thơ ngây ? Tôi đứng ngẩn ngơ giữa vườn, xác hoa rụng đầy mặt đất mà Tổ Nương bỏ bê không thèm quét dọn. Cùm hồng trắng vẫn nở bông héo muộn dưới cơn nắng lửa đầu hè. Làm sao bứng cây hoa này về trồng dưới chân mộ mẹ ?

Thêm một cái thư khác ba tôi gửi về cho di Thuận, cảm ơn di đã chăm sóc nuôi nấng tôi bao năm nay và nhờ di thu xếp cho tôi đi gấp. Có một đoạn ông viết riêng cho tôi, đại ý nhắn nhủ tôi suốt đời hãy tạ dạ ghi ơn di và nhớ tìm cách trả hiếu cho tròn nghĩa « mẹ con ». Ba nhắc tôi hãy coi di như một người mẹ (dưỡng mẫu). Ba nói có lý, tôi phải coi di như người mẹ ruột thứ hai, công dưỡng dục còn nặng hơn nghĩa sinh thành. Vậy thì, mối tình (?) giữa tôi và Tổ Nương đi ngược lại luân thường rồi ! Âu cũng tại mình bằng bột cặn tính thiếu suy.

Mấy hôm trước ngày chia tay, Tổ Nương lánh mặt tôi. Tôi buồn bã nuốt không xuống uống không trôi những miếng ngon ngọt di Thuận đãi đãi niềm nở hơn bao giờ. Nằm trong phòng tôi búi ngùi nhìn bàn ghế giường tủ... đang trầm ngâm tư lự điều gì, dường như thế, nghĩ tới lúc xa lìa tất cả những vật dụng thân thuộc như bạn bè kia, tôi... rưng rưng nước mắt, nhất là Tổ Nương sẽ không còn đều đặn lau chùi tắm rửa cho chúng, căn phòng sẽ khóa kín cửa, bụi sẽ đổ xuống ngày ngày, chừng đó, chúng phải sống đời tẻ quạnh âm默默 đề tưởng tiếc « thờ phượng » hình bóng chủ nhân !

Cái va-ly mới mua thật lớn, nặng trĩu dưới tay tôi như thăm nhắc nhở mình : với gói hành trang bẽ bộn này bạn sẽ đi một chuyến đi dài, lâu, rất lâu, chuyến đi vào đời thật sự làm người lớn ! Vậy nhưng cái va-ly kèn càng trong tay vẫn chưa nặng bằng lòng tôi cột hàng ngàn cân đá, lúc đứng lên, bước ra bậc hiên, đảo mắt tìm Tổ Nương. Chính bậc hiên này, đêm trăng nào « kỷ niệm », gạch đá kia xin chứng/giám. Và cái ống sáo tôi gửi lại cho Tổ Nương treo trong phòng chị, cũng xin nhớ cho « kỷ niệm ». Mai sau dù có bao giờ...

Tôi vuốt tóc cầm tay Tổ Nữ, Tổ Tâm, Tổ Nga, « răn học cho ngoan, anh đi nghe », tôi quay vào chào di Thuận « con đi »,

đi chảy nước mắt. Tôi quàng quải xách va-ly bước nhanh ra ngõ, Tổ Nương chạy theo :

— L. L. có cái này gởi L.

Tôi ngửa tay chưa kịp nhận, chị đã buông, cái hộp nhỏ rớt xuống đất. Chị cuống quít chạy vào nhà, tôi nhìn theo cho đến khi khuất bóng chị, rồi thần thờ cúi xuống nhặt chiếc hộp lên. Hộp được thắt nơ và bọc giấy hoa kỹ lưỡng, cần mẫn, bên trên có mảnh giấy viết dòng chữ : « *Chừng nào ngồi trong lòng phi cơ bay giữa trời mây rồi, L. mới được phép mở hộp ra. Nếu bất tuân sẽ gặp 'tai nạn' »*. Tôi bỏ chiếc hộp vào bụng áo, chào ời, « *nặng* » quá chừng !

Ngồi trên xe ca về phi trường, thỉnh thoảng tôi rờ chiếc hộp nằm im lìm dưới làn vải, óc tò mò không ngớt quanh co mò đoán xem cái gì Tổ Nương bỏ trong hộp mà bí mật thế ? Một lá thư ? Một sợi tóc ? Một đóa hoa pensée ? Thường quá, chắc phải một vật gì đáng gọi là « kỷ niệm » mà trí óc mình tối thui, nghĩ không ra. Cái kẹp tóc ? chiếc hình ? Thôi, tôi chịu thua. Đến phút này mà Tổ Nương còn nghĩ tới chuyện dạy cho mình bài học chờ đợi kiên nhẫn, ác tâm thật.

Buổi trưa, phòng đợi phi cảng đã ngớt khách. Theo thời biểu ghi trong vé, một giờ mười lăm máy bay đến và nửa giờ sau sẽ cất cánh lên. Như vậy không còn bao lâu nữa tôi sẽ biết được bí mật của chiếc hộp. Giờ này, ở nhà, Tổ Nương đang làm gì nhỉ ? Buồn ? Lầy ? Mắng em ? Hờn mẹ ? Mối đó, ngàn cách đã dài như sông lớn, mai mối là biển cả đại dương mịt mù. Lòng thương nhớ nhau chắc hoài hoài như những cánh bướm phất phơ, con thuyền trôi nổi ?

Hai giờ chiều phi cơ vẫn chưa thấy tăm dạng đâu cả, lẽ nào chuyến đi sẽ bị hủy bỏ. Chắc tôi không đủ can đảm xách va ly về nhà đi Thuận lại, góm, lần chia tay ngọt ngào như thể vĩnh biệt nhau luôn. Tôi sốt ruột nôn nao mong được sớm lên máy bay để bật mí cái-hộp-thần. Giá như không có mấy chữ « *bất tuân sẽ gặp tai nạn* » đe dọa đầu óc mê tín dị đoan của mình, tôi đã nóng nảy hộp chộp khui toang ra rồi, hơi sức đâu mà tốn công kiên nhẫn. Tổ Nương tinh ý thật, ác thay !

Gần ba giờ máy bay mới ưỡn oải hạ cánh, tôi hí hửng xuyết reo ồ lên sung sướng. Bốc hàng, chất hàng, đồ xăng soát máy lục đục gần cả tiếng đồng hồ nữa, hình như họ cố tình chậm chạp trễ nải để chọc tức tôi.

Tiếng động cơ rồ mạnh, thân tàu rung chuyển lao vút đi, nhẹ nhàng. Tôi hơi chóng mặt, cơ thể buồn nôn ngo ngoe nơi cổ, thật khó chịu. Bỗng, trời ơi, tôi xuyết la to lên : cái hộp, cái hộp đâu rồi ? Tôi quay quắt rờ trước mò sau : bụng áo trống rỗng ! Cái xuống chân ghế, ngo quanh quất : chẳng thấy đâu ! Lối đi giữa lòng tàu : không ! Tôi nhón nhác đảo mắt bốn phía : cái hộp đâu ? ai lượm được cho chuộc lại ? Tôi nhờ cô chiêu đãi viên hỏi giúp hành khách, cô nhún vai cười tặc trách : — chắc cậu đánh rơi lại ở phi cảng rồi ! Tôi ngồi phịch xuống ghế ôm đầu thở dài, nhớ lại, lúc tiếng loa gọi khách lên tàu rõ ràng cái hộp còn nằm chắc trong bụng áo. Vậy thì nó chỉ có thể bị đánh rơi ra ngoài lúc tôi chen chúc ở cầu thang và một hành khách nào đó đã nhặt được. Trong tay người khác, tội nghiệp cái hộp chỉ đáng làm trò cười mà thôi.

Xin lỗi Tổ Nương ngàn lần. Ngàn lần sợ vẫn chưa đủ.

Tôi rung rung gạt nước mắt. Bà lão ngồi ghế cạnh quay qua hỏi :

— Châu nhớ nhà hay sao mà khóc ?

Phạm Ngọc Lư

Đứng đầu về số bán
trong 32 tác phẩm
đã xuất bản của MAI THẢO
SỐNG CHỈ MỘT LẦN

Đã in lần thứ ba

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG



TÚY HỒNG

thăng ca *

truyện dài

Mưa nhiệt đới. Mưa lã trên đường xích đạo. Mưa một mùa, nắng một mùa, câu chuyện thời tiết quanh năm chỉ có thế thôi ! Mưa như những đường rơi vọt xuống xối xả, rốc hết một hồi để không đùa dai nữa. Nếu đã mưa trong buổi chiều rồi thì buổi sáng được miễn. Nghe mưa Saigon, mưa Gia định mà hồi tưởng ngậm ngùi những hàng Bông, hàng Quạt, những hàng Ngang hàng Đào của từng buổi chiều Hà nội sụt mướt giọt dày giọt mỏng. Hà nội đã mưa rồi, đã khóc rồi, đã đầy ứ hai tròng mắt đầm lệ rồi... « Mưa hoàng hôn trên thành phố hiu hắt là lạ. Là là lá là... » Quyền đặt đàn xuống, khoát tay :

— Chậm chậm chứ ! Vào mạnh quá !

Cả ban hợp ca đang ngoác miệng với ngậm ngay mồm lại. Quyền nhìn người anh vợ :

— Anh coi tập bài này kỹ tí ! Anh ấy vào Nam chưa được bao đã làm được bài hát rất Saigon. Mình thì chịu. Phải ba năm nữa mình mới sáng tác được. Lập trường mình lắc lư, tư tưởng mình lênh đênh, mình như con chim cuốc cuốc trong bài thơ hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan. Có sáng tác bây giờ cũng tí

(*) Kỳ 12, xem Văn từ số 199.

như kêu lên ba tiếng buồn rã ruột ra rồi hết. Những dòng nhạc của mình đã tự rúc vào ruột mình. Tâm trạng mình là tâm trạng của một Từ Thử quy hàng chôn dấu những mưu sâu vào các khe não thăm thẳm. Bỏ Bắc vào Nam, đối với mình không phải một Saigon đã thắng một Hà nội, một vinh sang đã thắng một gian khổ, mà tại mình chỉ muốn là nhạc sĩ thôi chứ không là gì nữa hết. Là một nhạc sĩ thôi. Hết. Điệp khúc, đoản khúc, từ khúc, trường ca, tâm ca, tình ca. Hết. Hát hoan hỉ. Hết.

Bao lâu, mình đang nghĩ giả hạn. Nhạc đã vỗ cánh bay đi và nhạc đã rúc vào ruột. Những sáng, những trưa, những chiều, những đêm, những bản khoản đâm nát những bản khoản. Mình đã sa lầy như thót voi của đức Thánh Trần trong trận đánh giữa nhạc và cuộc đời. Nhạc đánh bốp vào mặt, cuộc đời thì đánh lén. Trời ơi ! moi thế nào cho ra một lối thoát đây ? Hàng thần không lơ lảo, hàng thần hống hách, mình lặn vào lãnh vực hành động... Mình hành động như một thư ký, một tùy phái, một nhân viên... Bỏ tay về với đồng tiền... Không, không phải, hoàn toàn không phải vậy đâu ! Mình cam đoan với mình hoàn toàn không phải. Mình múa tay về với tự do bát ngát, miền Nam tự do bát ngát.

Quyền dựa chiếc lưng lồi vào tường với lạnh nhắm đôi mắt nhỏ. Bên tai chàng, tiếng hát Lệ Nhi, cô em út của gia đình vợ, lằng lằng bay bổng lên bảy tầng mây biếc chạm tới vòm cung nghệ thuật tràn đầy mộng ảo. Tiếng hát tự vượt cho nó một đỉnh nhọn danh vọng. Tiếng hát rướn đi như loài rắn tới núi Thiên Thai. « Ngọn thiên thai » bài thơ tuyệt trần của một thi sĩ tiền chiến đã được rập vào khuôn nhạc thành một ca khúc có tâm sự, có nỗi niềm, có cầu xin và ước vọng mà tiếng hát, cùng giọng ngâm quần quện vào nhau bay phiêu phiêu qua mô đất mềm của mộng mơ gieo cấy từ trí tưởng tượng bốn bề mở ngõ lựa lọc một cách khoan hồng.

— Anh Quyền ơi !

Tiếng cô em vợ gọi Quyền chứ không phải tiếng vợ. Tiếng cong, tiếng vút và đắm say.

Quyền dờ dẩn đi vào. Thăm hỏi :

— Này giờ anh đi đâu ?

— Anh đi uống nước lọc.

Liêm, ông anh lớn hỏi :

— Chiều thứ năm ông Khoái mời hát nhạc hội, có nên đi không ?

Quyền lắc đầu ;

— Không, thằng đó trả cachet không sòng phẳng... Nay Lệ Nhi tối nay đơn ca hai bài liền đó nhé ! Tập kỹ vào !

Cô gái nũng nịu :

— Không, tối nay không đi hát, tối nay cả gia đình kéo nhau lại đường Lacaze ăn uống.

Liêm lớn giọng :

— Bậy nào ! Bỏ hát sao được.

Lệ Nhi nghếch mặt :

— Nhưng đêm nay em không thích hát, em chỉ thích ăn cơm Tàu.

Quyền cười nụ nhỏ nhìn em vợ. Một tiếng hát công cả ban nhạc. Vợ ta sau lần sanh con so giọng ca đã trở mình nhích lui chút chút rồi. Bây giờ là Lệ Nhi, tiếng hát đã ban cho những nhạc khúc của ta một chữ thọ tươi hồng, tiếng hát đã thổi hồn, lấp lút, ghép xương để những bài ca ta sống. Lệ Nhi chưa hát nhạc của ai hay bằng nhạc của ta.

Quyền nhìn em vợ :

— Tối nay, vẫn đi Lacaze ăn uống và vẫn đi hát như thường.

Liêm chỉ tay vào trán em :

— Con này ngu ! Ăn đồ Tàu xong mỡ béo nhảy nhua lên giọng sao được ?

Ông anh tên Vọng phụ họa :

— Mày đến đó mày ngồi ăn được thì tao khen tài. Mày hát hay khét tiếng, bao nhiêu người nhìn vào miệng mày, bu bám quanh mày làm sao mày nuốt xuống được ?

Quyền nhìn vợ, nhìn Lệ Nhi. Đại khái hai khuôn mặt cùng một mặt nhưng chia ra thì lại khác khác thế nào.

Thắm dong tay :

— Lệ Nhi nhỏ, nó phải cần ăn để lớn. Tối nay không ai chịu đi Lacaze hết thì tôi dẫn Lệ Nhi đi ăn vậy !

Quyền nâng cằm vợ :

— Trong năm người chúng ta, Thắm là kẻ đầu tiên đòi vô Sài Gòn và mê Sài Gòn nhất.

Thắm tươi hồng :

— Đã bảo mà ! Cứ vào hết Sài Gòn đi ! Có gì tôi chịu.

Quyền cười bật thành tiếng cụt. Ừ ! hồi chưa cưới mình đã kể chuyện Saigon cho Thắm nghe... ừ ừ... cả nước Việt Nam không chỗ nào đáng ở bằng Sài Gòn. Nhất ! Sài Gòn là nhất ! Ai đi vô rồi cũng thương Sài Gòn như chính quê hương mình vậy. Sống ở Sài Gòn là sống đông với nhau cả đám, tề tựu đủ mặt người và mặt khi. Khi và người cùng vỗ tay hát càng đông chúng ta càng vui nhiều, càng đông lại được mạnh nhiều... Ở Sài Gòn không ai cần tự do cả vì ai cũng có tự do rồi, không cô gái nào buồn duyên tui phận cả vì đàn ông đàn bà đông bằng nhau và ngang hàng như hai cái bình-thông-nhau. Ai cũng ăn chơi lêu lổng ngoài đường quán rượu không lo nghĩ ưu phiền. Một đồng bạc tự tiện xé ra hai đề tiêu. Buổi sáng ngủ dậy ăn cơm tấm bì, uống cà phê ; buổi trưa ăn con cá lóc nướng to bằng cái chày vỗ, buổi chiều ăn thịt heo với mắm đồng... Người Sài Gòn không chửi lộn, chỉ đánh lộn thôi. Người Sài Gòn sống ngang dọc trong môi trường sống của mình. Ai cũng khoái mặc quần đen để chùi tay bẩn không thấy. Con nít Saigon răng cùn như răng mọi vì nhai nước đá lạnh quá trời ! Thanh niên, thanh nữ bịt răng vàng cười lóe sáng... Người nào cũng đầy đức tính bình dân. Chẳng ai biết chiến tranh là cái gì. Bình Xuyên, Hoà Hảo đánh nhau bắn súng xèo xèo, đã không sợ thì chớ, còn rủ nhau ra đường há miệng dương mặt mà coi. Người đi vô lập nghiệp cứ tin rằng dân Saigon thật đại chỉ có họ khôn. Họ đi vô với mộng làm giàu. Họ đi vô ở rồi bằng lòng vì Sài Gòn dễ thương và an ủi đủ điều. Đã ở rồi thì mê, đã ở rồi thì ham. Không ai thêm dóm vào đời tư của ai hết. Không ai mất công phán xét tội của ai hết. Ai tròn ai méo chi cũng được, ai vàng ai đỏ chi cũng được. Sài Gòn rướn căng máu đỏ, cao đầy sức vóc... Sài Gòn ấy là chàng hào hoa hiệp sĩ sống dễ mà chơi, chơi dễ mà sống với phòng trà đê mê tiếng nhạc, với vũ trường mơn man điệu múa, với thời trang xao động xô bồ. Sài Gòn giàu sự...

Quyền cười lạng lẽ. Ừ ừ hồi chưa cưới mình đã kể đại cho Thắm nghe như vậy. Kể đại như vậy mà đúng...

Quyền ngó vợ :

— Lúc anh kể chuyện Sài Gòn cho em nghe, em đã mê Sài Gòn chưa ?

Thăm mơ màng :

— Sài Gòn là lối thoát cho chúng ta.

Vọng không nhìn em về không đặt đàn :

— Thật ra, muốn nói rằng Sài Gòn muôn mặt cũng được... cổ kính hơn Hà Nội, kiêu cách hơn Huế ở một lớp sống nào đó.

Liêm đến ngồi vào bàn giấy thảo chương trình cho phiên hát ngày chủ nhật của toàn ban. Vọng cúi xuống sửa lại những hạt nhạc mình vừa uơm cho một ca khúc vui vừa mới thành hình một nửa.

Lệ Nghi réo :

— Không đi Lacaze ăn sao ?

Vọng bĩu môi :

— Sáu giờ chiều rồi, hai cô vào đánh phấn tô son để lên sân khấu thì vừa. Để ra hai giờ đồng hồ đánh phấn tô son có kịp không nhỉ ?

(còn tiếp)

Túy Hồng

Quà tặng cho một thời,
thời mới lớn

TRONG NHẬT KÝ CỦA QUỲNH

truyện dài ĐÌNH TIỀN LUYỆN

*Thời của hẹn hò đầu cuồng quýt,
nghẹn ngào làm dáng và mơ mộng.
Thời của một đời người không
bao giờ còn soi gương thấy lại.*

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

JEAN-RENÉ HUGUENIN

Nguyễn Mai Chi dịch



BÃI HOANG

truyện dài *

Đó là một bộ mặt khác của mùa hè, với những tiếng xôn xao của những cô nàng đập lúa, ngay từ buổi sáng, những âm điệu đều đều của họ luôn luôn đuổi theo Pierre trên đường về biệt trang, sau đó trên đường ra biển, cho tới khúc quanh nơi chúng rẽ chột tan biến trong những tiếng hò hét ầm ĩ trên bãi, tiếng nước, tiếng « trẻ nhỏ ! trẻ nhỏ », tiếng sóng. Và khi Pierre trở về vào buổi trưa hay buổi chiều, những âm điệu đó lại nổi lên, nghe xa vắng, êm đềm, trong mùi cỏ khô, khi trăm khi bỗng, ầm ập và êm đềm, chúng vang lại từ nhiều phía cùng một lúc — dĩ nhiên là có rất nhiều cô nàng đập lúa. Một người trong bọn họ như rất gần gũi đầu đây để chàng có thể nghe rõ bên tai, với cảm giác được tan nhập vào những lời than vãn đều đều cùng với cơn trườn lướt chậm chậm trong bầu không khí hăng nóng nóng bức với những vỏ trấu bay lên tung tóe, với những nhịp rây dòn dập, với tiếng tron tuột của những cái đai da, và tiếng bọn thợ gặt gọi nhau ới ới. Tuy nhiên, ngay cả cô nàng đó, hẳn cũng không trông thấy bao giờ.

Đó là một bộ mặt khác của mùa hè nhưng dường như không ai nhận ra điều đó. Họ bắt đầu làm quen với một người

(*) Kỳ 9, xem Văn từ số 202.

Hòa Lan, chủ nhân của một chiếc thuyền buồm. Nicolas gọi hấn là người Hòa Lan biết bay ; họ đã trải qua những ngày sống trợn trên mặt biển. Khi chiếc thuyền chuyển hướng — cánh buồm căng ra, kêu răng rắc trong gió, mặt nước lao xao, sủi bọt, bắn tung toé lên mặt họ, « coi chừng bề lái ! » — tất cả bọn họ vội vã chạy sang đầu kia, gặp người làm đôi để bước qua cánh buồm. Họ cười cợt, giằng co, xô đẩy nhau và trong suốt ngày trời, Pierre đã phải chịu đựng niềm vui điên dại và ấu trĩ của họ, đã phải tham dự vào những cuộc chơi của họ, chia xẻ những trò lừa lỉnh của họ như phóng từ một tảng đá cao sáu thước xuống nước hoặc đứng trên mép thuyền buồm đang lướt nhanh — Olivier mỗi ngày một tìm kiếm ra những trò mới lạ để làm cho phức tạp thêm cái nhịp điệu êm đềm của những ngày nghỉ hè, với những thách thức mà mọi người buộc lòng phải chiều theo khi chàng nói về chúng với một dáng vẻ hững hờ, xem đó như một trò giải trí thơ ngây : « Nào, mình phóng xuống nước đi nhé ? », « Mấy đến đây chờ Pierre ? mình bơi nữa đi ». Được an toàn với cái chân đau của mình, Nicolas đứng ngoài cổ võ họ với nụ cười ngạo nghễ của hấn. « Coi chừng bề lái ! » Thỉnh thoảng Pierre lại va vào cột buồm, té nhào, vương vãi trong những sợi dây thuyền. Lúc đầu, họ bảo chàng giữ tay lái hoặc vận dụng cánh buồm, nhưng trong cái trò thể thao của sự khéo léo và dẻo dai kia, sức mạnh bắp thịt không giúp ích được gì cho hấn ; hấn không thể nào giương nổi cánh buồm ra, hấn vụng về, lúng túng, hai tay ghi chặt lấy cột buồm khập khểnh, người hấn ướt đầm mồ hôi, những vạch muối biển chạy dài trên mặt, hấn kêu lên để nhờ mọi người chỉ dẫn, nhưng tiếng gió, tiếng buồm phe phẩy và tiếng nước lao xao văng tung toé lên mặt hấn, tất cả đã đánh bại và cuốn những tiếng kêu của hấn ra xa, mãi cho tới khi chiếc thuyền tròn trĩnh và Olivier hay một người nào khác hiện đến. Bấy giờ, hấn sẽ lạng lẽ trở lại tìm chỗ ngồi, khẽ nở nụ cười lễ độ với mọi người, hấn chỉ biết mỉm cười như thế khi người ta nhìn vào hấn và khẽ xoay người khi chiếc thuyền chuyển hướng trong tiếng sóng lao xao, tiếng buồm răng rắc, và những tiếng hò reo vang dậy.

Chiều xuống, cả ba người gặp lại nhau. Họ bước ngược trở lên con đường mà kỷ niệm về những ngày sống trên mặt nước còn tròn trĩnh dưới những chân của họ. Qua khỏi khúc quanh,

tiếng những cô nàng đập lúa lại vang lên từ khắp mọi phía, đại dương vụt biến mất. Trong khoảnh khắc đó, gần như chiều nào cũng thế, Olivier sẽ lên tiếng hỏi han hần đủ điều. Trong một dáng vẻ lơ đãng, với một điệu thuốc trên môi, và đôi mắt ngó mông ra ngoài. Nhưng những câu hỏi đầy kiên nhẫn và bền bỉ, và ngay cả giọng nói lạnh lẽ của chàng ngày một trở nên ngày càng khó chịu hơn. « Liệu ở Beyrouth mày có dễ dàng tìm chỗ ở hay không ? ». « Bộ sống ở ngoại quốc mày không thấy chán à ? » « Nhưng mà nếu được phê điểm cao, có thể mày sẽ thành thanh tra phải không ? ». Pierre nhia vào hai lòng bàn tay trống trải của mình. Vẫn luôn luôn là những chuyện liên quan tới tương lai của hắn. Một mỗi, hai tai lưng bưng, hắn trả lời bằng một giọng độc điệu :

— Dù sao, tao cũng không lưu tâm tới chuyện đó.

— Mày lưu tâm tới chuyện gì nào ?

— Tôi việc tranh thủ thì giờ của tao...

— Để làm gì ?

— Mày biết rõ mà. Để viết.

Và chiều ngày hôm sau nữa, vẫn bằng một giọng nói không mỗi một, lạnh lẽ, với một điệu thuốc trên môi và với mắt ngó mông ra ngoài, Olivier lại tiếp tục : « Nhưng mày tưởng có thì giờ để viết lách à ? ». « Mày định viết tiểu thuyết loại nào đó ? » « Ô ! Olivier... mày làm tao mệt ; mình đã nói với nhau hàng trăm lần về chuyện đó rồi mà ». Không hiểu Anne có nghe họ nói chuyện không ? Thỉnh thoảng, trước bờ rào, Olivier kết luận với một dáng vẻ đầy tự lự :

— Đứng ra mày là một con người cô độc.

Hoặc :

— Mày không ra đời để đi nghỉ hè

Và một buổi chiều khác :

— Nào, Pierre... Bởi mày muốn viết tiểu thuyết, tao nghĩ tới một nhân vật kỳ lạ : con người ích kỷ không biết yêu chính mình.

— Mày nói sao chứ ?

— Con người ích kỷ không biết yêu chính mình.

Một xế nọ, cả ba cùng đi tới cái vịnh nhỏ ở Bertheaume.

— Hai người có mai ô không? Anne hỏi. Nếu chúng ta cùng bơi qua cái vịnh này?

— Không. Em bơi không giỏi lắm đâu.

Nàng nhún vai.

— Em bơi không thua anh đâu. Lại nữa em cũng chả bình hoạn gì.

— À! Đúng rồi. Em bơi 100 thước trong 68 giây chờ gì?

— Em không biết ai tính giờ cho anh. Hẳn người ta nhìn lộn Kim đó.

Pierre nhìn họ nói chuyện với nhau.

— Được rồi, Olivier lạnh lùng nói. Để xem em xoay xở cách nào cho biết.

Chàng nhắc bổng nàng lên và ôm nàng trong hai cánh tay tiến về bờ núi đá. Chiếc lược giắt trên búi tóc của Anne rơi ra, tóc nàng xõ tung, đong đưa trên mặt nước. Nàng nghe cũng đỡ ở hai chân: « Nào, — buông em ra đi... » nàng thản nhiên nói. Đợi gì mà chưa buông em ra? Pierre nhìn thân thể họ chấp tréo nhau lại.

— Anh không dám hả? Nàng nói. Anh khá như vậy đó. Anh không hề kết thúc điều gì anh đã khởi sự.

— Em tưởng như vậy à?

Không mấy chốc, nàng lại xuất hiện trên mặt nước, tay bám chặt vào tảng đá, Olivier giả vờ kéo nàng lên rồi lại buông nàng ra, nàng biến mất. « Đồ khủng! Đồ khủng hiểm ác. Rồi anh sẽ trả giá cho coi! ».

Pierre nhìn Olivier nghiêng người xuống bên nàng.

— Em thấy chưa: không những kết thúc, anh còn kết thúc một cách hoàn hảo nữa.

Nàng leo lên ở cách xa đó, lặng lẽ bước về phía chàng, chiếc áo sơ mi không tay và chiếc quần « căng gà » dán chặt vào thân thể nàng, mái tóc dính lại, nhều nhảo những nước. Nàng đánh rơi một chiếc dép trong nước và co chân vứt tung chiếc còn lại. Và nàng đứng bước. Pierre nhìn nàng. Nàng cởi áo quần ném lên bãi cát. Nàng lại bước đi trong chiếc mai ô màu xanh da trời. Pierre nhìn theo nàng. Olivier nhanh nhẹn nhảy sang một bên để tránh nàng. Pierre nhìn họ đuổi nhau chạy trước mặt hắn, chung quanh hắn, sau cùng họ ngã dưới chân hắn, trên bãi cát, Anne quì gối trên bụng Olivier và cung tay đâm thùm thụp lên ngực

àng. Nàng đánh chàng thật tỉnh, thật lực, hai hàm răng nghiêng hệt, mái tóc che kín cả hai mắt; một sợi dây của chiếc áo tắm rơi trệch xuống và Pierre trông thấy một vết da trắng trên bờ vai nâu xăm của nàng. Sau cùng nàng đứng phắt dậy. Olivier cười ngất; trên ngực chàng người ta trông thấy hai dấu cào. Bảy giờ thì cả hai cùng nhìn nhau cười.

Đó là một bộ mặt khác của mùa hè. Thức giấc trong những tiếng động xôn xao của những cô nàng đập lúa, Pierre có thể đoán chừng giờ giấc khi nhìn ra mặt trời, tròn và trắng, lấp lánh sau những nhánh cây tùng trước cửa sổ. Một buổi sáng, hẳn không thấy bóng mặt trời đâu mà chỉ thấy một bầu trời xanh lơ. Hẳn nhìn đồng hồ : gần mười một giờ.

Bình thường hẳn ngủ rất ít, thức thật sớm và thả rêu trước biệt trang trong khi đợi nhà Olivier mở cửa. Hẳn kiên nhẫn đợi trong một khắc đồng hồ và gặp họ trong phòng ăn nơi đó Anne, trong bộ pyjama, hai mí mắt phồng lên, đưa về phía chàng cái gò má ấm áp còn thoảng mùi cát mịn và đêm thâu. Berthe mặc áo ngủ trắng, cầm bóng lưỡng, miệng nhai ngấu nghiêng, đang uống một ngụm cà phê sữa vừa cầm một cái chén trong đôi tay như người ta cầm một cái cốc — hẳn có thể trông thấy gò mỡ nơi cổ của nàng chạy lên chạy xuống trông giống như cuống họng con bồ câu đang gù — và nàng sẽ lên tiếng, sắc mặt vẫn nghiêm lại, bằng cái giọng chanh chua của nàng : « Á ! kia rồi, người quý phái thức sớm ». Olivier hất mái tóc lên trán : « Mấy làm thế nào để thức sớm như vậy ? »

Gần mười giờ một giờ. Hẳn vừa lỡ một việc, một biến cố quan trọng nào đó đã hay sắp sửa xảy ra, bởi hẳn không có mặt ở đó — đó là một định luật sự vắng mặt của hẳn là một điều may mắn cho kẻ khác ; « Nicole ! ». Hẳn đã tra vội áo quần, uống cà-phê, chạy một mạch tới biệt trang, xông thẳng vào phòng ăn, hẳn chợt đứng sững im lìm ở đó, hai chân run rẩy, mắt thao láo. Một luồng gió đóng ập cánh cửa sau hẳn.

— Họ không có đây à ?

— Không. Họ không có đây.

— Họ ở đâu ?

— Họ đi dạo. Tôi đâu biết...

Ngồi trước một cái bàn xoay ba chân, Berthe đang rút những con bài và lơ đãng trả lời hắn; nàng vẫn mặc áo ngủ.

— Họ không đợi tôi...

— Cậu tưởng thế à? Nàng che con bồi bích. Tại sao họ lại đợi cậu chờ?

— Kìa, Berthe... sáng nào tôi cũng đến tìm họ mà. Chuyện gì xảy ra. Họ không nhân gì cho tôi hết sao?

— Louise! Nàng trộn lại những quân bài. Bánh ba tẻ khét rồi, ở đây tôi nghe. Nhưng mà Louise đang làm gì vậy kìa!

Nàng đứng dậy, hắn theo nàng vào bếp, xó rờ sau lưng nàng, bắt chước theo nàng cúi xuống bên cái lò đến đối khi đứng thẳng người dậy, Berthe đã chạm vào đầu hắn.

— Nhưng mà cậu tìm cái gì? Tôi thề với cậu là họ không có ở trong lò đâu. Cậu uống cà phê nghe?

Hắn ngập ngừng, hắn có vẻ như đang chờ đợi một cái lệnh.

— Họ đi lâu chưa? Chắc chắn là họ đang ở ngoài bãi...

— Làm sao tôi biết được? Chúng tôi không có nói chuyện với nhau.

— Không nói chuyện với nhau à? Chuyện gì xảy ra vậy?

— Có gì đâu, thật mà! Chính vì không có chuyện gì mà chúng tôi không có gì để nói với nhau, và vì không có gì để nói nên chúng tôi không trò chuyện với nhau. Nàng mỉm cười đắc thắng, hai bàn tay đặt ở hai bên hông. Uống cà-phê nghe, cậu xanh lăm đó!

— Tại sao chị làm ra vẻ không thương yêu gì họ? Hắn nhún vai. Chị tự làm khổ chị thôi.

Hai gò má Berthe đỏ lên. Nàng mở miệng tới hai lần nhưng không nói được gì. Bất thình lình, nàng mỉm cười, đặt bàn tay nhỏ nhắn của nàng lên vai Pierre, nói bằng một giọng toại nguyện:

— Cậu Pierre đáng thương... cậu luôn nhìn mọi sự một cách ngây thơ: như một người mù.

Hắn co giò chạy dọc theo lối đi giữa những cây sồi, vượt qua bờ rào, chạy trên đường mòn, đến tận mỏ đất, rẽ sang con đường cái — những con ong, những cô nàng đập lúa, mặt trời, những cánh hoa Kim Tước Chi — dọc theo bờ rào — nơi hắn chợt đứng lại, xa hắn tiếng xôn xao của những cô nàng đập lúa, đưa mắt nhìn xuống bãi, nơi có bọn người tắm biển chạy lảng quăng

giữa bờ nước trắng xóa và những chiếc lọng. Nơi đó, hắn trầm tĩnh trở lại. Hắn đứng thẳng người trên đôi chân rần rỏi, xạm nắng, hai bàn tay thọc trong túi quần, hắn nhìn ngắm những bóng người lúc nhúc, xôn xao trông như một đám sâu bọ. Khuôn mặt hắn lạnh lùng, trầm mặc trông như một loài khoáng chất : những người tắm biển dưới kia cơ hồ như thuộc một loài sinh vật nào khác với hắn và sự di động của họ từ biển nước tới bờ cát gần như không mang một ý nghĩa nào đối với hắn.

Bây giờ đến lượt hắn bước xuống bãi cát, theo con đường thẳng, khuôn mặt vẫn lạnh lùng và cái nhìn cố định, đôi vai hắn cứng đờ. Chợt hắn dừng chân lại, dờ dãn dưới ánh nắng mặt trời trông như một tên lính chì vĩ đại. Bằng một cử động của một thứ người máy, hắn nghiêng đầu rồi lại ngoảnh nhìn ra phía biển, đoạn nhìn xuống lũ cát dưới chân hắn một lần nữa — và hắn ngồi xuống.

Hắn vẫn ngồi như vậy cho tới lúc họ trở lại, giữa đám quần áo vung vãi trên những chiếc khăn tắm, giữa cái áo sơ mi màu kem của Olivier và cái quần « chân gà » mà Anne gần như mặc mỗi ngày để ra bãi. Một chập sau, hắn cầm lên một chiếc giày trắng của Anne và xoay nó trên đôi tay của mình, quan sát nó vẫn với một vẻ tò mò lặng lẽ, trù trù như thể đó là một món đồ quái dị rơi xuống từ một thế giới nào khác lạ. Nhưng có thể là hắn quan sát đôi bàn tay của hắn, quan sát cái vẻ chậm chạp kinh dị trong những cử động của chúng, hoặc những hạt cát lấp lánh ở dưới chúng — hoặc không gì cả... ?

— Nào, Pierre ? Mày không nói gì cả...

— Mày muốn tao nói gì bây giờ ?

— Bất luận, như mọi khi.

Pierre phá lên cười. Như lúc nào, khi trời nóng, những cánh cửa sổ nơi phòng ăn của biệt trang đều hé mở. Một tia sáng mỏng chiếu qua kẽ hở của hai cánh cửa. Trên một cái rương, người ta đặt một cái chum bằng thiết đựng đầy những trái mận, lê và táo tây, làm tăng thêm cái mùi hương tự nhiên, tươi mát và ngào ngạt của khoảng tranh tối tranh sáng.

— Cũng vậy thôi, Berthe nói, người ta có thể nói hết cho cậu nghe, không có gì làm tổn thương cậu.

— Ô ! chị biết, Olivier và tôi... Chúng tôi quen biết nhau từ lâu rồi.

Nàng mím môi, nhìn xuống đĩa ăn của mình « Dầu sao cũng cứ... » Nàng châm vào một miếng thịt heo lạnh và tiếp lời một cách lơ đãng : « Có điều là cậu có vẻ lo lắng ».

— Đâu có. Tôi đoán chắc với chị.

Hắn nghiêng người ra phía sau và vệt ánh sáng cắt ngang khuôn mặt hắn. Hắn tránh về phía trước, đặt hai bàn tay nắm sát trên mặt bàn, đưa mắt nhìn họ : « Bao giờ... Baz-noz... » Olivier hát nho nhỏ. Anne thốt lên cười như một đứa trẻ « Anh biết có kỷ lễ ở Brest không ? Không nên để lỡ... ».

— Vả lại, Berth nói, nói lo lắng cũng không đúng, cậu có vẻ buồn.

— Buồn à ? Tại sao buồn mới được chứ ?

— Đúng như vậy đó. Không có lý do. Chính vì vậy mà tôi mới chú ý. Cậu đang nghỉ hè, cậu sắp cưới Anne, lại đang kỷ lễ hội ở Brest và cậu có vẻ buồn. Cậu muốn tôi phải nghĩ sao mới được chứ ? Tôi chắc chắn là mọi người đều đồng ý. Cậu có vẻ buồn.

Pierre quay đầu đi và nhìn lên các cánh cửa sổ, sau các cánh cửa đó, mùa hè đang rung rẩy. Dưới gầm bàn, hai bàn tay hắn vò lấy chiếc khăn ăn, đoán kéo nó ra và đặt nó lên mặt bàn. Hắn cầm lấy chiếc ly không và chừng như đang lưỡng lự không biết có nên rót đầy nó hay không « Baz-noz là cái gì vậy ? »

— Xong rồi ! Em đã tìm ra, em đã tìm ra ! Anne kêu lên vừa gật gật hai nắm tay của nàng. Từ lâu em cố tìm kiếm cái gì còn thiếu trên khuôn mặt của Pierre : Nó thiếu một nụ cười, Anh ấy thỉnh thoảng vẫn có phá lên cười, nhưng em chắc chắn là không hề trông thấy anh ấy mím cười ». Bây giờ thì hai bàn tay nàng nắm lấy nhau và nàng nhìn thẳng vào mặt Pierre bằng một cái nhìn đăm đúi « Không hiểu sao mà anh ấy không biết mím cười nhỉ ? »

— Nhưng mà đừng nhìn cậu ấy như thế, Berthe nói. Người ta sẽ nói là em mê cậu ấy đó.

— Thôi các con ! bà Aldrouze rên rỉ. Hãy để cậu Pierre yên. Các con thấy rõ là các con làm phiền cậu ấy chứ : cậu ấy không ăn nữa kia.

— Cảm ơn bác, cháu ăn xong rồi.

Olivier đứng dậy, vươn vai vừa há họng ngáp, đoạn chống tay ngang hông và kêu lên sung sướng :

— Sao ? Các người trở ra bãi chớ ?

Đến lượt Pierre đứng dậy. Hắn nhìn Anne đang ngồi bất động.

— Tôi, Olivier nói, tôi thì tôi bắt đầu thấy một mối vi cát, mặt trời và mấy đứa bé rồi. Tôi sắp sửa đánh một giấc đây. Như chị Berthe »

Mỗi đêm một nụ cười, chàng đi vòng qua bàn trên những bước chân dịu dàng và biến mất trong bầu không khí mát mẻ của gian nhà ngoài.

— Olivier, Pierre kêu lên. Tao đi với mày lên đó được không ?

Hắn đứng im, người khẽ rung lên, trán ướt đầm mồ hôi, bàn tay mở ra ở ngang tầm thân thể như sắp sửa cầm lấy một thứ khí giới nào đó. Một chớp sau, hắn lại kêu lên : « Olivier ! ». Đoạn hắn nhìn xuống, ngồi vào bàn trở lại. « Nó không nghe mình », hắn thì thầm.

— Nhưng mà Pierre, cậu biết ở đây như nhà cậu, bà Aldrouze nói. Cậu có thể lên đó nếu cậu thích.

— Đúng thế, Berthe nói. Tôi không ngờ cậu lại ngại ngần như vậy. Bạn thân với nhau như hai người... »

(Còn tiếp)

Jean-René Huguenin

Hãy tìm đọc

T H O S A Y

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG XUẤT BẢN

Sinh Hoạt Văn Nghệ



Hoạt động của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam.

Hồi 18g ngày thứ Bảy 9 tháng 9 năm 1972 Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam đã cho khai mạc triển lãm hội họa của hai họa sĩ Rừng và Hoàng Đăng Nhuận tại phòng tranh Lữ Quán Đại Lục (Dolce Vita), công trường Lam Sơn Saigon. Tranh của Rừng bày ra một thế giới hung bạo được diễn tả bằng những màu sắc đầy nhiệt đới tính. Với Hoàng Đăng Nhuận chúng ta có thể nhìn thấy một cái gì trái lại. Tranh của ông phủ đầy màu thạch thảo buồn thảm, men rêu xanh, ào lên màu đỏ tủy hồng pha màu hổ phách. Phòng triển lãm mở cửa từ 9-9-1972 và sẽ đóng cửa vào ngày 16-9-1972.

Nhật ký sau một tác phẩm.

Được đọc trước khi sách vào bla, tập truyện CHUYỆN HAI NGƯỜI của Hoàng Ngọc Tuấn, những lời tâm sự của một bình thức nhật ký trong đó tác giả viết về chính tác giả, bạn bè, nợ nần, độc giả... HNT cho rằng anh không mặc cảm để tự nhận mình là nhà văn. Tôi là nhà văn vì tôi đã, đang và sẽ viết văn mãi mãi cho đến hết cuộc đời tôi. Ở một chỗ khác, anh phủ nhận tất cả những nhận định đã gán cho anh là nhà văn của tuổi thơ, nhà văn của tuổi trẻ. Tôi là nhà văn của văn chương, tôi là nhà văn viết văn. Anh cũng không nhận anh là nhà văn chỉ chuyên viết chuyện tình. Tôi viết văn, và tác phẩm của tôi cảm hứng từ tất cả những mùi vị của cuộc đời. Trong những trang Nhật ký này HNT cũng cho người đọc thấy anh còn có một khả năng khác là đặt lời Việt cho một bản nhạc (A TIME

FOR US, nhạc của Tchaikovsky trong phim Roméo và Juliette).

Tóm lại đây là phần phụ lục đặc biệt dài 28 trang cho một tập truyện (chứ không phải là một biên khảo) được chính tác giả đề nghị xem như là một bài nói chuyện của tác giả nhân dịp xuất bản sách mới :

Tựa truyện : Chuyện Hai Người.

Tác giả : Hoàng Ngọc Tuấn.

Nhà xuất bản : An Tiêm.

Sách dày 170 trang, giá 260đ.

(9 - 9 - 1972).



Lần in đầu, 5000 cuốn
đã phát hành toàn quốc

hạnh phúc đến về đêm

Truyện dài mới nhất của MAI THẢO

*Những vòm trời, những con đường,
những nôi hồng, những viễn du và
khởi hành mới của tình yêu, trong
cuộc kiếm tìm hạnh phúc mà mọi
tuổi mọi người cùng thấy mình
đích thân tham dự và có mặt.*

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

SÁCH * BÀI trong tháng

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

— LƯU BÚT MÙA HẠ, thơ của Phan Phụng Thạch. Hạnh Nhơn xuất bản, sách dày 30 tr gồm 10 bài thơ — giá 60đ.

— NĂM XƯA, tuyển tập (2) những nhạc khúc thời kháng chiến do đoàn Du Ca Đà Nẵng sưu tập và ấn hành sách dày 62 trang, không ghi giá.

— MỘT CHÚT CHO TÌNH YÊU, thơ của Đynh Trầm Ca, Nguồn xuất bản, sách dày 48 trang, giá 200đ.

Hộp Thư Tổa Soạn

— Ông Hồ Thế Phát (Bình Định).
Rất cảm thông với ông.

— Lê Minh, Thiện Nghi. Có nhận được mấy bức vẽ của các anh.

— Anh Lê Hồng Thái (KBC. 70.86).
Đang xem mấy bức vẽ của anh.

— Anh Mai Trọng Cát (Quảng Ngãi)
Vì một lý do ngoài ý muốn, truyện CTQHVT của anh chưa «chạy» được.

BÀI ĐƯỢC CHỌN

Tòa soạn VĂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những số sau.

Tòa-soạn không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ «yêu cầu miễn ghi» trên đầu bản thảo.

• THƠ

Lê Yên Linh Phương (2). Trần Như Lộc. Tô Châu Thạch. Nguyễn Vũ Thái. Hồ Dạ Thoại. Trần Quế. Trần Thanh Vy. Thiêng Tử. Sa Hoài Nhuận. Phạm Trần Tú. CTCTK. Lê Duy Tâm. Nguyễn Khiếu. Đỗ Đôn Nghiệm. Dương Ngọc Sum. Phạm Linh Vũ. Nguyễn Phong Hàn. Lê Sa. Hoàng Xuân Phương. Nguyễn Vũ Lộng. Cao Trường Huy. Nam Hoa.

Nguyễn Đức . Bạc Ngân . Vương
 Hồng Ngộ . Phạm Phú Phúc .
 Dương Thu Mỹ . Trần Ngọc Kim (2).
 Danh Ưng . Song Tương . Hàn
 Mặc Dạ Vũ . Vũ Thế Học . Hàn
 Lâm Thảo . Nguyễn Trần . Nguyễn
 Ngọc Nghĩa . L.M. Nguyễn Văn
 Sinh . Lê Kim Sang . Chu Vương
 Miện . Nguyễn Ngọc Hoàng .
 Nguyễn Nam Kha . Nguyễn Văn
 Viên . Long Thiên . Nguyễn Phong
 Hàn . Nguyễn Phước Huệ . Từ

Hoài Tấn . Chu Vương Miện .
 Nguyễn Thương Hoài . Đinh
 Trầm Ca . Lương Hữu Chính .
 Trần Doanh Yên . Đỗ Đôn
 Nghiệm . Phạm Chi Lâm . Hoàng
 Kinh Châu . Trần Thị Mai Nhi .
 Dã Nhân.

● VĂN

Hoài Diễm Từ . Trần Lạc Thiên .
 Trần Như Lộc . Nhược Chi.

Người Nam, Trung đọc để thương
 Người Bắc đọc để nhớ

THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI của VŨ BẰNG

là một khúc ca dài nói lên cái đẹp, cái
 buồn của một phần quê hương xứ sở chìm
 trong khói lửa.

NGUYỄN - ĐÌNH VƯỢNG
 xuất bản



mục-lục sách báo đã xuất - bản

Từ nay, mỗi khi cần mua sách báo cũ, mong quý bạn tìm trong bản mục lục này rồi đặt mua, tránh cho tòa báo khỏi phải trả lời riêng từng bạn, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Bạn nào muốn hỏi thêm điều chi, xin gửi kèm tem thư, đề ty trả lời riêng. Mục Hộp thư Bạn đọc sẽ không trả lời các thư hỏi mua sách báo.

Chúng tôi cũng sẽ không trả lời những thư hỏi mua sách báo mà không kèm theo tem thư.

NĂM THỨ NHỨT (1964) — NĂM THỨ HAI (1965)

Trong hai năm 1964 và 1965, VĂN đã ấn hành tất cả 48 số (chủ đề, xin xem Mục-lục đăng trong VĂN số 104, ngày 15/4/1968).

Tất cả 48 số nay đều **đã hết**.

Báo đóng thành tập, từ tập I đến tập VIII nay cũng **đã hết**.

Tuy nhiên, Ty Trị-sự VĂN có **mua lại** được một số báo cũ, **theo giá gấp đôi**, nay được đem ra bán lại, gồm có những số : 1, 2. Hai (2) số kê trên, đều đồng giá 20 \$, một cuốn, và chỉ còn mỗi thứ dăm ba cuốn. Độc giả ở gần, muốn mua, xin mời ghé báo quán. Ở xa, xin biên thư gửi Ty Trị-sự VĂN kèm theo 68 đồng tem thư (kể cả cước phí bảo đảm). Nếu gửi máy bay xin gửi thêm 8 đồng nữa là 76 đồng.

Ghi chú : Văn số 1, đặc biệt đăng trọn tập truyện « Chim hót trong lồng » của Nhật-Tiến.

Số 2 đặc biệt về Albert Camus, giải Nobel về Văn chương 1957.

TÂN - VĂN

TÂN-VĂN là một nguyệt-san, chuyên về nghiên-cứu và phê-bình văn-học. Kể từ số 11, có thêm phần thơ văn sáng tác.

Tới tháng 7/69, đã xuất-bản đều đặn được 15 số. Ngoại trừ tập TÂN-VĂN số Xuân Kỷ-Dậu, nhập chung 2 số 9 và 10, bán giá 70 đồng, còn 13 số kia, đều đồng giá 30 đồng mỗi số.

Kể từ số 16, TÂN-VĂN có chủ đề như sau :

- | | | |
|-------------|-----------------------|------|
| — 16 + 17 : | đặc biệt về Xuất-bản | 40\$ |
| — 18 + 19 : | đặc biệt về Giáo-dục | 40. |
| — 20 : | đặc biệt về Nguyễn Du | 40. |
| — 21 + 22 : | Văn-minh Việt-nam | 70. |

(giai phẩm Xuân Canh-Tuất)

Trọn bộ (22 số) giá báo 650 đồng. Ở xa, xin gửi thêm 441 đồng cước phí (máy bay / bảo đảm).

Ngoài ra, còn có 7 số Đặc san VĂN nghiên cứu và phê bình văn học, ấn hành trước Nguyệt san TÂN VĂN và có nhiều bài đăng tiếp sang TÂN VĂN. Muốn mua cả 7 cuốn này cho đủ bộ, mong bạn gửi **thêm** 210\$ và 77\$ cước phí.

NĂM THỨ BA (1966)

(chỉ còn những số sau đây)

Số	Tên sách	(bml)	hết
52	Tuyển-tập Thơ Văn	—	30 \$
56	Tuyển-tập Thơ Văn	—	30.-
58	Tuyển-tập Thơ Văn	—	30.-
59	Đọc văn Graham Greene	—	30.-
63	Tuyển-truyện Đại-Hàn		15.-
65	Đọc văn John Updike		15.-
66	Tuyển-tập Thơ Văn		15.-
69	Tuyển-tập Thơ Văn		15.-
72	Mùa giải thưởng Văn-chương		20.-

ĐÔNG THANH TẬP :

Cả 4 tập IX, X, XI, XII, (trọn năm 1966) đều đã hết.

(*) Bml ; những số này **đã bán hết**, sau Ty Trị-sự có mua lại được của độc giả dư dùng, mỗi thứ dăm ba cuốn, **theo giá gấp đôi** ; nay đem bán lại cho người cần dùng.

NĂM THỨ TƯ (1967)

Số	73 + 74	—	Tướng-niệm Hàn-Mặc Tử	hết
	75 + 76	—	Giai-phẩm Xuân Đình-Mùi	50\$
	77	—	Đầu Xuân Lộc Mới (tuyển tập)	20.
	78	—	Đọc Simone de Beauvoir, nữ văn sĩ thời danh Pháp	20.

79 — Tuyển-tập Thơ Văn	20.
80 — Tưởng-niệm Hồ Biểu Chánh	hết
81 — Đọc văn Tennessee Williams, kịch tác gia lầy lừng Hoa-kỳ	20.
82 — Năng Hè (tuyển tập)	20.
83 — Đọc văn Boris Pasternak, văn hào Nga, giải Nobel về Văn-chương 1958	20.
84 — Tuyển-tập Thơ Văn	25.
85 — Đọc văn Marcel Proust nhà văn kinh điển lớn của Pháp	25.
86 — Viết về Thơ	hết
87 — Tuyển-tập Thơ Văn	25.
88 — Đọc văn Erskine Caldwell, tiểu thuyết gia thời danh Hoa-kỳ	25.
89 — Mây Mùa Thu (tuyển tập)	25.
90 — Tưởng-niệm Hồ Thích, tư-tưởng-gia Trung-hoa	25.
91 — Thương nhớ Đinh Hùng	25.
92 — Tuyển-tập Thơ Văn	25.
93 — Viết về Hội-họa	hết
94 — Tưởng-niệm André Gide, văn hào Pháp, giải Nobel về Văn-chương 1947	hết
95 — Mưa Cuối Mùa (tuyển tập)	25.
96 — Đọc Thomas Mann (<i>số Giáng-sinh</i>) văn hào Đức, giải Nobel về Văn-chương 1929	hết

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XIII, từ số 73 đến số 78,	hết
Tập XIV, từ số 79 đến số 84,	—
Tập XV, từ số 85 đến số 90,	—
Tập XVI, từ số 91 đến số 96,	—

NĂM THỨ NĂM (1968)

Số	97 — Giới thiệu Eugene Evtouchenko, thi sĩ thời danh Nga-sô	30\$
98 + 99	— Giai-phẩm Xuân Mậu-Thân	70.

100 + 101	— Viết Trong Khói Lửa (tuyển tập)	25.
102	— Mít Mờ Thức Mây (tuyển tập)	25.
103	— Tưởng-niệm Carson Mc Cullers, nữ văn sĩ danh tiếng Hoa-kỳ	25.
104	— Trên vai Việt-Nam (tuyển-tập)	hết
105	— Đọc truyện Quách Lương Huệ, nữ văn sĩ thời danh Trung-hoa	25.
106	— Mảnh vụn trong hồn người (tuyển-tập)	hết
107 + 108	— Tưởng-niệm Hoàng-Đạo	hết
109	— Giới thiệu M.A Asturias, nhà văn Guatemala, giải Nobel về Văn-chương 1967	hết
110	— Ngày trở lại Huế (tuyển-tập)	30.
111	— Mồng Một tháng Tám (tuyển-tập)	30.
112	— Giỗ đầu Đinh Hùng	hết
113	— Giới thiệu Bertolt Brecht, kịch tác gia bậc nhất nước Đức	hết
114	— Những cây bút trẻ (tuyển-tập)	30.
115	— Mở mắt nhìn quê hương (tuyển-tập)	hết
116	— Giới thiệu Norman Mailer, nhà văn nổi loạn xứ Hoa-kỳ	hết
117	— Thương nhớ Tchya Đài Đức Tuấn	hết
118	— Lối về chợ Trúc (tuyển tập)	30.
119	— Tưởng-niệm André Maurois, nhà văn lớn nước Pháp	hết
120	— Đêm Bethléem (tuyển-tập Giáng-Sinh)	hết

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XVII, từ số 97 đến số 102,	hết
Tập XVIII, từ số 103 đến số 108,	—
Tập XIX, từ số 109 đến số 114,	—
Tập XX, từ số 115 đến số 120,	—

NĂM THỨ SÁU (1969)

Số 121	— Kỷ niệm đệ Ngũ chu niên, <i>tuyển tập</i> Casey Calvert, nhà văn xứ Cuba	30\$
122	— Mùa đông trong trí nhớ, <i>tuyển tập</i> Y. Kawabata, nhà văn Nhật, giải Nobel 1968	30.
123 + 124	— Giai phẩm Xuân Kỷ Dậu	100.
125	— Đầu Xuân Lộc Mới, <i>tuyển tập</i>	30.
126	— Như nước trong nguồn, <i>tuyển tập</i> Stefan Zweig, nhà văn Đức	30.

127 — Đầu mùa nắng lửa, <i>tuyển tập</i> Jakov Lind, nhà văn Đức	30.
128 — Số đặc biệt : Léon Tolstoi, văn hào Nga	hết
129 — Thương nhớ Y-Uyên	hết
130 — Mặt trời tháng Tư, <i>tuyển tập</i> A. Solzhenitsyn, nhà văn Nga	30.
131 — Lệ đá đêm sâu, <i>tuyển tập</i> G.C. Infante, nhà văn xứ Cuba	30.
132 — Phượng trong thành nội, <i>tuyển tập</i>	30.
133 — Về nhánh sông xưa, <i>tuyển tập</i> Klaus Roehler, nhà văn Đức	30.
134 — Sầu xưa chín rụng, <i>tuyển tập</i> I. B. Singer, nhà văn Do-thái	30.
135 — Tuyển tập văn mới	30.
136 — Trên ngọn sầu đông, <i>tuyển tập</i>	40.
137 — Người đàn bà thành Prague	40.
138 — Những cây bút trẻ, <i>tuyển tập</i>	40.
139 — Nói với mùa thu, <i>tuyển tập</i> Tibor Déry, nhà văn Hung-gia-lợi	40.
140 — Số đặc biệt : Kawabata Yasunari (Nhật-bản)	40.
141 — Phiến đá chưa mòn, <i>tuyển tập</i> John Cheever, nhà văn Hoa-kỳ	40.
142 — Đường bay của nghệ thuật, <i>họa và thơ</i>	40.
143 — Mưa khóc tan mùa, <i>tuyển tập</i> Rafael Steinberg, nhà văn Hoa-kỳ	40.
144 — Bình an dưới thế, <i>số đặc biệt Giáng-sinh</i>	40.

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XXI, từ số 121 đến số 126,	hết
Tập XXII, từ số 127 đến số 132,	—
Tập XXIII, từ số 133 đến số 138, giá 230 đồng một tập.	
Tập XXIV, từ số 139 đến số 144, giá 260 đồng một tập.	

NĂM THỨ BẢY (1970)

Số 145 — Tưởng-niệm Đông-Hồ	40đ
146 + 147 — Giai phẩm Xuân Canh Tuất	110.
148 — Đầu Xuân Lộc Mới, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	40.
149 — Tuyển-tập Thơ Văn	40.
150 — Số đặc-biệt : Vũ Hoàng Chương	40.
151 — Tuyển-tập Thơ Văn Bernard Malamud, nhà văn Hoa-kỳ	40.

152 — Số đặc-biệt : Jean-Paul Sartre (Pháp)	40đ
153 — Trong Nỗi Buồn Vàng, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	40.
154 — Số đặc-biệt : Mừng Phật-đản 2.514	40.
155 — <i>Tuyển tập Thơ Văn</i> Irwin Shaw, nhà văn Hoa-kỳ	40.
156 — Số đặc-biệt : Hoài-niệm Nhất-Linh	50.
157 — Số đặc biệt : Simone de Beauvoir (Pháp)	50.
158 — Mưa Chưa Dứt Hạt, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	50.
159 — Số đặc biệt : Hoài niệm TchyA Đái Đức Tuấn	50.
160 — <i>Tuyển tập Thơ Văn</i> , Dylan Thomas, nhà văn Anh-cát-lợi	50.
161 — Số đặc biệt : thi sĩ Quách Tấn	50.
162 — <i>Tuyển truyện Á-châu</i>	50.
163 — <i>Tuyển tập thơ văn</i> Alexander Solzhenitsyn, nhà văn Nga-xô	50.
164 — Đi Giữa Mưa Thu, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	50.
165 — <i>Tuyển truyện Phi-châu Da Đen</i>	50.
166 — <i>Tuyển tập thơ văn</i> Irwin Shaw, nhà văn Hoa-kỳ	50.
167 — <i>Tuyển tập thơ văn</i> Akutagawa Ryunosuke, nhà văn Nhật-bản	50.
168 — <i>Tiếng Hát Lên Trời, tuyển tập</i> số đặc biệt mùa Giáng-sinh	50.

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XXV, từ số 145 đến số 150, giá 300 đồng một tập.
 Tập XXVI, từ số 151 đến số 156, hết
 Tập XXVII, từ số 157 đến số 162, giá 330 đồng một tập.
 Tập XXVIII, từ số 163 đến số 168, giá 330 đồng một tập.

NĂM THỨ TÁM (1971)

Số 169 — Tưởng-niệm Phạm Duy Tồn	50đ
170 + 171 — Giai phẩm Xuân Tân Hợi	125.
172 — Đầu Xuân Lộc Mới, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	50.
173 — <i>Tuyển truyện « Gió Đông »,</i> các nhà văn Á châu (tập 2)	50.
174 — <i>Tuyển-tập Thơ Văn</i>	50.
175 — Số đặc biệt : Viết về Tản-Đà	50.
176 — Bóng Tối Vây Quanh, <i>tuyển tập</i> (trẻ)	50.

177 —	Tuyển-tập Thơ Văn	50\$
178 —	Tuyển truyện Nga-la-tư	50.
179 —	Số đặc biệt : Viết về Hàn-Mặc Tử	50.
180 —	Tuyển-tập Thơ Văn Alexis Tolstoi, nhà văn Nga	50.
181 —	Khi Mùa Mưa Tới, tuyển tập (trẻ)	50.
182 —	Tuyển-tập Thơ Văn Slawomir Mrozek, kịch tác gia Ba-lan	50.
183 —	Tuyển-tập Thơ Văn Sata Ineko, nữ văn sĩ Nhật-bản	50.
184 —	Tuyển truyện Hung-gia-lợi	50.
185 —	Tuyển-tập Thơ Văn	hết
186 —	Số đặc biệt : Tưởng niệm Đông-Hồ	50.
187 —	Khi mùa thu tới	50.
188 —	Tuyển tập thơ văn	50.
189 —	Viết về Nguyễn Bính	50.
190 —	Tuyển tập thơ văn	50.
191 —	Nhà văn Nhật Naoya Shiga. Pablo Neruda, giải Nobel 71	50.
192 —	Giáng sinh 1971	50

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập XXIX,	từ số 169 đến số 174,	giá 355\$ một tập.
Tập XXX,	từ số 175 đến số 180,	giá 330\$ một tập.
Tập XXXI,	từ số 181 đến số 186,	giá 330\$ một tập.
Tập XXXII,	từ số 187 đến số 192,	giá 330\$ một tập.

NĂM THỨ CHÍN (1972)

193 —	Số đặc biệt đệ bát chu niên	80\$
194 + 195 —	Giai-phẩm xuân Nhâm Tý	180.
196 —	Số đầu năm Nhâm Tý	80.
197 —	Sáu truyện ngắn mới	80.
198 —	Số đặc biệt về thơ	80.
199 —	Số đặc biệt hội họa	80.
200 —	Số đặc biệt về sân khấu	80.
201 —	Tuyển tập thơ văn	80.
202 —	Sáu nhà văn trẻ	80.
203 —	Tuyển truyện Ý Đại Lợi	80.
204 —	Tùy bút, bút ký, hồi ký	80.
205 —	Tuyển tập thơ văn	80.
206 —	Các nhà văn nữ	80.

207 —	Tuyển tập thơ văn	80.
208 —	Truyện ngắn Hồi giáo	80.
209 —	Tuyển tập thơ văn	80.
210 —	Tuyển tập thơ văn	80.

VĂN - UYÊN

(chỉ còn những số sau đây)

Số 8 —	NHỮNG NGƯỜI ĐÃ QUA, Thế-Uyên	308
11 —	NHƯ NƯỚC TRONG NGUỒN, tập thơ Trần-thị Tuệ-Mai	30.
12 —	SỐNG BẰNG SỰ NGHIỆP, Nguyễn Mạnh-Côn	30.
15 —	QUÊ HƯƠNG NHƯ MỘT THÀNH TÍCH, tập thơ Hoàng Bảo Việt	30.
18 —	MẮT THÙ, truyện dài Du Tử Lê	40.
19 —	TUYỂN TRUYỆN TUỔI THƠ — quyển 2, tập truyện Bảy Tác-giả	40.
20 —	ĐUỐC SẬY, tập truyện Y-Uyên	40.
21 + 22 —	NỬA ĐÊM NGOÀI PHỐ truyện dài Stephen Crane	40.

LƯU Ý : Từ số 23, Văn-Uyên chuyển thành TÂN-VĂN

23 —	DỌC ĐƯỜNG, tập truyện Thanh-Tâm Tuyển	408
24 —	ĐÊM LÃNG QUÊN, tập truyện Nguyễn-đình Toàn	hết
25 —	NGÃ ĐẠN, tập truyện Dương Nghiễm Mậu	40.
26 —	MÊ CHỮ, tập truyện Vũ Bằng	50.
27 —	TRỜI XANH TRÊN MÁI CAO, truyện dài Nguyễn-thị Hoàng	50.
28 —	BUỒN OI, BẮT TAY, truyện dài Françoise Sagan	hết
29 —	TUYỂN TRUYỆN SÁNG TẠO, Bảy tác giả, Mai-Thảo chọn và giới thiệu	50.
30 —	MÓN LẠ MIỀN NAM, tập bút Vũ Bằng	50.
31 —	HANG ĐỘNG MỚI, tập truyện Phan Du	50.
32 —	MƯA NÚI, tập truyện Mai-Thảo	50.
33 —	CHIẾC XƯƠNG LÁ MỤC, tập truyện Y-Uyên	50.
34 —	CẢNH ĐỒNG ĐÃ MẤT, truyện dài Thảo-Trường	50.
35 —	NGÀY HỒNG XUA, tuyển truyện tuổi thơ, Tám Tác giả	hết

- | | |
|------------------------------------|-----|
| 36 — CÓ MỘT NỤ CƯỜI | hết |
| <i>truyện dài Françoise Sagan</i> | |
| 37 — ĐÁM CHÁY | 50. |
| <i>tập truyện Nguyễn-đình Toàn</i> | |
| 38 — CÁI ĐÈN LÒNG | 50. |
| <i>tập truyện Vũ Bằng</i> | |
| 39 — NIỀM IM LẶNG CỦA BIỂN CÀ, | 50. |
| <i>tập truyện Vercors</i> | |
| 40 — DƯỚI VÀNG HOA TRẮNG, | 50. |
| <i>tập truyện Nguyễn-thị Hoàng</i> | |
| 41 — TRONG HOANG VU, | 50. |
| <i>tập truyện Dương Nghiễm Mậu</i> | |
| 42 — CHUNG CUP | 50. |
| <i>tập truyện Trùng Dương</i> | |
| 43 — BÁT CƠM | 50. |
| <i>truyện ký Vũ Bằng</i> | |
| 44 — CÓ LOÀI CHIM LẠ | 50. |
| <i>tập truyện Y Uyên</i> | |
| 45 — HỒI CHUÔNG BÁO TỬ | 70. |
| <i>tập truyện Lê Huy Oanh</i> | |
| 46 — TÌNH NƯỚC MẶN | 80. |
| <i>truyện dài Viên Linh</i> | |
| 47 — CON DẤU HÓA | 80. |
| <i>truyện ký Vũ Bằng</i> | |
| 48 — MỘT CUỘC TÌNH | 80. |
| <i>tập truyện Trùng Dương</i> | |
| 49 — TIẾNG GỌI THẦM | 80. |
| <i>tập truyện Doãn Dân</i> | |
| 50 — Ở MỘT ĐỜI RIÊNG | 80. |
| <i>truyện dài Du Tử Lê</i> | |
| 51 — CHỨNG NHÂN CỦA THỜI ĐẠI | 80. |
| <i>tập truyện Hoàng Hải Thủy</i> | |
| 52 — NGỌN LỬA ĐÌU HIU | 80. |
| <i>tập truyện Huỳnh Phan Anh</i> | |
| 53 — BÃI MAN RỢ | 80. |
| <i>tập truyện Nguyễn Đình Toàn</i> | |